

hoạ đàm

Chủ Nhật, 15 tháng 12, 2013

WWW.HOADAMNEWS.COM

Bộ mới 2013. Số 8



Binh: UYÊN NGUYỄN/HOẠ ĐÀM

ĐÀN CHIM DI CƯ

CHÍ PHÁP



Cảnh vật có khả năng mang lại cho lòng người một niềm rung cảm. Tùy theo quan niệm sống, hoàn cảnh bị chi phối, cùng một cảnh mà có người tìm được trong đó một niềm vui thanh thoát,

xem tiếp trang 7

SỐNG VỚI NGƯỜI VIỆT

VINH HẢO



Là người Việt thì không cần phải suy nghĩ hay nói ra câu "sống với người Việt."

Câu ấy có vẻ như là câu nói của người ngoại quốc. Thế nhưng không phải, mà chính là câu nói của người Việt sống ở nước ngoài. Nói cụ thể là người Việt sống quán

xem trang 20

BIẾT BAO GIỜ MỚI TRÔNG THẤY ĐẠI VIỆT UY NGHI?

TRẦN QUANG ĐỨC



ĐẠI VIỆT QUỐC
LÝ GIA THÁI
TỔ HOÀNG ĐẾ
THIÊN ĐỒ KỶ SỰ 大

xem tiếp trang 2

NỀN TẢNG PHẬT GIÁO CỦA KINH TẾ HỌC

TUỆ SỸ / NGUYỄN GIÁC (dịch từ nguyên bản tiếng Anh tóm tắt)

"... Các nguyên nhân gốc rễ cho tăng trưởng kinh tế, tốt hơn hoặc xấu hơn như ngày nay nhìn thấy, được bện chặt với lòng tham lam, thù ghét và ảo tưởng. Xóa bỏ 3 độc tố này là mục đích tối hậu của đời sống người Phật tử. Tuy nhiên tình vi kỷ được trợ tá bởi các nguyên nhân gốc rễ tội lỗi như đã lộ ra trong việc tối đa hóa lợi nhuận..."

I. GIỚI HẠN VẤN ĐỀ

Chưa bao giờ con người ngưng tìm kiếm trong thiên nhiên để mong thâu thập được nhiều thứ hơn nửa nhăm chất đầy cái

nhà kho mại mại thiếu thốn của mình. Tư thuô cháo đói, hình như định mệnh buộc nó phải đối mặt với một thế giới cư muốn cắt giảm năng lực

của mình, khi nó nhận ra hai bàn tay mình thì quá ngắn, hai chân mình lại quá chậm để có thể bắt kịp cái dòng chảy xiết của sinh tồn để hưởng thụ

xem trang 6

Càng trong số này

PHẬT GIÁO VIỆT NAM
BIÊN CỐ VÀ TƯ LIỆU
1975-2009 (Kỳ 7)

VPE/VHĐ - tr.3

TUỆ KIỂM

PHƯƠNG PHÁP

TRẦN ĐÁU

CỦA PHẬT GIÁO (Kỳ 2)

Thư Đạo Thanh - tr.3

Ý THỨC MỚI

PHẠM CÔNG THIÊN

TU TƯỚNG GIA VIỆT NAM

[Lời Nói Đám]

Nguyễn Tiên Yên dịch - tr.4

GIỌT NƯỚC NÀO

XÓT MẮT TÔI

Thích Mân Giác - tr.11

TỰ DO MỘT CON NGƯỜI

Hoàng Long - tr.13

LƯỢC SỬ GIA ĐÌNH

PHẬT TỬ VIỆT NAM (6)

Tâm Lạc - tr.17

VÔ THƯỜNG

Quảng Pháp - tr.21

LÃNH ĐẠO

NGAY THẮNG

Hoàng Long - tr.26

ENGLISH SECTION

BUDDHIST CONTRIBUTION
TO GOOD GOVERNANCE
AND DEVELOPMENT
IN VIETNAM*

Ven. Prof. Le Nôm Thạt -
pg.8

PHAN BỘI CHÂU VỚI BÀI HỌC CÁCH MẠNG DÂN TỘC

NGUYỄN QUANG TỎ

(Bài nói chuyện của Giáo sư Nguyễn Quang Tỏ tại Viện Đại Học Vạn Hạnh nhân dịp kỷ niệm ngày kỷ nhật thứ 33 của Phạm Sơn Nam, 29-10-1973)

Suốt lịch sử cách mệnh dân tộc Việt Nam hiện đại từ Phan Đình Phùng cho tới Nguyễn Thái Học, nui xương song máu, hai Cụ Phan nhất là Phan Bội Châu thực tiêu biểu cho cái ý chí quyết cường bên bí,

đéo dai của dân tộc Việt Nam.

Sinh bất nạng tru thiên hạ hoạn / Tử bất nạng tiết ỷ trung cưu / Trường hạn mang mang, Lam thù Hồng sơn thiên cổ tại / Tiến hó thù ỷ cực phương

xem trang 10

THỂ DUNG

NGUYỄN XUÂN CHƯ

Văn chương, triết lý, khoa học đóng phương thường nói đến hai tiếng THỂ và DUNG.

Thể là một khối chung. Nhưng phân hoặc lớn

hoặc nhỏ tách rời khỏi hiện ra là những TƯỢNG của thể. Tượng hiện ra để diễn hành nhưng công năng của thể, nghĩa là những dụng thì khi hiện

xem trang 6



Pho tượng Phật tại Chùa Vạn An ở Huế
14. Tranh Mica dùng tại lễ kỷ niệm Phạm Sơn Nam 2013. Ảnh: Lưu Mai

U.S. FUND FOR UNICEF CORPORATE PARTNERS
OFFER GIFTS THAT GIVE BACK. pg9



BÀI VIẾT QUỐC LỄ GIỚI THIỆU HOÀNG SẾ THIỆN ĐỒ TỶ SỰ 大越國李朝大性皇帝遷都紀事碑
Trần Quang Đúc soạn, viết tiếp ngữ 阮光德奉撰並篆額
Nguyễn Quang Duy viết chữ 阮光維奉書
Phạm Đức Thiệp, Phạm Đức Tuấn khắc 範德壽、範德智奉鐫

Sắp theo trang 1

**BIẾT BAO GIỜ
MỚI TRÔNG THẤY ĐẠI VIỆT UY NGHỊ?**

越國李朝大性皇帝遷都紀事碑 Trần Quang Đúc soạn, viết tiếp ngữ 阮光德奉撰並篆額 Nguyễn Quang Duy viết chữ Phạm Đức Thiệp, Phạm Đức Trí khắc 範德壽、範德智奉鐫
我皇越自李朝莫安疆宇”自帝炎天”有宋驕頑”欽廉失守”彼占彼踰”乍斗鼎夷”此皆罔攝天威、梗選王化者”於是三州黎庶”五萬生民”一夜之間”咸吾奴僕”至皇朝明命大帝”國土日闢”為倍蓰焉”北控吳國、西來夷老、南吞真臘”東臨大溟”撫眾藩邦”包諸島嶼”誠哀然天地間一大國矣”然而吳國自古虎視我國”屢犯邊疆”於今冒彼犬心”掉其鴟舌”欲侵我萬里長沙”真不知其無恥也”“可惜本朝懦弱不敢效李陳事跡”老夫晝夜思之”不知何時能重睹大越威儀?

Phiên âm:
Nga Hoàng Việt tự Lý triều
điện an cương vu, tự đế
viêm thiên, hưu Tống
kiêu ngoan, Khâm Liêm
thất thủ; bí Chiêm giáo
hiệt, Sơ Đẩu kiều di,
Thù giai vong nhiếp p thiên
uy, ngành tuân vương
hóa giá. U thị tam châu

lẽ thư, ngu vạn sinh
dân, nhất dạ chi gian,
thanh ngò nô bộc. Chi
Hoàng triều Minh Mệnh
đạt đế, quốc thổ nhật
tích, vì bội ti yên. Bắc
khống khuyến Ngô, Tây
lai Di Lao, Nam thôn
Chân Lạp, Đông lâm
đạt minh, phủ chung
phiên bang, bao chu
đảo dự, thanh bấu
nhiên thiên địa gian nhất
đạt quốc h. Nhiên nhi
khuyến Ngô tự cố hổ thị
nga quốc, lu phạm biên
cương, ư kim mạo bí
khuyến tâm, diệu kì hào
thiệt, dục xam nga vạn li
Trường Sa, chân bắt tri
kì vô sỉ d. Khả tịch bản
triều nọa nhược bất cảm
hiệu Lý Trần sự tích, Lao
phu tru dạ tư chi, bất tri
hà thời nắng trung đồ Đại
Việt uy nghị?

Tạm dịch:
Nước Hoàng Việt ta tự
triều Lý định yên cương
vực, làm đế trời Nam.
Nước Tống kiêu căng,
Khâm Liêm thất thủ,
Chiêm Thành gian giáo,
Sơ Đẩu bêu đầu. Ấy đều
là nhưng kẻ không sợ

thiên uy, chống lại vương
hóa vậy. Cho nên dân
chung ba châu Khâm,
Liêm, Ung cùng năm vạn
người Đồ Bàn, chỉ trong
một đêm, thanh ra toi tó
của ta. Đến Hoàng triều
Minh Mạng đạt đế, quốc
thổ ngày một mở rộng,
gấp trăm nghìn lần. Phía
Bắc chống nước Ngô,
phía Tây với lu Di Lao,
phía Nam nuốt bọn Chân
Lạp, phía Đông nhìn ra
bể khơi, vô nghìn phiên
bang, ôm muôn biển đảo,
thật là một đạt quốc với
vực trong vòm trời đất. Thế
mà nước Ngô từ xưa vẫn
lắm lệ bờ cõi, nhiều lần
lấn phạm biên cương. Nay
lại cả gan cho má, uốn
lược cu diêu, hòng xam
lược Vạn Lý Trường Sa
của ta, thật không biết vô
sĩ vậy. Thế này, bản triều
nhu nhược, không dám
phóng theo chuyện cu Lý
Trần. Già nay ngày đêm
mong mỏi, không biết thời
nào mới lại trông thấy
“ĐẠI VIỆT UY NGHỊ”?

TRẦN QUANG ĐỨC

hoàđàm

Chung minh Đạo tràng:
THÍCH PHỔ HÒA*
TÂM HUỆ CAO CHÁNH HUY*
TÂM LẠC NGUYỄN VĂN THỰC*
TÂM HÒA NGÔ MẠNH THU*
NGUYỄN HIỀN NGUYỄN TÚ ĐẠI*
MINH TÍN ĐỎ VĂN PHỐ*
ĐỨC CHÂU VŨ NGỌC KHUÊ*

THÍCH TÚ LỤC
NGUYỄN MÃN LÊ VIẾT LÂM

Nhất tâm:
TRINH THANH THỦY • LÊ GIANG TRẦN •
ĐÌNH NGUYỄN • HOÀNG LONG • TÂM TRÍ
NGUYỄN QUANG VUI • TÂM ĐĂNG NGUYỄN
VĂN PHÁP • ĐÔNG TRÚC THÁI VĂN BẢ •
TÂM NGHĨA NGÔ VĂN QUY • THỊ NGHĨA
TRẦN TRUNG ĐẠO • TÂM THUỜNG ĐÌNH
BẠCH XUÂN PHÊ • NGUYỄN TỨC NGUYỄN
SUNG • HUỆ THÔNG NGUYỄN THANH TÂM
• DIỆU NGUYỆT NGUYỄN THỊ KIỀU DUNG •
QUẢNG HOÀNG LÊ HỮU MINH HUY • DIỆU
PHÚC NGUYỄN THỊ KIỀU DIỄM • TÚ HUỆ
VŨ MỸ HẠNH • HUỆ TRÍ NGUYỄN GIA HẢI
• MINH HẢI LÊ PHAN THIÊN SON • BÙU
THÀNH PHAN THÀNH CHINH • NGUYỄN
HUONG NGUYỄN NGHIÊM UYÊN TRANG
• THIÊN TÂM NGUYỄN HỮU TUẤN • NHẬT
HUẤN NGUYỄN LÊ GIA • NGUYỄN NHÂN
NGUYỄN HỮU TRUNG HIẾU • TÂM ĐÌNH
NGUYỄN HIỆP • NGUYỄN CHƠN NGUYỄN
THÀNH TÂM • DIỆU NGHIÊM TRẦN THỊ THỦY
TIỀN • NGUYỄN MẬT • NGUYỄN PHÙ XUÂN
• QUẢNG PHÁP TRẦN MINH TRIẾT...

Nhóm Kết Tập:
HOA ĐÀM
Liên lạc: NGUYỄN VIỆT
714.765.9844
Mọi kiến xây dựng, đóng góp bài vở,
xin gửi về địa chỉ:
hoadamnews@letter@yahoo.com



BÀI VIẾT QUỐC LỄ GIỚI THIỆU HOÀNG SẾ THIỆN ĐỒ TỶ SỰ 大越國李朝大性皇帝遷都紀事碑
Trần Quang Đúc soạn, viết tiếp ngữ 阮光德奉撰並篆額
Nguyễn Quang Duy viết chữ 阮光維奉書
Phạm Đức Thiệp, Phạm Đức Tuấn khắc 範德壽、範德智奉鐫

TUỆ KIỂM: PHƯƠNG PHÁP TRANH ĐẤU CỦA PHẬT GIÁO

THÁI ĐẠO THÀNH



THÁI ĐẠO THÀNH
(Thích Đức Nhuận)

(trích "Xây Dựng Nhân Sinh Quan Phật Giáo" -
Thái Đạo Thành, Vạn Hạnh xuất bản 1969)

Tiếp theo kỳ trước

B. KHÍ KIỂM:

Khi kiểm hun đúc bất
tình thần bất khuất của
dân tộc đã khiến cho đối
phương phải khiếp sợ dân
minh xưa nay.

Trong chiến tranh thế giới
vừa qua, người ta ca tụng
tinh thần yêu nước và lòng
hi sinh của dân tộc Nhật
Bản "Thà chết chứ không
chịu nhục." Đó là thứ tinh
thần đã được học lộ qua
trận tử chiến tại đảo Xung
Thăng, từ kẻ được chết
ngoại chiến trận đến kẻ
con sống sót cũng mổ
bụng tự sát. Thậm chí
đến đàn bà con nít cũng
từ tử dân hết. Như thế để
nói lên cái tinh thần bất
khuyết của dân tộc họ hầu
tạo thành một "Khí kiểm"
mà chính kẻ thắng cũng
phải nể sợ. Đem so sánh
về Khí kiểm giữa ta và
Nhật thì Khí kiểm của ta
nào có kém gì dân Nhật,
trong bất cứ hoàn cảnh
nào. Một Trần Bình Trọng
trả lời quân Nguyên: "Thà
làm quỷ nước Nam hơn
làm vua đất Bắc" cũng đủ
làm cho đội quân bạch
chiến của Hốt Tất Liệt
phát rụng hồn. Một Lê Lai
chịu chết thay chúa cũng
đủ hun đúc lòng dân nói

dậy lật đổ chế độ cai trị
tan nát của nhà Minh.

Rời đến hiện nay, cái dân
tộc nhỏ bé này, chỉ với hai
bàn tay và bộ óc đã đánh
bại đế quốc Pháp sau
chín năm kháng chiến, dù
hậu quả của kháng chiến
chỉ là một thảm cảnh chia
đôi đất nước, Quốc Cộng
phân tranh. Như thế nào
đã hết, Việt cộng còn bắt
một nửa dân tộc miền
Bắc, tiếp tục hi sinh chống
nhau với Mỹ quốc và cả
Thế giới tự do, mục đích
không phải vì độc lập
quốc gia, mà chỉ vì một
chủ nghĩa ngoại lai vô ý
thức. Đến thế mà dân Việt
vẫn còn đủ sức chịu đựng
để chờ cơ thoát gò nhưng
lăm lăm của mình.

Ngoài Bắc thì như vậy,
trong Nam này thì trái
lại khí kiểm tuy không tự
thành một khối và nhằm
vào một mục tiêu tranh
đấu, nó tản mác khắp đó
đây, tạo thành những mâu
thuẫn cá nhân, cá đảng,
khiến cho Khí kiểm của
dân tộc càng bị suy nhược
không đủ sức tạo nổi uy
quyền cho một quốc gia
độc lập thực sự, lỗi đó
chẳng là do sự thiếu giác
ngộ của Tuệ kiểm!

xem tiếp trang 6

PHẬT GIÁO VIỆT NAM BIẾN CỐ và TU LIỆU (1975-1995)

Bài trích đăng nhiều kỳ từ liệu Văn Phòng II Viện Hóa Đạo,
Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Hoa Kỳ, 1996

**17/03/1977: GIÁO HỘI ĐỨC KẾT CÁC VỤ VI PHẠM QUYỀN SINH
HOẠT CỦA PG:**

Hòa Thượng Thích Huyền Quang, lúc bấy giờ là đương kim Phó Viện Trưởng
Viện Hóa Đạo, gửi văn thư số 004/VHĐ/VT đến Thủ tướng chính phủ nước
CHXHCNVN, tường trình các trường hợp vi phạm tự do tôn giáo. Đính kèm
theo văn thư này là các bản báo cáo Phật sự của các cấp Giáo hội địa
phương liệt kê 85 vụ xâm phạm quyền tự do tín ngưỡng, tịch thu chùa chiền,
giám giữ Tăng sĩ. Tất cả những báo cáo yêu cầu can thiệp kể tên đều được
gửi đến nhà cầm quyền các cấp nhưng đã không được nhà cầm quyền cứu
vết mà còn tiến hành chính sách đàn áp khủng bố hơn ngay tại các cơ sở
trung ương của Giáo hội: chiếm dụng Trường Thanh Niên Phụng Sự Xã Hội,
cơ sở Tổng Vụ Thanh Niên (Đường Công Lý), cơ sở Cô nhi viện Quách Thị
Trang (địa nói ở trên), tổng xuất Hòa Thượng Thiện Minh Vụ trưởng Vụ Thanh
Niên ra khỏi trụ sở Tổng Vụ... Văn thư số 004/VHĐ/VT gửi đến chính phủ đức
kết lại tất cả những vụ vi phạm điển hình trên toàn quốc, yêu cầu có biện
pháp giải quyết thỏa đáng. Nhà nước cũng không trả lời bất cứ điều gì về việc
này.

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT VĂN PHÒNG VIỆN HÓA ĐẠO

Số: 004 - VHĐ/VP

Phật lịch 2520, TP Hồ Chí Minh ngày 17/03/1977

Kính gửi: Ông Phạm Văn Đồng, Thủ Tướng Nước CHXHCNVN

Thưa Thủ Tướng,

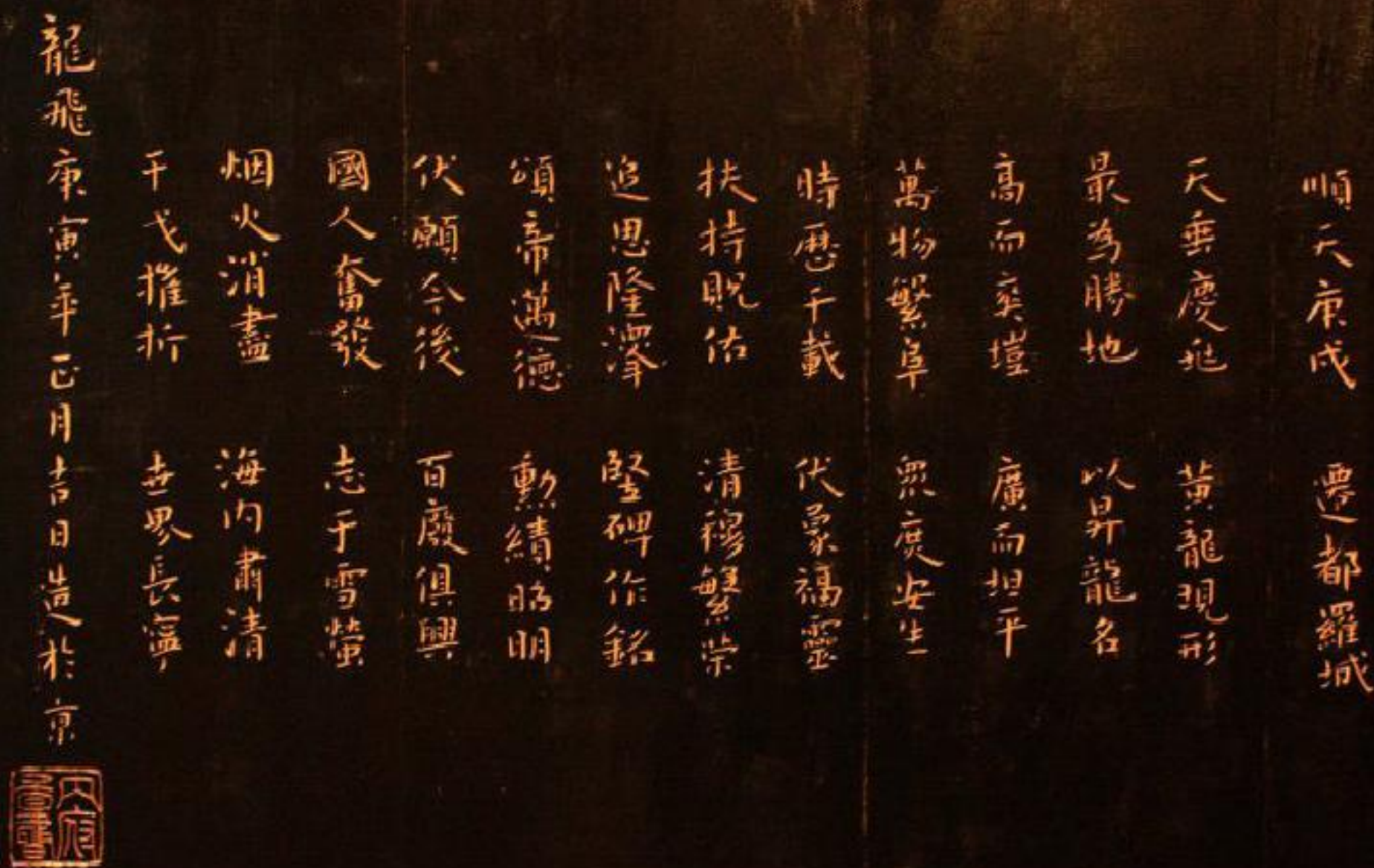
Từ ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng, đã xảy ra nhiều vụ vi phạm
chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng của Chính phủ do các cấp cơ sở gây
nên đối với Phật Giáo tại miền Nam.

Giáo Hội chúng tôi đã phản ánh tất cả những sự kiện này lên Ủy Ban Quân
Quản Sài Gòn - Gia Định, Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời Cộng Hòa Miền
Nam trước đây và Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh hiện nay xin
can thiệp để ngăn chặn những trường hợp như vậy. Nhưng tình trạng không
nhưng không được cải thiện mà còn có chiều hướng phát triển thêm.

Bởi thế, hôm nay, Giáo Hội chúng tôi kính gửi đến Thủ Tướng và Ban Thanh
Tra Trung Ương tập tài liệu ghi những sự kiện xảy ra từ gần hai năm qua đối
với Phật Giáo để Thủ Tướng có biện pháp thích nghi đối với các cấp chính
quyền cơ sở để những việc tương tự đừng tái diễn trong tương lai hầu tạo
niềm tin của tín đồ Phật Giáo đối với các chính sách của chính phủ và giữ
vững tinh đoàn kết dân tộc.

Trân trọng cảm ơn và kính chào Thủ Tướng.
Thưa Lệnh Viện Trưởng Viện Hóa Đạo
Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất
Phó Viện Trưởng Viện Hóa Đạo

Thượng Tọa **THÍCH HUYỀN QUANG**
(Ấn ký)



(Bút: TRẦN QUANG ĐỨC)

Ý THỨC MỚI, PHẠM CÔNG THIÊN, TƯ TƯỞNG GIA VIỆT NAM

Dưới đây là phần dịch "Lời Nói Đầu" trong cuốn Ý Thức Mới - Phạm Công Thiên, tư tưởng gia Việt Nam (2009) của tác giả Nohira Munehiro. (Nguyên tác: 野平宗弘 『新しい意識 — ベトナムの亡命思想家フラム・コン・ティエン —』). Bản dịch sẽ được ấn hành trong năm 2014.

LỜI NÓI ĐẦU

Sách này sẽ cố gắng giới thiệu đến người đọc tiếng Nhật về nhân vật Phạm Công Thiên (1941-2011) – một tư tưởng gia, một thi sĩ đã xuất hiện tại Nam Việt Nam (tức Việt Nam Cộng Hòa) thời chiến tranh Việt Nam, cũng như muốn làm sáng tỏ tư tưởng được cho là khó hiểu trong các tác phẩm của ông.

Phạm Công Thiên là một tri thức Phật giáo đại biểu cho Nam Việt Nam thời chiến tranh Việt Nam. Từ khoảng giữa thập niên 1960 trở đi, khi những trước tác của ông liên tục xuất bản, thì tiếng tăm ông lan rộng đến mức trở thành một hiện tượng thịnh hành với tên gọi hiện tượng Phạm Công Thiên, thậm chí còn được tôn sùng như thần tượng của giới trẻ đang sống trong tuyệt vọng chiến tranh.[1] Thế nhưng đột nhiên ông mất tích khỏi Việt Nam vào năm 1970. Có thi sĩ gọi ông là ngôi sao băng [2]

Về một Phạm Công Thiên như ngôi sao băng đột ngột xuất hiện ở Việt Nam, sẽ toang đem tới của thời đại chiến tranh rồi bất ngờ biến mất, hầu như không được biết đến ngoài lãnh thổ Việt Nam, và ngay ở Việt Nam hiện tại cũng chưa có được một đánh giá nghiêm cần.[3] Tuy nhiên, theo như tôi thấy, ông không những muốn phản xứng đáng để nghiên cứu lại như là nhân vật đã cắt vụn rất cần nguyên về địa ngục chiến tranh Việt Nam ngay tại đất nước đương sự, mà tôi còn cho rằng tư tưởng ông đưa ra chưa

đầy tinh trọng yếu không thể nào bỏ qua được đối với chúng ta nhưng kẻ đang sống trong thế giới hôm nay mà toàn thể địa cầu đã bị phủ kín bởi tri thức cận đại và khoa học kỹ thuật có nguồn gốc từ Tây phương. Cho nên, lẽ thường, tôi phải giới thiệu ông qua cách giới thiệu của riêng mình đối với tư tưởng nam giới của ông.

Điều trọng yếu cần phải quan tâm khi nghiên cứu tư tưởng Phạm Công Thiên chính là những tác phẩm mà ông đã viết, còn mấy thứ như kinh nghiệm từng trải, quá trình học tập hay công án việc làm chỉ dừng ở mức yếu tố thứ yếu. Tuy nhiên, với một nhân vật có thể nơi gần như vô danh tại Nhật Bản, đầu sao chẳng nua, trước hết, tôi muốn giới thiệu thật đơn giản coi Phạm Công Thiên là nhân vật như thế nào. Để vậy, có lẽ phương pháp tốt nhất là trích dẫn nguyên văn mấy lời tự giới thiệu bản thân rất khác thường do chính ông viết vào những năm giữa tuổi 20. Trong thi tập Ngày Sinh của Bần xuất bản năm 1966, bài tự giới thiệu được viết như sau.

Sinh vào năm rần, bên dòng sông Cửu Long, vì tranh luận học vấn với giáo sư, nên bỏ học trường lúc 13 tuổi; viết sách lúc 14 tuổi; làm giáo sư sinh ngữ từ lúc 16 tuổi đến 20 tuổi tại những trường ở Sài Gòn, Mỹ Tho, Đà Lạt, Nha Trang; quyển sách khảo luận đầu tiên được xuất bản vào lúc 16 tuổi,[4] viết quyển Ý thức mới trong Văn nghệ và Triết học vào lúc 20 tuổi; học triết lý tại trường đại học Yale, đệ trình tiểu

luan Ý niệm về chân lý trong tư tưởng Platon và Heidegger tại hội thảo triết lý ở Yale; tiếp tục học triết lý tại trường đại học Columbia, kinh bị giáo sư và bỏ học bổng của Viện Giáo Dục Quốc Tế, bị viện mới đi gặp bác sĩ phân tâm học, được mời khéo vào nhà thương điên, lại tranh luận với bác sĩ phân tâm học về giá trị và giới hạn của phân tâm học hiện đại, chỉ trích đời sống nông cạn của Mỹ quốc, sống lang thang lầy lắt ở xóm nghệ sĩ Greenwich Village tại New York; đã gặp Henry Miller, tại Pacific Palisades ở California, được Henry Miller nhận là Rimbaud lại ở thế kỷ XX, sau đó được một văn sĩ Do thái cho tiền để trốn qua Paris không giấy tờ, không hành lý, sống bơ phờ ở Bretagne, học văn chương tại trường đại học Rennes, kinh bị giáo sư, rồi lại bỏ đi và sống lang thang lầy lắt khắp hàng cung ngõ hẻm ở Paris, làm clochard đi ăn mày, ngủ dưới cầu, ngủ trên vỉa hè, đôi lạnh lòng đông và bỏ làm luận án tiến sĩ tại Pháp, được Henry Miller gửi tiền nuôi sống và được Henry Miller cho tiền rời bỏ Paris để sống lang thang giang hồ tại Thụy sĩ, Ý đại lợi, Ba tư, Hy Lạp, Thái Lan, văn văn. Lúc ở Paris thì nhập bọn với nhóm nghệ sĩ trẻ ở Popoff, là cả vắt vương ở xóm Saint Se verin và Saint Germain des Pres, đã gặp Krishnamurti hai lần tại Square Rapp. Hiện đang sống chờ đợi điên và chờ đợi chết, triệt để đứng ngoài tất cả ý thức hệ chính trị, đứng ngoài mọi sự tranh chấp tôn giáo, kinh bị tất cả văn

hoá nhân loại, thù ghét tất cả mọi tổ chức xã hội, vô cùng khiếu hạnh, chỉ đi một mình và tự nhận là thiên tài độc nhất của Việt Nam. Thật đúng với những gì tôi đã cảm nhận từ đoạn văn trên, Phạm Công Thiên – hay hậu thân của Rimbaud – là người nổi tiếng có lời nói và hành vi cực kỳ quá khích ở Nam Việt Nam nửa sau thập niên 1960. Không chừng chính từ mấy câu tự giới thiệu này mà ông bị mang án tượng phát chẩn đây chỉ là một nhân vật mà mạnh tự xưng thiên tài, rồi thì nói năng ba hoa, liều lĩnh chống đối quyền uy. Có điều, tất cả không gì khác ngoài ngộ nhận.

Tư thừa thừa thời Phạm Công Thiên đã đọc thông hiểu một lượng khổng lồ sách vở cổ kim Đông Tây bằng nguyên ngữ, và có dáng vẻ bác học đến nỗi người trong thiên hạ phải gọi là thần đồng, là thiên tài. Nhưng đâu chỉ dừng lại ở bấy nhiêu đó. Ông còn đấu tay đôi với tư tưởng của Nietzsche, Heidegger, Henry Miller, Suzuki Daisetz, Long Thụ; ông lại mạo hiểm pha hoạt nển tăng sự tư siêu hình học Tây phương – nơi khởi nguồn của chiến tranh cận đại cũng như phân tâm học; ở chỗ tận cùng của ý thức và tồn tại ông tìm thấy tư tưởng hồ thám căn phát đối chọi với địa ngục (naraka) của thời đại chính là chiến tranh Việt Nam. Hơn nữa, giống như Henry Miller, sự minh tuệ của ông luôn gắn liền với đời người. Ông không bị cảm tù trong 'vọng niệm' như là 'thường thức' và 'tập quán' – nhưng thủ do thế giới ngôn ngữ hiện tại tạo ra đã trôi buộc đời

sống con người, ông đốt cháy đời sống tự do của mình, ông sống ý nguyện như vốn có. Đoạn tự giới thiệu trên đã bày tỏ chân thật điều đó.

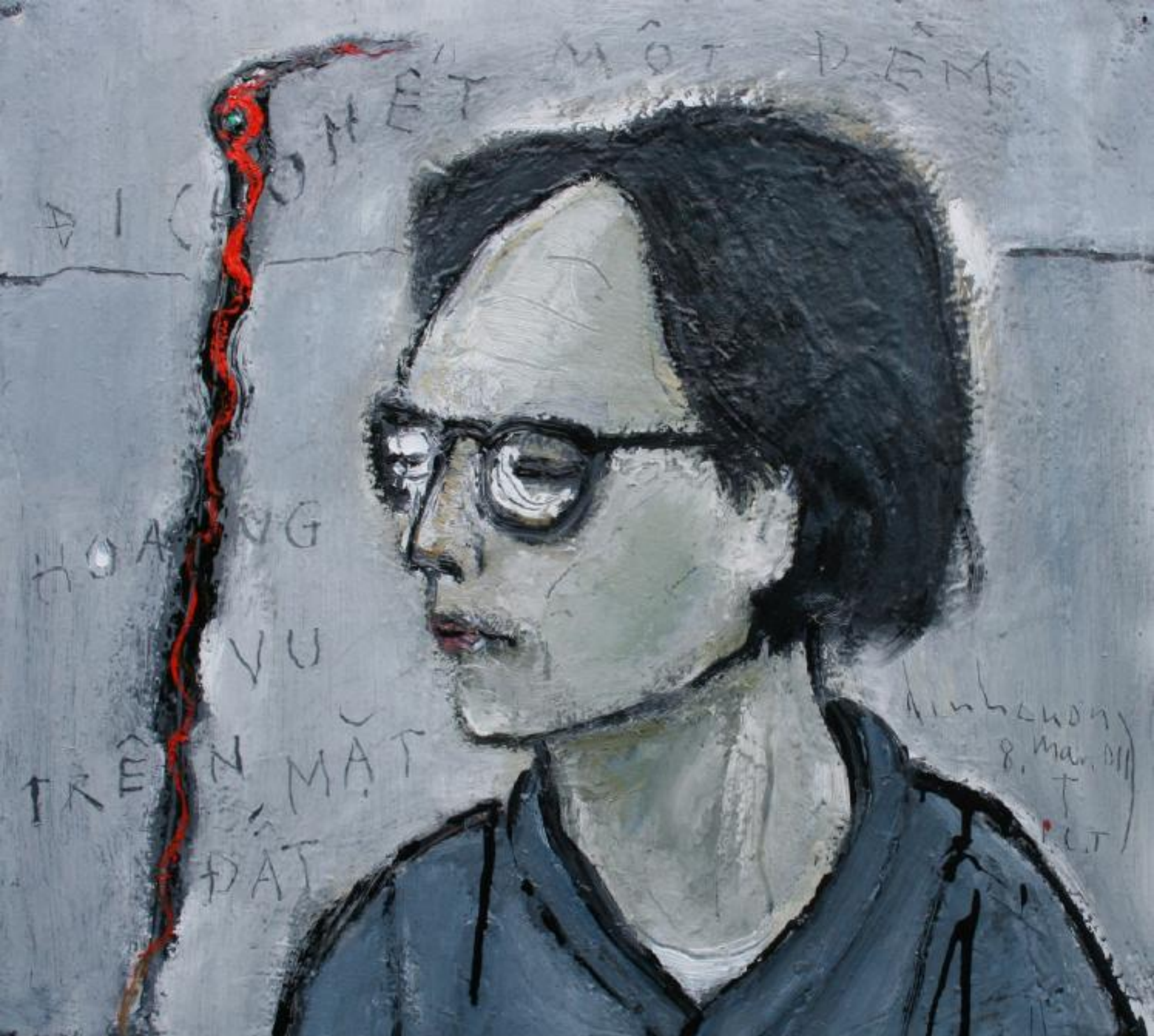
Như chính ông cũng đã ý thức được bản thân "chỉ đi một mình", trong lòng thật gào rất chính trực và cực cùng có độc bất chấp bị thế gian cự tuyệt không chút đồng cảm. Vậy thì cái tư tưởng đó thật sự là như thế nào? Bắt đầu từ đây, tôi sẽ đuổi theo quỹ đạo của ngôi sao băng này.

Cấu thành của sách

Đoạn văn tự giới thiệu của Phạm Công Thiên dừng lại ở những ghi chép cho đến giữa tuổi hai mươi khi tập thơ được xuất bản, nhưng ở Chương Mở Đầu, một lần nữa, tôi sẽ hết sức tóm tắt theo trình tự thời gian và muốn giới thiệu thật đơn giản về cuộc đời phiêu bạt từ lúc mới sinh cho đến tận hiện tại của ông,[5] chủ yếu dựa trên những gì ông đã viết trong các trước tác của mình. Chương Mở Đầu giới thiệu cuộc đời ông đầy những thăng trầm, chỉ bấy nhiêu đó cũng thừa vì lắm rồi, nhưng điểm mấu chốt của sách này nói chung không gì ngoài đương đầu với sự khó hiểu, và làm sáng tỏ tư tưởng của ông mà hầu như đã không được đặt thành vấn đề đích đáng. Có điều, chính vì tư tưởng của ông triển khai trên tiến đề là phát thông bác từng chữ Đông Tây kim cổ, vì thế nếu không có một tri thức tiến đề cơ bản thì chắc chắn sẽ cảm thấy khó hiểu. Hơn nữa thuật ngữ mà ông sử



Phạm Công Thiên 1941-2011 - <http://phamcongthien.com>



Chân dung Phạm Công Thiệp, tranh sơn dầu của họa sĩ Bình Cương

dụng, ví dụ như thuật ngữ chủ yếu là Tinh chẳng hạn, thoạt nhìn có vẻ đơn thuần nhưng thực ra bên trong ẩn chứa ý nghĩa độc đáo hoàn toàn khác với thông thường. Sẽ rất khó thâm nhập vào tư tưởng của ông nếu như không hiểu được những thuật ngữ như vậy có ý nghĩa ra sao, dù xét trên bề mặt hay xét về hình thức đi nữa, cho nên ngay từ đầu nhất thiết phải bắt đầu với những thuật ngữ độc đáo của ông coi chúng mang ý nghĩa là gì. Vì thế, Chương Một sẽ lấy vấn đề 'ông đã suy nghĩ về chiến tranh Việt Nam như thế nào' làm manh mối để giải thích về ý nghĩa của thuật ngữ chủ yếu Tinh mà ông sử dụng. Sau đó, sẽ khảo sát xoay quanh sự lạnh nhạt của ông về 'tư tưởng Heidegger' và 'Thiền' - là hai thứ đã làm tiền đề nghĩ ra thuật ngữ đó.

Chương Hai kể trực chính là thuật ngữ Tinh và Việt, tôi chọn ra Im lặng Hồ thám như tác phẩm đại biểu của nửa sau thập niên 1960 đã đề xuất tư tưởng Việt Nam độc đáo ở thời đại chiến tranh Việt Nam, và cố gắng đọc hiểu trước tác nan giải này. Ngoài Tinh và Việt vừa nói, còn tiến hành khảo sát chú trọng vào những cụm từ hay danh từ riêng mà tôi cho là tối quan trọng trong trước tác này như Im lặng Hồ thám cũng là tên của trước tác; như Dịch hóa pháp - chứ mà Phạm Công Thiệp chọn làm dịch ngữ cho 'Dialektik' của Long Thụ đối kháng lại Biện chứng pháp; và như Không Lộ - cũng là tên của một Thiền sư Việt Nam thời xưa. Ngoài ra, từ Chương Hai trở đi sẽ tích cực sử

dụng Lý luận Phân tích Ý nghĩa Ngôn ngữ của Giáo sư Izutsu Toshitoko để cố gắng làm rõ ràng thêm về 'tư tưởng của Phạm Công Thiệp đã coi thuật ngữ Tinh đóng vai trò trung tâm'.

Chương Ba sẽ luận về 'tinh liên quan tư tưởng giữa Henry Miller, Heidegger và Phật giáo mà Phạm Công Thiệp đã tìm ra', và 'sự hình thành tư tưởng độc đáo của Phạm Công Thiệp khởi từ đó'. Cụ thể trước hết, liên quan đến Thư ngỏ gửi Henry Miller tố cáo trạng huống chiến tranh Việt Nam, sẽ khảo sát về vấn đề nguyên do tại sao Phạm Công Thiệp đã hỏi Miller câu hỏi tồn tại luận con nặng ảnh hưởng của Heidegger. Tiếp theo, căn cứ trên tư tưởng của Heidegger và Miller mà truy tìm chân ý của mệnh đề tào bạo của Phạm Công Thiệp: Sein của Heidegger chính là Cunt của Miller. Rồi khảo sát tư tưởng Việt Nam của Cai và Con - mà Phạm Công Thiệp đã đề xướng - nghĩa là như thế nào, dĩ nhiên có liên quan mật thiết đến ý nghĩa của mệnh đề trên, nhưng ở đây ông đã lựa chọn Cai và Con gắn gúi hơn trong tiếng Việt.

Từ những khảo sát về tư tưởng của Phạm Công Thiệp cho đến đây, Chương Bốn chuyển sang khảo sát đặt trọng điểm vào sáng tác của ông. Tôi sẽ chọn ra những sáng tác cụ thể của ông - người coi mình không phải tư tưởng gia cũng chẳng phải triết gia mà là một thi sĩ, và suy nghĩ xem có thể tìm thấy tư tưởng gì ở đó, đối với ông thơ và nhà thơ mang ý nghĩa gì? Trước

hết, Phạm Công Thiệp là người đã phê phán Siêu hình học Tây phương như là nguyên nhân căn bản của chiến tranh Việt Nam, như vậy ông đối chọi như thế nào đối với Tự ngã cận đại được hình thành ở nửa đầu thế kỷ XX trong văn học Việt Nam thông qua thuộc địa hóa của thực dân Pháp, đó là 'khảo sát phương diện phá hoại trong tác phẩm của ông' đặt trọng tâm vào tác phẩm Mặt trời Không bao giờ Có Thực. Kế tiếp, Phạm Công Thiệp đã lý giải như thế nào về mối quan hệ giữa làm thơ và quê hương để rồi biến nó thành tác phẩm, đó là 'khảo sát phương diện sáng tạo trong tác phẩm của ông'. Rồi ngược về tận nguồn cơn làm thơ mà đối với ông được gọi là Thơ hay Nguồn Trong Trẻo viết hoa, để từ đó nhìn xem thi nhân làm thơ và tư tưởng về quê hương như thế nào bằng tiếng mẹ đẻ, nhờ đó mới suy nghĩ về quan hệ tinh căn nguyên của 'ngôn ngữ', 'thế giới' và 'thị nhân'.

Chương Kết Thúc sẽ nhìn lại những khảo sát từ đầu, chỉ ra cho thấy bước đi của cuộc đời Phạm Công Thiệp, là bước đi hướng về chỗ đóng nhất - hiện đang tiềm phục có thể siêu việt thời đại cũng như hai bờ Đông-Tây, nó hình như được đánh dấu nghĩa là Tâm cung là Nguồn Trong Trẻo; và là sự mạo hiểm mà con người hiện đại hướng về chỗ bên trong bản thân mình vẫn đang chưa biết.

NGUYỄN TIẾN YÊN
dịch



Nguyễn Tiến Yên

- [1] Trần Tuấn Kiệt đã viết như sau về mối quan hệ giữa trước tác của Phạm Công Thiệp với giới trẻ trong chiến tranh Việt Nam: "Ý thức Đương Vô, Ý thức Mối dây, phẩm nọ, những học của Phạm Công Thiệp được tuổi trẻ đón nhận ở cả ở cũng vì tâm hồn người trẻ trong song gió muốn nương vào chiếc bè gỗ trên sông gió mà đó bắt chơi với trong Mè cung địa ngục." (Trần Tuấn Kiệt Tác Giả Tác Phẩm: Đời sống và tác phẩm các văn nghệ sĩ Việt Nam, Sài Gòn, 1973, tr. 26-27).
- [2] Lời mở từ Phạm Công Thiệp của thi sĩ Thanh Tâm Tuệên. Như văn Mối Tháo ghi như sau trong hồi tưởng của ông: Tôi nhớ buổi giờ lên núi năm 1970. Phạm Công Thiệp, trong tư cách khoa trưởng Văn Khoa Đại học Vạn Hạnh, lên đường đi Ấn chứng dự một hội nghị đại học quốc tế rồi đi loan không bao giờ còn trở về Việt Nam nữa. Hết thấy; chúng tôi đến sáng sủa, kho kiến. Riêng Thanh Tâm Tuệên không. Báo tôi: "Anh phải nhìn thấy sớm muộn rồi Phạm Công Thiệp cũng phải một lần bỏ đi như thế, đi hẳn thật sự, mất tích. Có như vậy mới đúng là Phạm Công Thiệp. Chúng ta thiếu

- là nhưng định tính. Hơn hơn là một hình ảnh. Hơn là một ngôi sao băng". (Mối Tháo, Chân Dung: Mười năm nhớ văn nhà thơ Việt Nam, Văn Khoa xuất bản, California, 1985, pp. 146-147).
- [3] Hiện tại trên homepage taiwan - một diễn đàn văn học tư tưởng nghệ thuật của Việt Nam hiện đại do nhà văn Phạm Thị Hoài sáng ở Đức làm tổng biên tập, có đăng tải một số tác phẩm xuất bản trước đây tại Nam Việt Nam của Phạm Công Thiệp như Ý thức mối trong Văn nghệ và Triết học, Mặt trời Không bao giờ Có Thực, Hồ thám Tư tưởng, Im lặng Hồ thám, các bản dịch Heidegger Triết lý là gì?, Về Thế tính của Chiến lý đã được số hóa từ năm 2006. Có thể duyệt xem tại địa chỉ <http://www.taiwan.org>
- [4] (nó) Tác giả bỏ sót không dịch câu này.
- [5] (nó) Chưa hề hiện tại ở đây là tình đến thời điểm sáng tác được xuất bản vào tháng 6 năm 2009, tức khoảng 2 năm trước khi Phạm Công Thiệp qua đời tại Mỹ.



tiếp theo trang 1

THỂ DỤNG

ra, tướng đã hàm dụng ở trong rồi. Cho nên thường nói thể, dụng và nói dụng cũng là nói tướng.

Các đạo đồng phương đều quan niệm một thể chung mông mênh không bờ cõi không gian và thời gian, trong đó con người và muôn vật là những tướng, nhưng dụng. Thể chung là một thể trừu tượng và chỉ có hình ảnh khi nào hiện ra nhưng

tướng, nhưng dụng. Nhưng tướng, nhưng dụng lại trở nên nhưng thể riêng biệt trong thể lớn chung và nhưng thể của nhưng tướng dụng cũng còn có những hình dụng, nhưng tên trừu tượng. Như Nho nói thái cực sinh ra âm dương mà âm và dương vẫn còn là những thể trừu tượng. Giới cũng là một tên trừu tượng.

Khi công năng của dụng

hết rồi thì tướng, hoặc biến đi, hoặc ngừng thôi, hoặc tan ra để lại trở về với thể, hoà vào trong thể. Bởi vậy tất cả tướng dụng là những cái vô thường trong vòng hiện biến, từ sinh mà thể thì bao giờ cũng thường còn.

Này lấy một ví dụ là nước làm thể. Thể của nước là một khối lỏng. Trong trạng thái tĩnh, nước không có hình dạng. Khi ở trạng thái động mà từ nguồn cao chảy xuống thì sự lưu hành của nước là dụng. Nhân, gió, sóng vô trên

mặt nước, sóng cũng là dụng của nước. Cũng như mây, băng, tuyết v.v... Dụng ngưng thôi hay tan ra thì giống nước, sóng, mây, tuyết v.v... lại trở về là nước, hoà vào với thể.

Nói nước là đem ra một thí dụ thuộc thiên nhiên, vụ trụ. Đây nêu một thí dụ khác thuộc về xã hội nhân quần và sau đó bàn hẹp đến thể dân tộc.

Trên đã nói con người và muôn loài là những tướng, nhưng dụng của một thể chung, những cái

vô thường chuyển biến. Nhưng bậc thánh thân cao minh thấy nhưng cái vô thường toàn là đau khổ trong vòng sinh tử, cho nên đã tìm ra những đạo cứu dắt con người giải thoát thế gian mà đạt tới những nơi cực lạc, nhưng coi thiên đường. Nhưng bậc thánh thân cao minh không nhưng hoá mình trong thể thế gian mà là một tướng, một dụng trong thể vụ trụ vô biên đã nói mà con hoá mình vào thể chung mênh mông ấy.

xem tiếp trang 19

tiếp theo trang 1

NỀN TẢNG PHẬT GIÁO CỦA KINH TẾ HỌC

cuộc sống, nó phải nuôi dưỡng cơ thể. Đói và khát không ngưng thôi thúc nó phát chuyển động, thế mà con đói chưa bao giờ được thỏa, và nói khát cũng chưa từng lắng dịu. Các nguồn tài nguyên trong cơ thể bất tận trong tâm nhìn, nhưng lại khan hiếm trong tâm với. Điều nó phải học hỏi để làm là phân phối các nguồn tài nguyên ấy một cách hợp lý.

Trước khi học cách làm này, nó phải biết học cái gì. Nó được thuyết phục để tin tưởng thể giới này được ai tạo ra, và được tạo ra thế nào. Mặt khác, đời sống con người lại tương như vô nghĩa. Sống và chết một cách ngẫu nhiên, phi lý, và vô mục đích. Nếu thánh kinh không có sách Sáng thế, có lẽ người ta không thể biết được diện mạo thể giới sẽ như thế nào, tốt hơn hay xấu hơn, khi họ nghĩ về hôm nay. Tuy nhiên, một vấn đề như thế, nhưng người Phật tử để qua một bên.

Ngày xưa, một vị tăng trẻ tên Malunkya đã hỏi thách đố Thế tôn để xem Người biết hay không biết thể giới này là thường hay vô thường, hữu hạn hay vô hạn; thánh thể và linh hồn có phải đồng nhất hay không, v.v... Thấy vị giới thích thể giới được tạo ra thế nào, và tạo ra để làm gì, Đức Phật đã khuyến cáo vị tu sĩ trẻ đừng phi thi giới của mình cho nhưng câu hỏi ở ngoài tầm nhận

thức con người, mà nên tập trung nỗ lực để nhận thức những điều kiện thực tiễn của chính mình. Người đưa ra một thí dụ: Một người bị bán trung một mũi tên độc. Ông ta không có thì giờ để hỏi mũi tên ấy từ đâu đến, được làm bằng loại gỗ gì, và ai đã bán nó. Việc quan trọng thực bậc nhất ông ta phải làm trước hết là nhớ mũi tên độc ra và chữa trị vết thương. Sống còn là ưu tiên số một, điều khác tính sau.

Trong một bản kinh, khi giới thích cho một tu sĩ Ba-la-môn nghe về ý nghĩa thật sự, và cách thực tế là, một đại tế quan trọng của đạo Ba-la-môn bấy giờ, Đức Phật dẫn dụ một câu chuyện trong quá khứ. Có lần một vị vua muốn tổ chức một lễ đại tế để cầu phúc lợi cho vương quốc mình. Vua hỏi ý kiến một vị tu sĩ cao nhất. Vị này đã giảng dạy cho vua phải làm gì trước tiên. Vương quốc ấy bấy giờ đang khốn khổ vì nghèo đói và bất ổn, trộm cướp và giặc cướp hoành hành. Nếu làm cho dân chúng có công ăn việc làm thì sự trộm cướp và nổi loạn sẽ giảm thiểu.

Như chúng ta thấy, tăng trưởng kinh tế là nền tảng cho ổn định và thanh bình của xã hội, vì vậy sự phát triển của nó bao hàm việc mở rộng sự hạnh đạo. Khía cạnh này trong giáo lý đức Phật rất thường bị bỏ qua, và nếu có cái gì không bị loại bỏ thì đó là việc chú trọng đến cái

ngiht đạo đức. Sự hoan thiện đạo đức dĩ nhiên là mục đích cao quý của sự tu tập trong Phật giáo, nhưng bị đói đến là người thì không ai tài nào hành thiện được. Điều này được ám chỉ đến trong một câu nói của đức Phật: "Mọi chúng sinh đều nhờ lương thực mà sống." Theo quan điểm hiện đại, lời dạy này có thể được xem là bối cảnh kinh tế của Phật giáo.

II. Sản xuất cái gì: Giáo lý về lương thực
Vậy thì phải có kinh tế học Phật giáo. Nó không nhưng dạy con người cách thức kiếm sống theo chánh pháp, nghĩa là hợp pháp và lương thiện, mà còn dạy cách xử dụng lợi nhuận thế nào để có lợi ích cho bản thân và người khác. Vì vậy nó không được bỏ qua vấn đề sản xuất và tiêu thụ.

Nói kinh tế học hiện đại đang cố gắng giải quyết các vấn đề sản xuất cái gì, sản xuất cách nào và cho ai thì thật nhàm chán. Người ta đã tập trung nhiều vào việc sản xuất hàng hóa, nói một cách ranh mạch, hàng hóa và dịch vụ. Đây chỉ là tên gọi tổng quát của nhiều thứ hàng hóa được sản xuất ra để bày bán hay tiêu dùng mà thôi.

Con người thường có khuynh hướng sản xuất trước hết và tối hậu cái gì cần thiết cho đời sống của mình và thỏa mãn ham muốn của mình, đầu

cái gì có là cốt yếu trong các nghiên cứu kinh tế hay không Kinh tế học có thể nghiên cứu cách thức phân phối tối ưu các nguồn tài nguyên khan hiếm, và cách thức các thị trường hoạt động để phân phối, nhưng định nghĩa nào đi nữa cũng chỉ có thể có được nếu và chỉ nếu đời sống con người tồn tại.

Về căn bản, con người cần lương thực vật chất cho đời sống vật chất của mình. Nhu cầu này bắt đầu từ khoảnh khắc mới có tri giác cho đến khi lâm chung. Vào thời kỳ đầu tiên của cuộc đời, con người chưa có khả năng sản xuất, vì vậy nó phải sống nhờ vào kinh tế ban tặng. Nói theo kinh tế học, nó là kẻ đi vay. Cái gì nó đã vay hôm qua, hôm nay nó phải trả. Và cái gì hôm nay nó làm, ngày mai sẽ được hoàn báo. Đó là quy luật hoạt động, và sự hoàn báo ấy đặt cơ sở trên giáo lý về nghiệp.

Bấy giờ, vấn đề đặt ra là: Con người cần cái gì để nó có thể tồn tại và phát triển? Trước hết, với tư cách là một sinh vật, nó chỉ cần lương thực vật chất. Khi tiến hóa thành một động vật, nó cần thêm một loại lương thực nữa: Lương thực tiếp xúc. Đến một trình độ tồn tại cao hơn, là một con người, nó cần 4 loại lương thực cả thảy: lương thực vật chất, lương thực tiếp xúc, lương thực tinh thần, và lương thực nhận thức. Điều này được nói đến trong một bản kinh: "Đây là 4 loại thức ăn dùng để duy trì các chúng sanh nào đã tạo sanh khởi, hoặc để hỗ trợ các chúng sanh nào đang

tim chỗ sanh ra. 4 loại gì? Đọan thực, thọ hoặc tế; thứ hai là xúc thực, thứ ba là tư thực, và thứ tư là thức thực."

III. Sản xuất cho ai: Các trình độ tồn tại.
Trong mỗi giai đoạn phát triển, nhận thức khởi lên ngay khi có sự tương tác giữa ngoại cảnh và giác quan. Nhưng ở trình độ thấp, nhận thức xuất hiện con yếu đến độ khó nhận biết được thể giới. Ở trình độ này, nhận thức chỉ là một ý muốn tồn tại mù quáng.

Khi các giác quan đạt đến độ chín chắn, hình ảnh thể giới được phản hiện rõ ràng và ranh mạch hơn, và nhận thức về nó có luận lý hơn, hệ thống hơn. Ở một cấp độ cao hơn trong tiến trình này, nhận thức phát triển thành tự ý thức, nhận biết sự tồn tại của thể giới bên ngoài cũng như sự tồn tại của chính mình. Nhận thức như là loại thức ăn thứ tư cần thiết cho giai đoạn tiến hóa này.

Sự phát triển tinh thần tùy thuộc vào sự tích lũy các kinh nghiệm. Nếu việc xử lý sự tích lũy này bị hỏng, thì sự hoạt động của các giác quan không tạo ra một hiệu quả tốt nào cho tri óc. Điều này có nghĩa, các dự kiến như là thức ăn tinh thần đã không được cung cấp đầy đủ, hoặc cấu trúc giác quan đã từ chối loại thức ăn này. Ta có thể gọi loại lương thực thứ ba này là lương thực cho tư tưởng. Còn lương thực cho sự vận minh để

xem tiếp trang 7

ĐÀN CHIM DI CƯ

cung có người cảm thấy một nỗi buồn man mác, nhưng qua nhận quan, có thể mọi người đều chấp nhận có vẻ đẹp quyến rũ riêng của từng địa phương, từng giai đoạn của mỗi mùa, mỗi tiết. Hàng năm cứ vào khoảng cuối tháng mười dương lịch, những tia nắng rực rỡ chói chang giua hè , tung tăng từ 4 giờ sáng đến cả 22 giờ đêm, từ từ bị thu ngắn lại. Bầu trời Hoà Lan cũng như các nước Bắc Âu thường trở nên xám xịt, âm u té lạnh. Không gian không còn trong xanh quang đãng, màu xanh tươi của cây lá bắt đầu đi vào trạng thái ulla là tro cánh. Từng hàng cây được trồng thẳng lối bên vệ đường, trong những khu rừng nhỏ, những công viên có nhiều cây cổ thụ ... Tất cả lá cây đều đóng loạt đối ra màu vàng óng ánh, chan hoà với những tia nắng vàng ươm yếu ớt của mùa thu, biến thành một cảnh trí vô cùng ngoạn mục. Rồi từng cơn gió thổi qua, từng loạt lá vàng rơi lá tả, ngập cả lối đi, để rồi khoảng một tuần lễ sau đó, thân cây tro trụi, cỏ đơn, đứng sừng sững giua trời, chẳng còn một chiếc lá dính cánh, trông thật thế thảm.

Trước cảnh tro trụi lá của cây cối ấy, chúng ta dễ

dường nhìn lên trời cao hoặc chân trời xa xa, và nếu để ý, thường bắt gặp những đàn chim, có đàn năm ba chục con, có đàn nhiều hơn nữa, từ phương bắc bay về miền nam. Người bản xứ gọi đó là loài chim di cư về miền đất ấm trong những ngày đông giá rét tại xứ sở này. Chúng thường bay theo một đội hình, cùng một cao độ, một vận tốc như nhau. Một con bay trước dẫn đầu, các con sau xếp theo hàng thẳng, hoặc tam giác, có lẽ để núp được sự cản của gió hoặc nhờ sự hút của con bay trước mà các con bay sau được nhẹ nhàng hơn, hoặc chúng tuân theo một kỷ luật nào đó của đàn mà khi có ai thiếu hiểu tường tận. Vì cuộc hành trình dài xa, từ bắc đến nam bán cầu nên chúng phải bay cả ngày lẫn đêm và chỉ hạ cánh nghỉ ngơi, tìm ăn khi cần thiết.

Chuyện chim cánh lành vào mùa đông và mùa hè trở về nguyên quán đối với người bản xứ là chuyện thường tình, xảy ra thường lệ hàng năm nên cũng ít ai nghĩ ngợi và đề cập đến. Trong những năm đầu mới định cư, long tôi cũng cảm thấy sao nao khi nhìn từng đàn chim bay về miền đất ấm mà xót xa cho

thân phận mình. Nhưng trải qua tháng năm dài, cam phận kẻ tỵ nạn, mất nước, rời rời cũng chai lì với hoàn cảnh để thực tập hội nhập vào cuộc sống mới, lo xây dựng tương lai cho mình và các con. Vì thế, chỉ thỉnh thoảng vào những buổi chiều thu rảnh rỗi đứng sau nhà nhìn lên hư không mong đón gặp được vài đàn chim bay về phương nam để trao gởi đôi lời, để vơi đi phần nào niềm thương nỗi nhớ cố hương của người xa xứ đã bước vào lứa tuổi xế chiều.

Bất chợt, một ngày vào ngày, tôi được đọc một bản tin ngắn, loan báo trên báo biển Bắc Hải có hàng trăm xác chim di cư bị chết cháy. Lý do vì chim bay ngang qua giàn khoan lấy khí đốt từ lòng đất bơm lên, trên giàn lại luôn luôn có ngọn lửa lớn cháy cả đêm ngày. Tôi hơi bàng hoàng trước bản tin ấy. Nếu một vài con bị chết thì có lẽ do sự bất cẩn rút ro, đáng ngại hàng trăm con chết, các con nằm ngổn ngang trên bãi biển và có thể còn nhiều hơn nữa đã gieo mình xuống biển sâu và xác đã bị nước cuốn trôi đi! Nguyên nhân nào, tôi tự hỏi và đặt thành giả thuyết:

Vì sự nóng tỏa ra từ ngọn lửa của giàn bơm khi có sự quẹt ru quả mạnh liệt khiến bản năng tìm hơi nóng của đàn chim

thực đẩy mà quên đi sự hướng dẫn của chim đầu đàn, bất chấp cả "kỷ luật" trong cuộc hành trình, một số rủ nhau tách rời đàn hạ cánh, để mang họa vào thân chẳng? Nghĩ đến đây tôi lại liên tưởng đến chuyện Con Khỉ trong kinh A Hàm mà chắc trong anh chị em mình đều đã có lần đọc qua. Chuyện kể, đại ý, có một bầy khỉ do khỉ chúa điều khiển. Khỉ chúa thường nhắc nhở cả bầy phải biết sống tập thể: thương yêu giúp đỡ nhau, chia sẻ vật thực cho nhau để cùng sống, đừng kẻ lẻ đi riêng rất nguy hiểm. Thế nhưng trong bầy có một con nghĩ rằng sống chung như thế bị lệ thuộc quá nhiều, vừa mất tự do lại vừa khó kiếm ăn hơn. Nghĩ vậy khỉ ta không ngăn ngại lên tách bầy, đơn thân đi kiếm ăn theo sở thích. Sung sướng quá, chuyển từ cảnh này nhảy qua cảnh nọ, leo lên cây này phóng qua cây kia, ung dung lột được vào khu vườn cây sai quả tràn ngọt thơm ngon. Khi sợ mẹ nó về và thăm chẻ bai khi chưa ngủ sí, đầu đàn mà chẳng biết nơi có nhiều trái ngon để ăn, lại trách móc cả bầy mù quáng, đi theo khỉ chúa, cam chịu đói khát. Vua chi choe tự phụ tự cao, vừa nhảy nhót mưa may tự mãn, bỗng dưng tay mất khi bị dính chặt vào một cành cây, cố hết sức rút ra nhưng không tài nào gỡ được. Khỉ phải dùng tay trái đặt vào để

trợ lực, nhưng lại bị dính chặt vào thân cây luôn. Hai tay bất động, khỉ phải công lưng xù dựng hai chân sau vung vẩy và sau cùng lưỡng cuống dùng cả đuôi và miệng cắn xé hầu mong tháo gỡ. Nhưng hơi ỏi chất nhựa vẫn bám chặt thân khỉ vào bản cây để chờ người thợ săn đến bắt!

(Kinh dụ bốn chân, đuôi, miệng khi như 6 chân của người, nếu an trụ trong phạm vi của nó thì như khỉ trong bầy, nếu phóng ra ngoài vương mắc vào sự lôi cuốn của 6 trần sẽ bị ma vương bắt).

Giả thuyết thứ hai, hôm ấy nhằm đêm tối trời (30 âm lịch), chim đầu đàn từ xa đã nhìn thấy ngọn lửa sáng rực cả góc trời, ngỡ là ánh sáng của mặt trăng nên lấy hướng đó làm đích. Đến khi bay qua biển, thoáng thấy ánh sáng lóng bóng dưới nước, càng dễ có ảo tưởng đó là ánh trăng lấp lánh, lại thấy bờ biển thênh thang, một vị trí dừng cánh nghỉ, kiếm ăn rất lý tưởng, nên hướng dẫn toàn đàn xuyên qua "ánh trăng" để đáp xuống. Chẳng ngờ ánh trăng tho mọng huyền diệu đầu chẳng thấy mà bị ngọn lửa quỷ quái đốt cháy cả đàn. Oan nghiệt thay cho một sự lầm lẫn.

Còn giả thuyết nào nữa chẳng để xác định, biện

xem tiếp trang 26

NỀN TẢNG PHẬT GIÁO CỦA KINH TẾ HỌC

duy trì hoạt động và phát triển là nhệm vụ.

Theo truyền thống Phật giáo, như được thuật lại trong kinh Agganna sutta, thuộc đầu tiên, con người thu thập các nguồn thiên nhiên dùng làm thực phẩm và áo quần, "sống nhờ một loại lúa chín tự nhiên không cần nấu", chúng ta có thể tưởng tượng ra rằng nguồn thiên nhiên được đề cập đến ở đây mà nhưng người tiên sử thu thập là thứ không tích trữ, "thứ gì họ thu hoạch được trong buổi chiều cho bữa ăn chiều sẽ mọc lại và chín vào buổi sáng; thứ gì họ thu hoạch được trong buổi sáng cho bữa ăn sáng sẽ mọc lại và chín vào buổi chiều." Phát đến một giai đoạn tiến hóa nhất định nào đó về sau con người mới bắt đầu nảy lên trong đầu óc mình cái ý tưởng: "Tại sao ta phải thu hoạch lúa vào buổi chiều cho bữa ăn chiều và vào buổi sáng cho buổi sáng?" Ý tưởng tích lũy dần đến sự đầu cơ. Dần dần sự đấu tranh giữa các đối thủ trong cộng đồng khởi lên, và xã hội nguyên thủy của loài người bắt đầu một khúc quanh mới bị lôi cuốn vào vòng đời xã hội.

Theo lẽ thông thường, người ta cho sự tích lũy trong thời tiền sử là bị thúc đẩy bởi tính lười biếng của con người. Khi tri óc phát triển đủ để quyết định phải thu thập cái gì và thu thập cách nào có lợi cho tác nhân của nó, bấy giờ con người phải đối diện với sự hạn chế về thời gian. Nó phải phân phối thời gian của mình một cách tối ưu giữa

lao động và nhàn rỗi. Nó phải học cách chọn lựa. Trên phương diện này chúng ta đưa cả sự tiêu dùng và nghỉ ngơi vào thời gian nhàn rỗi. Đến một mức độ tiến hóa cao hơn, thời gian nhàn rỗi được dành trọn cho việc hưởng thụ 4 loại thực ăn. Bánh mì và bất cứ cái gì cũng loại được tiêu thụ để duy trì cơ thể sinh học và trạng thái ổn định của nội tạng. Nhìn và nghe được dùng làm xúc thực để tích lũy kinh nghiệm nhờ đó tăng cường khả năng phán đoán và chọn lựa giữa cái tốt và cái xấu. Suy nghĩ và ước muốn được nuôi dưỡng bằng tư thực, loại lương thực thứ ba, mà nhờ phẩm tính của nó hoạt động của con người cất cánh hướng đến mục đích tối hậu. Hơn nữa, tương lai của con người tùy thuộc vào những gì nó đang làm trong hiện tại. Nói theo kinh tế học, con người phải học cách phân phối các tài nguyên qua thời gian.

Niềm vui thích nghe và nhìn khi nhàn rỗi, được thiên nhiên thụ động in dấu lại, không còn đủ khả năng thỏa mãn nhu cầu tích lũy các kinh nghiệm để dùng làm nguồn năng lượng cho việc thực đạt cấu trúc tinh thần hoạt động. Các vật liệu dùng làm xúc thực phải được sản xuất thành các món hàng hóa. Dầu vậy, thực phẩm vật chất cần thiết để duy trì cơ thể sinh học không thể bị cất giấu. Vì thế, con người hoặc phải tăng gấp đôi thời gian làm việc, hoặc phải cải thiện kỹ năng sản xuất. Con người thời tiền sử, được nói đến trong bản

kinh dân trên, đã tăng gấp đôi sản phẩm của nó, nhưng không một âm chỉ gì cho thấy nó đã xoay sở cách nào để làm được như vậy.

VI. Cách sản xuất Mặc dầu khó hiểu dưới hình thức truyện cổ tích được bản kinh kể lại bằng loại phương ngữ, một số mô hình kinh tế thực sự có thể đã được cấu trúc dựa vào tác nhân thời tiền sử. Kế đối tác của nó trong một hệ thống kinh tế khác là Robinson Crusoe, người khởi đầu cuộc sống của mình trên một hải đảo hoang vu, ở đó trong những ngày đầu của mình, anh chẳng chỉ có độc nhất sự lao động của chính bản thân nhờ sử dụng hai bàn tay và những thứ thiên nhiên giới hạn xung quanh anh ta cung cấp. Hàng hóa được sản xuất bằng hỗn hợp lao động và các yếu tố thiên nhiên cung cấp dĩ nhiên là không thể tích trữ được. Trong toàn bộ thời gian bị hạn chế vào ban ngày, ngày cả được phân chia một cách hợp lý và cân xứng giữa làm việc và nghỉ ngơi, anh ta cũng buộc phải cắt bớt quỹ thời gian chi tiêu cho việc thu thập lương thực để chỉ cho việc dựng lên một túp lều. Trong vô thực, đầu óc anh ta đã dấy nên cái biên giới nhưng khả năng sản xuất mà nó phân phối một cách tối ưu các nguồn tài nguyên khan hiếm của mình.

Ấn dụ Robinson Crusoe có khả năng giúp chúng ta suy luận ra cách gia tăng năng suất của người tiên

xem tiếp trang 11



NGHE ANH NÓI HUẾ

rằng anh nói Huế chỉ tên ?
cho O tui bông mơ về Thân Kinh
Trăng Tiên mấy nhịp cầu tình
chưa qua mà đã nghe hình như... vương...
cây thuyền sang bên sông Hương
nghe cầu mới đầy, lạc Tương giang đầu
ngó người ở bên Văn Lầu
thấp trắng Vỹ Dạ, hạt cầu hò tình
ngó tui áo trắng nguyên trinh
nghe vang vãn non, che anh nhìn ...dị ghê ...
mai tui về xoa toe thể
để cho núi Ngự...mô te...cung gấm
bên nì, bên nớ lạ thân
nhớ chuông Thiên Mụ nhẹ ngân thay lời

nghe anh nói Huế khợt khợt
trong tui lại thấy cả trời quê hương
tiếng Huế lạ - xưa mà thương
hay chừ tui đã lơ vương to rồi?...!

ĐIỀU LINH

www.facebook.com/dieulinh.dieulinh



Book: Long Hoi

BUDDHIST CONTRIBUTION TO GOOD GOVERNANCE AND DEVELOPMENT IN VIETNAM*

VEN. PROF. LE MANH THAT

Since the introduction of Buddhism into Vietnam, Buddhist teachings are not only for monks and nuns, but also for the society as a whole including the majority of men and women of every class of life. Actually, the first Buddhist work still extant in Vietnam written by Mâu tử about the year 198 A.D. Under the name Lý hoặc luận (Righting the wrong) states clearly what role Buddhism can play in any society, especially the society of Vietnam of Mâu Tử's time: "The Buddhist way, when applied to the family is for: serving the parents; when applied to the nation is for: helping the people; when applied to one's own life is for: perfection of oneself" (通之为物居家可以事亲宰国可以治民独立可以治身 Đạo chi vi vật, cư gia khả dĩ sự thân, tế quốc khả dĩ trị dân, độc lập khả dĩ trị thân).[1] So, from a very early period in Vietnamese history, Buddhism already put out a theory of good governance and development and showed a strong interest in the application of that theory. In this paper, we wish to present three case studies of this application in the history of Vietnam.

Pháp Thuận's theory

The first case is the theory of good state governance and development proposed by Zen Master Pháp Thuận (915-990). In a poem entitled Quốc tộ (National destiny 国祚), in response to the question by Emperor Lê Đại Hành (reigned 980-1005) about the destiny of the Vietnamese nation, recorded

in Thiên uyển tập anh (Collection of Outstanding Figures in Zen Garden 禪苑集英), Pháp Thuận said: [2]

"Quốc tộ như đằng lạc
Nam thiên lý thái bình
Vô vi cư điện các
Xử xử tạc đao binh"
處處息刀兵

Nation's destiny is just like a bunch of intertwined rattan
Peace reigns over the southern sky
No-action stays in the palace
War will be stopped everywhere

In this poem, Pháp Thuận discusses war and peace and the method for stopping war, enabling peace to be maintained forever in Vietnam. These are the words that the Vietnamese people of Pháp Thuận's time aspired towards and fervently desired to be present in their country after the resistance war for national independence in 939 A.D., and during the war between the warlords from 944 to 968. The key issue here is how to stop war and bring peace to the people and the Nation's destiny depends upon the answer to that question. In Pháp Thuận's view, for the war to be stopped, the first and foremost requirement is to have "no-action staying in the palace". What does the word no-action in this context mean? In Buddhist terminology, the Chinese word no-action 无为 is used to translate the Sanskrit *asamkṛta* which

means "the absolute" in Buddhist epistemology and ontology and has nothing to do with the term no-action in that poem.

In the Collection of the sutras on six Paramitas, there is a definition of no-action which has some social and ethical bearing, which reads as follows: "Careful but not haughty is the character of a learned man, to give away the ideas of dirty love and not to be contaminated with the dust of six sentiments, not to let those dirty loves even small as a strand of hair to be camouflaged in our hearts, then every thought will become extinct, that is no-action" [3]. But then, this definition is not fit quite well in the context of the above poem.

We have to look another place for the meaning of no-action. In the Chinese literature, this term appears quite frequently, especially in the works of Lao Tzu (老子) and Confucius. In the Book of the Way, Lao Tzu is believed to have said: "The sages manage affairs with no-action, carry out teaching without speech... Act by no-action, then, nothing is not in order" [4]. But, what the term no-action means, Lao Tzu does not state clearly. Therefore, it is very difficult to specify the content of that concept, and there are different explanations of it in the history of Chinese thought.

On the contrary, in the Book of Sayings, Confucius is said to have the following statement: "Gov-

ernance with no-action, only Emperor Shun did it. How could that be done? It needs only to be serious about himself and facing southwards" [5] (子曰無為而治者其舜也歟夫何為哉恭己正南面而已矣 Tử viết: Vô vi nhi trị giả, kỳ Thuần giả dư Phu hà vi tại? Cung kỳ chỉnh nam diện nhi dĩ hĩ). Although the concept of no-action here is used to define the governance and is said to be the way of the governance of Emperor Shun, but the content is not clearly specified, except the property of being serious about himself (恭己). Such a specification evidently is not sufficient to define the way of governance of Emperor Shun. Fortunately, there are two other places where Confucius is reported to describe Emperor Shun's way of governance.

The first place is a statement in the section 31 entitled The Middle (中庸) of the Book of Rites (禮記): "Is Emperor Shun a great wise man? Emperor Shun likes to inquire and discuss in order to speak, hide people's bad sides and show their goodness, maintain two extremes, but use the Middle for the good of people. Is it because of this that he became Emperor Shun?" (子曰舜其大智者也? 舜好問而好察以言, 隱惡而揚善執其兩端, 用其中與民, 其斯以為舜乎).[6] The other place is also in the Book of the Middle: "Is Emperor Shun a man of great filial piety? He is morally good to be a saint, aristocratic to be a Son of the Heaven, wealthy spreading to four seas, honored

in the Place, and having children to continue on. Therefore, if the virtue is great get the place, will have the enumeration, will enjoy the fame and will have longevity. So, the Heaven gives birth to all things and treats them depending upon their case. In consequence, if they are good, Heaven will strengthen them and if they are not, it will throw away... That is why man of great virtue will receive the mandate from Heaven". (子曰舜其大孝者與德為聖人尊為天子富有四海之內宗廟饗之子孫保之故大德必得其名必得其壽故天之生物必因其材而篤故栽者培之傾者覆之詩曰采芣君子惠我令德宜民宜人受祿於天保佑命之自天申之故大德者必受命). [7] Through these two statements by Confucius about Emperor Shun and how he got the mandate from Heaven to be leader during his lifetime, we know now that his way of governance by no-action requires that the leader should have two necessary qualities in carrying out his mission of leading the people, that is, the wisdom and the virtue. Shun possesses these two qualities, so he becomes the Emperor of China at his time. From this, we presently could understand what the term no-action in the above poem by Pháp Thuận means. It means that if the Vietnamese of his time have a leader who possesses the wisdom and virtue, then the country will have a peaceful life.

Therefore thus, as a whole, Pháp Thuận's

continued on page 9

BUDDHIST CONTRIBUTION TO GOOD GOVERNANCE AND DEVELOPMENT IN VIETNAM*

poem clearly states his Buddhist view on good governance and development in the Vietnam of 10th century. At the junction of history, when Vietnam is facing an imminent war from the rising Sung Dynasty of China, the question of the national existence comes into the forefront. So, the answer to that question is that in order to keep peace, the Vietnamese should be in a great solidarity, just like a bunch of intertwined rattan, and in order to stop the war, they should have a leader who possesses wisdom and virtue. So, quite early in the history of Buddhism in Vietnam, the Vietnamese Buddhists, through the case of Zen Master Pháp Thuận, have known how to exploit the Buddhist theory of good governance and development to apply to the Vietnamese political and social reality.

Viên Thông's theory

Nearly one century after Pháp Thuận passing away, Zen Master Viên Thông (1080 - 1151) was born and he became our second case study of Buddhist theory of good governance and development in Vietnam. He grew up in a peaceful Vietnam in the country already became a Great Viet (大越). The leadership of the nation started to show signs of separating from the people and the mass began to ask for their rights. In this circumstance, Viên Thông, as a royal adviser, has proposed a new the-

ory of good governance and development. Again, and this theory, the question of how to keep peace and stop the war is dealt with, but there already appears a shift in the emphasis from war to peace. In a conversation with Emperor Lý Thần Tông in the year 1130 A.D., which Thiên uyển tập anh recorded, in response to Lý Thần Tông's question about the principles of political order and upheaval, of prosperity and decline in the world, Viên Thông said: "The people is like an instrument. Put them in a safe place, they are safe; put them in a perilous place, they are in peril. It all depends on how the leader of the people behaves himself. If his benevolence is in harmony with the hearts and minds of the people, then they will love him as a parent and look up to him like the sun and the moon. This is putting people in a safe place." (天下猶器也置諸安置諸危則危顧在人主所行何如耳好生之德合於民愛之如父母仰之如日月是置天下得之安者也). [8] Through this answer, a shift clearly appears in the theory of good governance and development from war to peace. And here, the question of the behavior of the leader becomes a hotspot which must be analyzed to find out such a behavior should be composed of. Of course, a good leader must possess wisdom and virtue, but how these qualities are put into practice should be inquired. So, Viên Thông

went on to say: "Order or chaos rests with the officials. If they can win the people over, then there is political order; if they lose the people's support, then there is upheaval. I have observed Emperors and Kings of former time, no one succeeded without employing true gentlemen, or failed unless he employed petty men. When we trace how these things come about, it does not happen overnight, but develops gradually. Just as heaven and earth cannot abruptly produce cold and hot weather, but must change gradually through the seasons like spring and autumn, etc., Kings cannot suddenly bring about prosperity or decline, but rather it is a gradual process depending on their good or bad activities. The wise Kings of old knew this principle, so they modeled themselves on Heaven and never ceased to rely on virtue to cultivate themselves; they molded themselves on Earth and never ceased to rely on virtue to pacify the people. To cultivate oneself means to be cautious within, as cautious as if one were walking on thin ice. To pacify people means to respect those who are below, to be as respectful as one riding a horse holding worn-out reins. If one can be like that, one cannot but succeed; if otherwise, one cannot but fail. The gradual process of prosperity, or decline depends on this." [9]

Here, Viên Thông expounds a new theory of good governance and development by emphasizing upon what we with our modern science of business management call the question of personnel, the question of employing appropriate works. The leader is now not reserved

only for the king or the Emperor, or the head of a state but also for the officials in the governing bureaucracy of a country. In other words, if the working of a state machinery runs smoothly with good officials, then, the country will be in great peace. Otherwise, it will fall into a chaotic state. Thus, there is an expansion of the notion of leadership from one man to a group of people who are responsible for the working of a state machinery. This is a new contribution of Viên Thông's theory of good governance and development.

Trần Thái Tông's theory

Hundred years after Viên Thông's death, Vietnam underwent many changes. Even with his advice, the leadership of the Lý dynasty could not reverse the course of history and the country fell into a chaotic state. Warring factions fought each other and finally appeared a new dynasty whose leader was a new young man under the name Trần Cảnh (1218-1278), later on, widely known under the title Trần Thái Tông. In the year 1236 A.D., due to the coercion by Trần Thủ Độ the imperial head of government, to accept his brother's wife, Trần Cảnh fled to Yên Tử mountain from the capital Thăng Long. There, he met Zen master Phú Văn and of course, Trần Thủ Độ got after him, asking him to be back to the capital. After many requests and not receiving the acquiescence from Trần Cảnh, Trần Thủ Độ decided to make to mountain into a new capital. Phú Văn intervened, saying to Trần Cảnh: "To be the leader of the people, one

should take the wish of the people to be his wish, the heart of the people to be his heart, now, that the people wish to welcome Your Majesty back to the capital, then how can your Majesty not come back?" (凡為人君者以天下欲為欲以天下之心為心。今天下欲迎陛下之歸則陛下安得不歸哉). [10]

With this statement, Phú Văn again gives us a new look on the theory of good governance and development in Vietnam of 13th Century when the Vietnamese began to deal with the rising power of the Mongolian empire in the North under the leadership of Genghis Khan (1162-1227). Actually, this new theory for the first time discusses about the desire and the will of people in relation to the governance and development of the state in its clearest term and content. The governance and development of a state totally depends upon the desire and the will of people and reflects this desire and will. Thus, a new and most important element is introduced into the theory of state governance and development, which Pháp Thuận's and Viên Thông's theories do not explicitly state or marginally deal with, that is, the desire and the will of people. The leader of the nation will act according to that desire and will.

We can say this is a new contribution of the Vietnamese Buddhist theory of state governance and development of the 13th century which still has a great bearing upon our time. This is because this theory emphasizes the role of the people in the running of a country and demands that any

continued on page 10

UNICEF PARTNERS Offer Unique Ways to Help Save Children's Lives this Holiday Season.

While you're on the quest for the perfect gifts for loved ones this holiday, there are many options that support children in need. We are excited to announce that the U.S. Fund for UNICEF's corporate partners are offering a variety of gifts that give back. From soft toys to luxury bags and writing instruments, the U.S. Fund for UNICEF has partnered with leading brands, offering exclusive items or other creative options UNICEF's programs for children.

<http://unicef.us/laOrlah>



DELTA

American Airlines



PHAN BỘI CHÂU VỚI BÀI HỌC CÁCH MẠNG DÂN TỘC

chung / Hậu hủ thù vu đại
sơ khởi / Bức nhâm đốt
đốt, Âu phong Ấ vu bất
phương lai.
(Phan Bội Châu)

Tạm dịch:

Sống không trừ nổi lo
thiên hạ / Chết chưa người
trong ý oan cừ / Lòng
giận mang mang gửi lại
non sông muôn thừa
Màn hỷ kịch trước đã
buông xuống / Đất đấu
tranh sau vọt mớ lên
Giục người dân dân gió
Âu mưa Ấ ngập trời.

Đây là tiếng nói giờ phút
cuối cùng của Cụ Phan
Bội Châu ngày 29-10-
1940.

Đây là cái hồn của Quốc

học, cái học thành người
không phải chỉ có tri thức
chuyên môn mà còn cả
một triết lý về sự sống như
Cụ Phan đã sống một đời
hệ sinh tinh mạng cho nơi
giống, cho tổ quốc mà Cụ
thương yêu. Cụ đã đem
cái tinh thần ấy ứng dụng
vào các học Quốc học
thích hợp cho Việt Nam
ngày nay như Cụ đã mở
đầu bộ sách "Khổng học
đăng": "Học cụ vẫn không
phải trăm hủ, mà học mới
vẫn không phải phụ hoa.
Nếu học cho đến tinh thần
thời vi như làm nhà: học
cụ là nền tảng, mà học
mới tức là tài liệu; hai bên
vẫn có thể giùm cho nhau
làm một toàn nhà hoa
mỹ. Chẳng bao giờ không
tài liệu mà làm nên nhà;

và cần thứ nhất là chẳng
bao giờ không nên tảng
mà dựng được nhà. Tác
giả viết bản sách này là
muốn để u hóa học cụ
với học mới; hai bên tương
thành cùng nhau, mà
quyết không tương phản.

Tác giả nói học cụ là nói
chân triết lý của Ấ châu
từ thừa xưa, nói học mới
là nói khoa học, khoa học
tốt cần thiết có ích lợi với
nhân sinh của thế giới bây
giờ". (Khổng học đăng)

... chúng ta ngày nay
muốn xây dựng lại ngôi
nhà Việt Nam cho bền
vững, cho hoa mỹ tốt đẹp
không thể không trung
thành ứng dụng bài học
thực nghiệm sống động



Cụ Phan đã toát yếu trên
đây mà thế giới đang
mong mỏi: "Chân triết lý
của Ấ châu từ thừa xưa với
khoa học tối tân của thế
giới ngày nay!"

Tức là Đạo học với Khoa
học!

Đây là ý nghĩa kỷ niệm
nhà Đại chí sĩ, Đại cách
mệnh dân tộc Việt Nam
hiện đại: PHAN SẢO NAM
[tiếng lời ngữ của người/sam
Tu Tướng số 8-1973, chủ đề kỷ
niệm Phan Bội Châu]

Trong tâm thức một người
Việt Nam chúng ta, Sao
Nam Phan Bội Châu tồn
tại như một tiết tháo hiện
thần, một tinh thần đấu
tranh tích cực nhập thế,
đồng thời do đó là biểu
trượng cho một niềm kiêu
hãnh của dân tộc về nỗ
lực đổi mới để tồn tại với
sự xâm lược Tây phương
hồi hạ bán thế kỷ thứ 19.
Có lẽ vì vậy, lòng kính
ngưỡng của đồng bào
Việt Nam đối với nhà chí
sĩ sống Lam núi Hồng
cũng là một hiện tượng
hiển nhiên tất yếu trong
khôn khổ đời sống văn
lý tri vừa tinh cảm, và
thường xuyên ở trạng thái
yên nghỉ, không thức mất
hối tra...

Ngày cả với hạng người
mà đời sống "vinh quang"
của họ gắn liền với sự
tồn vong suy thịnh của
đế quốc cụ cũng như
mới, hình ảnh đầy hao
quang của Phan Sảo
Nam thường khi vẫn hiện
ra chói sáng trong tâm
hồn họ như một thực tính,
có khi là một trách mắng,
mà cho dầu họ kính sợ và
"vấn chí", vẫn phải kính
ngưỡng, kèm theo một
tinh tự hổ thẹn, hổ thẹn về

sự cùng làm người Việt
Nam!

Hẳn nhiên ai cũng rõ tất
cả nhưng sự kiện đó chính
là do từ cuộc đời, mà cũng
chính là bản ngã cách
mệnh Phan Sảo Nam, một
trọng nhưng chiến sĩ vừa
không nhiều trong đám
con yêu của đất Mẹ, vừa
có những sắc thái đặc biệt
về hệ tư tưởng đấu tranh
mà hôm nay chúng tôi
được may mắn tới đây để
trình hầu quý vị và anh chị
em sinh viên.

Xưa kia, Từ Công, một
cao đệ của Khổng Tử khi
nhận định về vị tôn sư của
mình có nói: Càng trông
càng thấy cao; ông con
nói: khen chê Ngai cũng
chẳng thấm vào đâu, vì
nếu khen, cũng chỉ đáp
thêm một sọt đất vào hòn
núi đá cao, mà có chê
cũng chẳng khác nào đào
bới mất đi một sọt! Chúng
tôi thiên nghĩ rằng trên
bình diện kháng Pháp của
dân tộc Việt Nam, vấn đề
khen chê Phan Sảo Nam
có lẽ cũng là trường hợp
tương tự. Và chẳng nơi
đây quả tình chúng tôi
cũng không dám có tham
vọng đặt vấn đề như vậy.
Câu chuyện mà chúng
tôi sắp trình hầu quý vị và
các bạn hôm nay sự thật
chỉ muốn rút ra phần nào
từ cuộc đời đấu tranh của
Người một bài học thiết
thực mà chúng tôi nghĩ
như vậy cũng đã quá
nhiều cho mọi chúng ta:
bài học cách mệnh dân
tộc khả dĩ ứng dụng vào
cuộc đấu tranh để trường
tồn.

Theo dõi quá trình rèn
luyện tri thức, cũng như
quá trình hoạt động cách

xem tiếp trang 18

continued from page 9

BUDDHIST CONTRIBUTION TO GOOD GOVERNANCE AND DEVELOPMENT IN VIETNAM*

state policy should reflect
faithfully their desire and
will. This explains why the
Vietnamese of the 13th
century successfully their
country against three mili-
tary invasions of Genghis
Khan's successor, Kublai
Khan (1215-1294) in the
years 1258, 1285 and
1287.

Some Observations

We hope, in the discus-
sion of the three case
studies of Buddhists
contribution to the theory
of state governance and
development in Viet-
nam, we will realize how
from a general Buddhist
theory, three Vietnamese
Buddhists exploit and
develop into new theories
of state governance and
developments still ap-
plicable to Vietnam, with
many concepts still open
for discussion. These
Buddhists were all ac-
tive political-leaders and
personally took part in the
political activities of their
times. They were not only
theoreticians but, at the
same time, also political
advisers and leaders of
the country. Therefore,
what they were discussing
was the policy they were
trying to apply, so that the

people's welfare could
benefit from their realiza-
tions. The people here
are all those whom the
modern science of human
resource management
would call: "stakeholders"
with a small difference
in that these stakehold-
ers are not limited to the
members of a corpora-
tion, but belonging to the
whole society and their
welfare should be taken
care of, or managed, by
good leadership.

Buddhist Contributions to
Good Governance and Devel-
opment

The 4th International Buddhist
Conference on the United
Nations Day of Vesak and the
Auspicious Occasion of His
Majesty the King's 80th Birth-
day Anniversary at Punnaham-
onthon, Nakhon Pathom and
United Nations Conference
Center, Bangkok, Thailand 26-
29 May 2550/2007

[1] Lê Mạnh Thát nghiên
cứu về Mãn Tu, Nhà xuất
bản Tổng hợp Tp. Hồ Chí
Minh, 2006, p. 414
[2] Lê Mạnh Thát nghiên
cứu về Thiên uyển tập anh,
Nhà xuất bản Phương Đông,
2005, p. 289&823. Cf. Cuong
Tu Nguyen, Zen in Medieval
Vietnam, Honolulu: University
of Hawai'i Press, 1997, p. 171;

Nguyễn Duy, Kevin Bowen,
Nguyễn Bá Chung, Zen
Poems from Early Vietnam,
Sei gon Cultural Publishing
House, 2005, p. 17.

[3] Lê Mạnh Thát Khổng
Tông Hồi toàn tập 1, Saigon:
Vạn Hạnh University Press,
1975, p. 516.

[4] Ellen M. Chen, The Tao
Te Ching, New York: Paragon
House, 1989: 54-58.

[5] Luận 15.2a5-6, Sơn pu pi
yao.

[6] Li chi 16.2a5-6, Sơn pu pi
yao (Cheng's Annotations)

[7] Li chi 16. 5b2-10, Sơn pu pi
yao (Cheng's Annotations)

[8] Lê Mạnh Thát nghiên
cứu về Thiên uyển tập anh,
Nhà xuất bản Phương
Đông, 2005, pp. 329-330.
Cf. Cuong Tu Nguyen,
Zen in Medieval Vietnam,
Honolulu: University of Hawai'i
Press, 1997, p. 201.

[9] Lê Mạnh Thát nghiên
cứu về Thiên uyển tập anh,
Nhà xuất bản Phương Đông,
2005, p. 330. Cf. Cuong Tu Nguyen,
Zen in Medieval Vietnam,
Honolulu: University of Hawai'i
Press, 1997, p. 201.

[10] Lê Mạnh Thát Toàn tập
Trần Thái Tông, Nhà xuất
bản tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh,
2004, p. 376&588.

VEN. PROF.
LE MANH THAT

"THE PATH TO WELLNESS"

The mission of my pharmacy is to provide medication for the patients and the proper counseling and education to ensure proper usage of medicines. We highly emphasize on understanding of diseases and proper way to take medications.

TAO WELLNESS Pharmacy

16931 Bushard st. fountain Valley, Ca 92708 714-593-5654



GIỌT NƯỚC NÀO XÓT MẮT TÔI

HUYỀN KHÔNG

Ngày 9 tháng 4 năm 1991 vừa qua tôi đến Hannover, Đức Quốc để tham dự khoa họp của Hội Đồng Tăng Già Thế Giới tổ chức tại chùa Viên Giác của Thượng Tọa Thích Như Điển.

Hạnh trình dài mười mấy tiếng đồng hồ. Tôi đã nghĩ tới trước khi đi và nhớ vậy đã thủ sẵn trong hành trang mang theo tập Hồi Ký Người Mất Ngày Tháng của Nhà Ca. Mười mấy tiếng đồng hồ đã không thấy dài lê thê, đã qua đi nhanh chóng trong niềm tưởng vọng về những gì đã mất mà như con đò. Lung linh và sống động. Đó là hình ảnh của Ôn Tri Thủ mà người viết đã ghi lại với cả tấm lòng như tấm lòng của đứa con lạc

loài, chìm nổi giữa biển đời nhớ về người cha lạnh đã khuất bóng. Đó là hình ảnh của nhiều anh em văn nghệ sĩ sống trong những ngày tháng lao đao, hồi hộp, rầy rứt, phân uất, hung chí giữa một quả hương mặt mũi trong bạo lực cầm thú. Đó là riêng về anh Hiếu Chấn, một gói nhỏ, bọc bằng vải xô, đeo sai một chiếc xe đạp. Mò tả một cách vô hồn và như tê điếng mọi nỗi đau buồn về hình ảnh của một nhà văn đã chết. Cụm kỷ xúc động và xót xa, tôi đọc mà nghe cảm cả một trời buồn tràn dâng: Có giọt nước mắt nào xót mắt tôi cho anh Hiếu Chấn lúc này. Tôi nhắm mắt lại, thăm từng 3 tiếng bài chu Vãng Sanh cho anh mà cũng là cho cả mọi nỗi trầm luân

của thời tang tóc điệu linh này. Anh Hiếu Chấn, tôi con nhớ ro lắm.

Sau ngày đóng bao di cư vào Nam 1954, Miền Nam có tờ báo Tự Do, một trong những tờ báo tôi quý. Quý không phải vì tin tức, bình luận thời sự, không vì tiểu thuyết, tài liệu, quý chỉ vì cái mục Nội hay Đụng do anh Hiếu Chấn phụ trách. Như là từ khi trên mục nhỏ này, anh đã dám đem vấn đề Tự Bi không có trong đạo Phật (!) để nổ thien hạ. Như thế là động thời văn; và phải là can đảm lắm, phải là "gan cùng mình", anh mới động thời văn được thế. Ngày đó, mọi người cho anh đã dùng bút lông để chọt bút sắt. Tôi thì nghĩ tới cái học phong sĩ khí của người cầm bút. Sau năm 1965,

gặp anh tại Viện Đại Học Vạn Hạnh, cái học phong sĩ khí mà tôi nghĩ về anh trước thực đã không lắm.

Sau 30/4/1975, thỉnh thoảng tôi lại nhớ thăm anh với bao gạo nhỏ đeo sau chiếc xe đạp. Có lần, anh Cao Hữu Đình phản bi. Thế là tôi chia đều cho cả hai. Cả anh Thạch Trung Giả nữa, cùng hộp gạo chia nhau. Có khi cùng với thầy Đức Nhuận, chúng tôi dùng xích lo máy đi thăm Vũ Hoàng Chương, Đoàn Quốc Sỹ... và các anh em khác. Gió thì đã tan tæc, trời đất mới người mới phương. Nhưng Hiếu Chấn, Thạch Trung Giả, Cao Hữu Đình, Vũ Hoàng Chương... đã bên kia trời. Và cùng bên này trời phương khác, tôi cư mơ màng nghĩ đến...

Như bọt nước tung tóe reo vui, anh Hiếu Chấn đang được đưa vui cùng sóng nước. Niềm vui thỏa nguyện được vào chốn lao tù, được chia cùng nỗi đớn đau với đồng nghiệp, đồng bào. Niềm vui riêng ấy của anh thực chưa cả một trời buồn của non nước. Tâm trạng anh có khác gì tâm trạng của quý thầy trong Giáo Hội nhưng ngày thầy Huyền Quang, thầy Quảng Độ... vào tù trong lúc mình chưa bị tù. Có sao mình chưa bị tù? Câu hỏi ấy, tôi đã nghe nhiều lần ở thầy Thiện Minh. Để rồi, thầy Thiện Minh đã vào tù và đã chết trong tù.

Nguyễn được vào tù. Để rồi chết. Thầy thiện Minh

xem tiếp trang 27

kếp theo trang 7

NỀN TẢNG PHẬT GIÁO CỦA KINH TẾ HỌC

sử - tăng gấp đôi lượng lúa gạo thu hoạch được đủ tiêu dùng cho hai ngày thay vì chỉ một ngày. Xét ham số sản xuất, nếu nhưng thứ khác luôn được giữ nguyên: đất và lao động trong bối cảnh hiện tại không đổi, thì một sự thay đổi trong kỹ thuật sẽ làm thay đổi đầu ra.

Liên hệ đến điều này, dựa vào lý thuyết Phật giáo về 4 loại thức ăn, thì nhu cầu về hàng hóa tiêu dùng thuộc loại thực phẩm vật lý, giá như ở trong một nền kinh tế dài hạn, khi đạt tới đơn vị cuối cùng của tình hữu dụng tối hạn của nó, sẽ luôn được giữ nguyên suốt một thời kỳ rồi rồi xuống cùng với sự hủy diệt của đời sống con người vốn lệ thuộc quý luật thế giới vật chất. Ba loại thức ăn khác, cơ bản trước hết được xem chỉ là thức ăn bổ túc cho thực phẩm vật lý, sẽ giảm thiểu khi cơ thể, cái mà nó hỗ trợ, hủy hoại.

Trong câu chuyện về người tiến sĩ nêu lên ở trên, nó kể rằng khi người ta giành giật nhau thu gom lúa gạo để tích trữ cho tiêu dùng trong tương lai, thì lúa gạo chín tự nhiên không cần nấu chín mất, và một loại lúa gạo mới đòi hỏi con người phải làm lụng để sản

xuất thay thế nó. So với hoàn cảnh của Robinson Crusoe như các nhà kinh tế ưa dùng, trong đó mọi thứ gì nó có thể lấy được trong tay đều là những yếu tố do thiên nhiên cung cấp, không một dụng cụ gì có sẵn ngoài sự lao động của chính bản thân để sản xuất nhưng thứ cần thiết nhằm thỏa mãn những nhu cầu tối thiểu, anh ta buộc phải chọn lựa hoặc tiêu thụ đến hết mọi thứ kiếm được trong ngày này, hoặc giấu bớt một phần để dành cho ngày mai; trong trường hợp người tiến sĩ, họ không để dành bằng cách cất giấu tiêu dùng hôm nay cho tiêu dùng ngày mai, mà bằng cách tăng thêm lượng đầu ra nhờ vào việc cải thiện hiệu năng sản xuất.

Trong hoàn cảnh hiện nay, theo quan điểm Phật giáo như đã phát biểu trong bản kinh dân trên, ta có thể thừa nhận rằng ngay từ đầu con người thấy sự gia tăng trong sản phẩm là lựa chọn tốt nhất của mình, trước khi tưởng tượng ra được bất cứ một kiểu mẫu kinh tế nào khi đối mặt với giới hạn của môi trường và sự khan hiếm của các phương tiện ngoại tại để thỏa mãn nhu cầu của mình.

Vấn đề tất yếu theo sau là, sự tiêu thụ vật chất có tính hữu ích tới hạn của nó, nhưng nhu cầu con người muốn thích hợp với sự tiến hóa cao hơn nhiều thì không giới hạn, vì vậy, con người phải sắp xếp giảm bớt thời gian làm việc cho sự gia tăng hàng hóa vật chất để có thể dành nhiều thì gian hơn cho sự nuôi dưỡng kiến trúc tinh thần và địa tạng nhận thức. Theo hệ quả luận lý, không phải chỉ sự giàu có nơi số lượng vật chất, mà trong một mức độ nào đó được đánh giá là sự tăng trưởng kinh tế, nhưng chính phẩm chất của sự tiêu thụ trong lãnh vực tinh thần, được cung cấp bằng thực phẩm dành cho kiến trúc tinh thần và địa tạng nhận thức, là cái biểu thị sự tiến bộ xã hội và sự nâng cao tiêu chuẩn cuộc sống. Tuy nhiên điều này không có nghĩa, sản xuất vật chất nên được bỏ lơ, trái lại, nó phải chống đỡ cho sự tiêu thụ trong lĩnh vực tinh thần. Vì vậy, tăng trưởng vật chất phải tương xứng với phát triển tinh thần.

Thật ra, trong việc xử lý vấn đề khan hiếm, quả thật không đúng chút nào khi cho rằng, như một số nhà kinh tế tung tuyện bố, cách giải quyết của Phật giáo là "thay đổi bản

chất và mức độ các ham muốn..." Nghĩa là giảm bớt ham muốn và nhu cầu của họ. Khó cần phải nói, thư khoa học kinh tế đã được nặn ra theo khuôn sáo đầu óc phương Tây.

Mặc dù những thành tựu vật chất như được nhìn thấy hiện nay ở phương Tây từ thời chủ nghĩa thực dân cho đến cuộc chiến chống khủng bố ngày nay, văn minh phương Tây có vẻ chúng tỏ ưu thế của mình đối với cách hành xử kinh tế của phương Đông, tiến bộ kỹ thuật của nó đã cải thiện tiêu chuẩn cuộc sống. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa dân chúng được hạnh phúc hơn. Thay vào đó, sự thành tựu đầy kinh ngạc về khoa học và kỹ thuật đang đẩy nhân loại đến bờ vực hủy diệt hàng loạt.

V. Sản xuất và tiêu thụ Một bản kinh kể rằng trong thời xa xưa, hoặc trong thời kỳ dân chúng đạt đến sự phát triển cao nhất theo truyền thuyết, chỉ có 3 loại nhu cầu: ham muốn, đói khát và tuổi già. Thời gian trôi qua, khi xã hội con người bị xung đột một cách khốc liệt, thêm nhiều loại nhu cầu khác xuất hiện. Theo kinh Esukari sutta, vào thời đức Phật, của cải được phân loại theo 4 phạm trù xác định giới cấp xã hội: vì vậy, của cải

của một người là toàn bộ những gì anh ta sở hữu. Nó là phương tiện người ấy kiếm sống. Khát niệm của cái này gọi lên những ý niệm về sản xuất và tiêu thụ như kinh tế học hiện đại có thể nhận thức trong một chừng mực nào đó. Tuy nhiên đức Phật đã đề bạt lý Pháp tối thượng làm của cải tối hậu mà nhân loại được khuyến khích tìm kiếm. Pháp tối thượng nói đến đây gồm 7 yếu tố hay thành phần của của cải: chúng là niềm tin, đức độ, tâm, quý, học tập, rộng lượng và tri tuệ. Trong đó yếu tố thứ sáu, tức rộng lượng hay từ độ, đạt được nhờ hào phóng bố của ra để làm từ thiện, hãm ý sở hữu của cái vật chất. Bởi vì một người bỏ ra cho người khác chỉ cái gì nó, một người giàu có chẳng hạn, đã sở hữu được. Vì thế, các thành phẩm này của sự giàu có phải được xem là các nhân tố sản xuất ra hàng hóa có phẩm chất cao nhất. Tuy nhiên, hầu hết những tác giả viết về kinh tế có lẽ đều miễn cưỡng tán thành một định nghĩa khả lý tương như thế về giàu có, bởi vì theo giá đình của họ, giàu có được định nghĩa là "gồm hai thứ tại sản thực (nhà cửa, xe cộ, máy truyền hình, và những thứ lưu bên khác) và tài sản tài chánh (tiền mặt, tài khoản tiết kiệm, cổ phần, trái

xem tiếp trang 17



Đĩa BÝCH ĐỒY CHÈ ĐỎ ĐÀM



TỰ DO MỘT CÓN NGƯỜI

HOÀNG LONG
www.tienve.org

Giới Daniil Kharma

Đám đông cầm những cây dùi mũi nhọn, tiến dần đến chỗ tôi. Không còn đường lui nữa. Phía sau là bức tường đá phong rêu. Tôi vội vàng thu dọn hành lý của mình. Một cái túi nhỏ chứa vài thứ đồ lặt vặt gắn với đời mình từ xưa. Một xấp giấy rời những ghi chép vụn, những phác thảo vẽ một quyển sách chưa hoàn thành nhưng giờ không còn thời gian nữa. Nương theo cơn gió, tôi tung xấp bản thảo lên trời, thả cho chúng được tự do. Rồi tôi lặng yên chờ đợi. Lũ yêu tinh đang dần đến. Vẻ yêu ma hiện ra ngay từ hình dáng khuôn mặt chúng. Trán chúng từ khoảng giữa lông mày bị cắt phăng

Xem tiếp trang 14



tiếp theo trang 13

đi rồi được gắn lên một cái đĩa mỏng nông choèn giống y loài kappa. Trong cái đĩa mỏng đó chứa một thứ nước đục sệt như bùn. Tôi nghe nói nếu như thứ nước sền sệt ấy bị đổ đi thì chúng sẽ chết nhưng tôi chưa thấy đĩa nào chết cả dù có lần thấy chúng say rượu ngã lộn ra. Thứ nước bùn sệt ấy dính cứng vào chúng mất rồi. Sao tôi ghê sợ chúng đến thế. Thời hạn cuối cùng để tôi chấp nhận bị gọt đầu, gắn đĩa và đổ thứ nước bùn sệt ấy lên đã trôi qua và hôm nay đến ngày tôi bị hành quyết. Lũ điên cầm hàng trăm chiếc dùi nhọn đâm thẳng vào tôi với vẻ mặt vô cùng nghiêm trang như thể đang thực hiện một sứ mệnh lịch sử. Cho đến phút cuối cùng tôi vẫn là một cá nhân. Những trang giấy rời đã bay theo gió một ngày nào sẽ nói cho hậu thế biết đã từng có một con người lưu lãng qua trần gian, chấp nhận cái chết bị hành quyết như một thứ tự do cuối cùng.

Okayama, ngày 28/10/2009

HOÀNG LONG



Art: DYEN NGUYEN/BOA DAM



THƯ CẢM ƠN

TRẦN TRUNG ĐẠO

Kính gửi quý lãnh đạo tôn giáo, cộng đồng, tổ chức, đoàn thể, cơ sở thương mại, đồng hương, và thân hữu.

Như chúng ta đều biết, bão Haiyan là cơn bão lớn nhất và gây thiệt hại trầm trọng nhất trong lịch sử của đất nước Philip-

ngoại. Chưa bao giờ trước đây, sự cảm thông, thương yêu của người Việt dành cho một dân tộc không phải là Việt Nam lên cao như vậy. Các cộng đồng, hội đoàn, cá nhân đã và đang cùng góp một bàn tay xoa dịu vết thương của nạn nhân bão Haiyan và cùng để đáp lại tấm lòng

mạng internet và facebook. Đại diện Ban Chấp Hành Trung Ương Hội Người Mỹ gốc Philippines tại Hoa Kỳ và phái đoàn Hội Người Mỹ gốc Philippines vùng New England cũng được mời tham dự bữa cơm gây quỹ. Các bạn Philippines rất xúc động nhìn cảnh

phương tiện cung như các cơ sở từ thiện tại Philippines nhận tiền sẽ được thông báo trong vài ngày tới.

Qua lá thư này, thay mặt ban tổ chức, chúng tôi kính tri ân sự đóng góp của quý vị và kính chúc quý

vị và gia đình một mùa Giáng Sinh an lành, năm mới 2014 tràn đầy sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Thân kính
T.M. Ban Tổ Chức

TRẦN TRUNG ĐẠO



pines. Theo tin tức cập nhật từ chính phủ Philippines, cho đến ngày hôm nay 13 tháng 12, 2013 số người chết đã tăng đến 6009 người. Thiệt hại về nhân mạng có thể còn tăng cao hơn khi số 1779 người bị mất tích không tìm ra được và số 27.022 người bị thương đang còn nằm trong các bệnh viện tạm thời được dựng lên sau cơn bão. Ngoài ra, cùng theo cập nhật của chính phủ Philippines, 12.1 triệu người bị ảnh hưởng do cơn bão gây ra. Phần lớn nhân loại có lương tâm và lòng nhân ái đã đáp ứng, trong đó có cộng đồng Việt Nam hải

nhân cư đất nước Philippines đã dành cho người Việt tỵ nạn CS trong giai đoạn vô cùng khó khăn sau 1975.

Anh chị em văn nghệ sĩ Việt Nam vùng New England đã phối hợp với Hội Thương Gia Việt Nam tiểu bang Massachusetts, các đồng hương thiện nguyện và sự yểm trợ tích cực của các cơ quan truyền thông trong vùng New England đã thực hiện bữa cơm gây quỹ tại Boston vào ngày 7 tháng 12 vừa qua. Buổi gây quỹ được sự hưởng ứng không chỉ người dân trong vùng New England mà từ khắp nơi kể cả các

trên 600 người nô nức tham gia và nhất là cảnh các em bé Việt Nam sắp hàng trước sân khấu chờ đến phiên mình đóng góp. Tổng số thu được từ các nguồn: \$66,357.00, tiền trả nhà hàng và vài chi phí nhỏ khác: \$18,811.00, số còn lại \$47,546.00. Hiện nay các ngân phiếu đang được ký thác vào ngân hàng, sau đó sẽ được gửi đến các cơ sở từ thiện đang hoạt động trong các vùng bị nạn tại Philippines.

Một thông báo chi tiết với phương danh các cơ sở thương mại và cá nhân đóng góp tại chánh,

THỨC DẬY ĐI

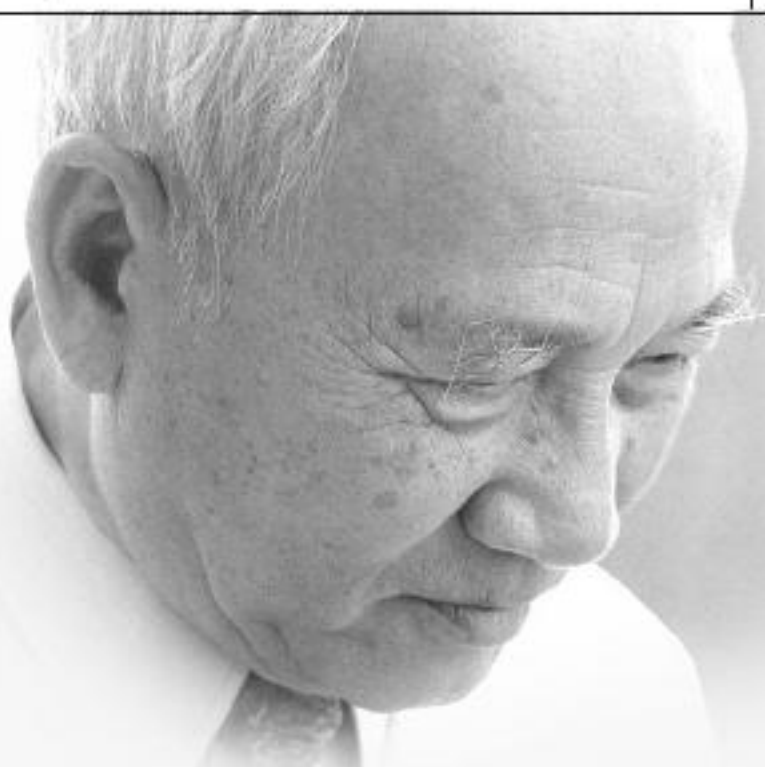
Mặt trời mới mọc bên kia biển
Hay lửa phương đông báo hiệu mùa
Thức dậy đi em giờ đã điểm
Mẹ khóc lâu rồi em biết chưa?
Thức dậy đi hơi rung nui cu
Nghe tiếng nghìn xưa vọng trở về
Ai đứng trong ai mùa lá đổ
Mà lòng thao thức mãi đêm khuya
Ai khóc đêm nay ngoài đi Bắc
Phất hồn sương phụ nữ phương xa
Hay tiếng Phi Khanh trào nước mắt
Về đi, lấy máu trả thù cha
Thức dậy đi hồn thiêng sông núi
Giáo Nam Quan xô sóng Bạch Đằng
Nửa đêm không bóng người bên suối
Sao tiếng guom mai vang dưới trăng
Thức dậy đi hơi long vô lượng
Ngọt ngào chỉ đau khổ điều linh
Dù cho nước vẫn còn nhơ đục
Nhớ giữ cho nhau một chút tình
Thức dậy đi đôi cao dốc sỏi
Đất đã mòn theo mỗi vết chân
Ga tu lạng lạng nhìn mưa đổ
Đầu biết xoắn qua chỉ một lần
Thức dậy đi màu nâu của đất
Màu xanh trong ánh mắt của em
Bao nhiêu năm ngồi nghe nhau khóc
Đã đủ chua máu chảy ruột mềm
Thức dậy đi từng trang lịch sử
Nhưng chuyện buồn vui lẫn tui hơn
Như mắt mẹ nghìn đêm không ngủ
Thương lắm con thơ chưa lớn khôn

TRẦN TRUNG ĐẠO

NHỜ ĐAU DÂN TỘC VIỆT VẪN CÒN
SAU NGÀN NĂM BẮC THUỘC?

ĐỪNG VỮNG NGÀN NĂM

tác giả NGÔ NHÂN DUNG



NOT ONLY "GREAT BOOKS"

NGƯỜI VIỆTshop

www.nguoi vietshop.com

LET'S ORDER NOW



[tiếp theo kỳ trước]

LƯỢC SỬ GIÁ ĐÌNH PHẬT TỬ VIỆT NAM

CHƯƠNG 2 BẮC TÂM MINH LÊ ĐÌNH THẨM ĐOÀN THANH NIÊN PHẬT HỌC ĐỨC DỤC GIÁ ĐÌNH PHẬT HÓA PHỐ (1940 - 1945)

2.1 Tiểu sử Cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thẩm (với Đoàn Thanh Niên Phật Học Đức Dục và Gia Đình Phật Hóa Phố)

Trước khi trình bày tiểu sử
Cư sĩ Tâm Minh Lê Đình
Thẩm, tưởng chừng nên
nhắc qua Thiên Sư Giác
Tiên, vị thầy mà Cư sĩ
Tâm Minh đã thọ lễ quy y,
đã được hướng dẫn ngay
từ bước đầu khi bước đến
cửa Thiên và cả trong quá
trình hành đạo của Cư sĩ
sau này.

Hòa Thượng Giác Tiên là
người khởi xướng công
trình phục hưng Phật giáo
tại miền Trung. Thầy có
rất nhiều đệ tử xuất sắc
như quý Thầy Thích Mật
Khê, Mật Nguyễn, Mật
Hiển, Mật Thế v.v... và
nhiều Cư sĩ tu tại gia, Cư
sĩ Tâm Minh là một và là
Cư sĩ ưu tú nhất, với Pháp
tự là Châu Hải.

Được biết, Hòa Thượng,
người họ Nguyễn, sinh
năm 1880 tại làng Gia
Lê Thượng, huyện Hương
Thủy, tỉnh Thừa Thiên.
Thầy xuất gia lúc 15 tuổi,
tu tại chùa Từ Hiếu; thọ

giới sơ đồ năm 21 tuổi và
là đệ tử của Thiên sư Tâm
Tĩnh. Thầy thọ giới Cụ
Tục tại chùa Phước Lâm,
Quang Nam, năm 1910.
Về làm trụ trì chùa Trúc
Lâm, ở làng Dương Xuân
Thượng, Huế, năm 1913.
Năm 1925, Thầy vắng sắc
chỉ triệu đình làm trụ trì
chùa Diệu Đế. Năm 1929,
sau khi trung tu chùa Trúc
Lâm, Thầy mở Phật Học
Đường và vào Bình Định
ruốc Thiên sư Phước Huệ
(chùa Thập Pháp) ra làm
chủ giảng. Thầy hướng
đạo cho cư sĩ Tâm Minh
thành lập hội An Nam
Phật Học năm 1932. Hòa
Thượng tịch ngày 4 tháng
10 năm Bình Tỵ (Báo Đại
thứ 11 - tức là 17.11.1936),
hưởng thọ 57 tuổi, đang
lúc đảm nhiệm trách vụ
trụ trì hai chùa Diệu Đế và
Trúc Lâm, và chứng minh
đạo sư cho hội An Nam
Phật Học.

Chính nhờ Hòa Thượng
lập Phật Học Đường và
luôn luôn chú trọng đến
việc đào tạo tăng tài, mở
nhưng lớp cán bộ tăng sĩ
mà về sau là những cây
cột trụ của nền Phật giáo
cận đại như các Thiên sư
Quảng Huệ, Trí Thủ, Mật
Thế, Chánh Thông, Thiên
Trí, Thiện Hoa, Thiện Hoa
v.v... Thầy còn mở trường
tiểu học Phật Học cho sư



Bích Látmet

đi các chùa tại chùa Vạn
Phước và mở cấp Đại Học
Phật Giáo tại Trúc Lâm
(năm 1934) thu nhận 50
học tăng làm nên tăng
hoàng Pháp.

**Cư sĩ Tâm Minh Lê Đình
Thẩm:** (Phần trình bày
tiểu sử này chú trọng về
mặt Cư sĩ liên hệ với Lớp
trẻ và Thanh niên Phật tử
nhiều hơn các mặt khác
trong quá trình hành đạo
của Cư sĩ)

Nhắc đến tên "Bác sĩ Lê
Đình Thẩm" thì các Huỳnh
trưởng GĐPT, trăm người
như một, ai ai cũng biết
đến tên, mặc dù số đông
chưa được diện kiến; từ
các Anh, Chị lớn tuổi, ở
Huế, trước năm 1945. Bác
là người anh cả của các
anh chị huỳnh trưởng thế

hệ đầu Gia Đình Phật
Hóa Phố, là bậc cha của
các anh, chị thế hệ Gia
Đình Phật Tử, là bậc bác
của thế hệ Gia Đình Phật
Tử Việt Nam nhưng năm
1964. Và từ đây Gia Đình
Phật Tử Việt Nam xem
Bác như Bậc Tổ. Từ lớp
này đến lớp khác, truyền
mệnh hay qua các bài
giảng trong các khóa
huấn luyện Huỳnh trưởng,
các anh chị giới thiệu
với đàn em, gọi Bác một
cách thân mật và tôn kính,
bằng "Bác Thẩm," hay
"Bác Lê Đình Thẩm," "Bác
Tâm Minh," "Bác Bác sĩ
Tâm Minh Lê Đình Thẩm."

Là vì, Bác là người đã
thắp "Ngọn đuốc tuệ" soi
sáng và hướng đạo cho
tầng lớp trẻ mới bước
chạm vào Đạo. Hơn thế

nữa, Bác còn là người
dẫn đầu các Cư sĩ Phật
tử trong thời kỳ Chấn
hung Phật giáo 1930 -
1945, là một trong các
Cư sĩ được các Thiên sư
mới dạy Phật Pháp trong
các Phật Học Đường, từ
Tiểu học Phật học đến
bậc Đại học Phật học,
từ những năm 1933. Một
lời giới thiệu: "Tâm Minh
Lê Đình Thẩm thật xứng
đang có một chỗ đứng
quan trọng trong lịch sử
Phật Giáo Việt Nam cận
đại. Ông là một người dè
mèn và đầy nhiệt tình..."
(trích một câu ngắn trong
một của những đoạn giới
thiệu Bác sĩ, trong sách
"Việt Nam Phật Giáo Sử
Lược" - Nguyễn Lang - La

xem tiếp trang 22

tiếp theo trang 11

NỀN TẢNG PHẬT GIÁO CỦA KINH TẾ HỌC

phức u, chế độ bảo hiểm và
luơng hưu) mà chủ hộ sở
hữu.

Như chúng ta thấy, thông
thường người ta phân biệt
giữa hàng hóa vật chất
đáp ứng các thỏa mãn đời
thường của con người, và
hàng hóa cao hơn dùng
làm phương tiện nhằm
đạt được các thỏa mãn lý
tưởng. Vì kinh tế học chỉ
xử lý những chuyện trong
thế giới này, thì hệ quả
hợp lý kèm theo là họ chỉ
quan tâm đến sự tiêu thụ
vật chất.

Thật ra đức Phật chưa
bao giờ phủ nhận nhu cầu
về hàng hóa vật chất được
tiêu thụ cho những đời
hối duy trì đời sống sinh
học của con người là cái
làm nền tảng cho sự phát
triển cao hơn. Trong kinh
Không mắc nợ, Ngài thưa
nhận 4 thứ an sinh: Vui
thích của sự sở hữu, Vui
thích của sự sử dụng của
cái, vui thích của sự không
mắc nợ, và vui thích của
sự không làm lỗi.

Trong đoạn này, các điều
kiện an sinh không được
cải thiện và tăng thêm
chút nào nếu chỉ dựa vào
việc đạt được và tích lũy
một lượng của cải, cho dù

đạt được một cách chính
đáng bằng sự nỗ lực và
lao động của mình. Của
cải chỉ có ích lợi nếu nó
mang lại cho con người
sự vui thích và hạnh phúc
qua việc tiêu thụ vật chất
lần phát triển tinh thần.

Trong một Kinh khác, có
lần một người đi đến đức
Phật xin Ngài dạy cho
giáo lý mà khi tuân thủ
nó, nhưng kẻ là "những
chủ nhà, đang hưởng thụ
dục lạc thế gian, đang
ràng buộc với vợ con..."
có thể sống hạnh phúc,
thanh bình và thịnh vượng
trong đời sống hiện tại
cũng như trong tương lai.
Bấy giờ, Đức Thế tôn đưa
ra 4 điều kiện trước tiên
dẫn đến an lạc trong hiện
tại. Chúng là sự chăm chỉ,
sự phóng hộ, bạn tốt, và
kiếm sống chân chính.

Tóm lại, cách hành xử
kinh tế như vậy đã được
chỉ dạy. Sự chăm chỉ hay
siêng năng được nhấn
mạnh. Nỗ lực, năng động,
chăm chỉ, siêng năng
(virya, utthana, padhama,
v.v...). Đôi khi được hiểu
như là dùng để diễn tả
trạng thái giống như thế
của tâm hay ý thức, mặc
dù các hoạt động tâm
lý của chúng có một khác

biết nhỏ. Tuy nhiên, một
cách tổng quát, chúng
thường diễn tả yếu tố
quan trọng nhất trong sự
tu tập, đó là sự chuyển
cán (appamada). Đức
Phật dạy: "Tỉnh giác là
con đường đưa đến bất tử.
Lười biếng là con đường
dẫn đến tử vong."

Sự lo là, bất cẩn, chầy
lười, nhắc nhở: Đây là
những sự i của tâm hay
ý thức. Nó dấy lên trong
lòng người ta cái trạng
thái miễn cưỡng làm việc.
Các nhà kinh tế cũng
có thể gọi nó là sự nhàn
rỗi đối lại với lao động.
Theo các nhà kinh tế
định nghĩa, nhàn rỗi là
một phạm trù hàng hóa
tiêu dùng có thể được đo
lượng bằng đơn vị thời
gian. Khi được phối hợp
với hàng hóa tiêu thụ nó
hình thành một bộ hàng
cho khách tiêu dùng lựa
chọn, vì theo định nghĩa
này, nhàn rỗi chỉ cho bất
kỳ thời gian nào đã chi
tiêu mà không làm việc
trong thị trường lao động.
Vì thế, khi một công nhân
có gắng tăng thêm thu
nhập, anh ta phải trả
tặng chi tiêu lao động,
nghĩa là anh ta phải cắt
bớt thời gian chi tiêu cho

nhàn rỗi. Như vậy, lao
động là cơ hội được trả
giá bằng nhàn rỗi.

Với sự giúp đỡ của tiến bộ
kỹ thuật, công nhân ngày
nay có thể nâng cao hiệu
suất lao động để kiếm
được một mức lương cao
hơn mà không phải cắt
bớt thời gian dành cho
nhàn rỗi. Tiêu chuẩn đời
sống của anh ta được gia
tăng, thu nhập đạt đến tối
đa, Anh ta vừa giàu có lại
vừa rảnh rang thụ hưởng
lạc thú cuộc đời. Đó là
đặc điểm của nền văn
minh hiện đại mà người ta
phong cho cái tên là nền
văn minh tiêu thụ vật chất
được hình thành trên kiểu
mẫu kinh tế phương Tây.

Con người ham muốn dục
lạc không bao giờ chán
chê. Theo một định luật,
tổng giá trị hưu ích của
một món hàng tiêu thụ
được tính bằng số lượng
của nó, nhưng đối với
người tiêu dùng, phẩm
chất của món hàng, từ đó,
tính chủ thể của nó, không
nên bị bỏ quên. Thời gian
tiêu thụ cũng là một nhân
tố tác động đến sự thay
đổi tổng giá trị hưu ích.
Một đơn vị thời gian tăng
thêm sẽ làm giảm bớt sự
ưa thích hưởng thụ.
Đức Phật thừa nhận 4 nhu
cầu: thực phẩm, quần
áo, nhà cửa, thuốc men.
Chúng thuộc các yếu tố
vật chất và được xếp vào

loại dinh dưỡng vật lý.
Sự tăng trưởng kinh tế
chỉ dựa độc nhất vào số
lượng hàng hóa và dịch
vụ được sản xuất ra nhằm
thỏa mãn sự tiêu thụ vật
chất. Như vậy bất kỳ một
loại kích thích nào động
viên tiêu thụ cũng làm
tăng lượng cầu.

Việc tập trung vào sản
xuất và tiêu thụ vật chất
này, thiếu các loại dinh
dưỡng khác mà chúng ta
gọi là các loại thức ăn tinh
thần cần thiết cho giá trị
tối hậu của nhân loại, đã
tạo nên tình trạng mất cân
bằng giữa tăng trưởng
cơ thể và tinh thần. Ngày
nay, với đà tiến bộ ngoạn
mục của khoa học, và với
sự thành tựu có vẻ thần
kỳ của kỹ thuật, người ta
hiểu biết nhiều về cách
thức vật chất hoạt động,
nhưng sự hiểu biết của họ
về cấu trúc tinh thần được
cấu tạo thế nào và loại
thức ăn nào phải được
dùng cho nó thì còn hạn
hẹp một cách đáng buồn.
Ngoại tình, hiếp dâm,
buồn lậu, ma túy, bạo lực,
vô số các bất ổn xã hội;
tất cả triệu chứng này của
cân bằng béo phì xã hội
thật ra là kết quả của tình
trạng mất cân bằng trong
sự phát triển kinh tế.

Nhìn chung, tăng trưởng

xem tiếp trang 28

PHAN BỘI CHÂU
VỚI BÀI HỌC CÁCH MẠNG DÂN TỘC

mệnh và sáng tác thì văn của Phan, chúng ta đều thấy trong giai đoạn đầu từ lúc khai tâm đến năm 34 tuổi thành công trên đường cử nghiệp. Phan vẫn đi theo con đường mòn của những nho gia tiên bối: học chữ Hán để đi thi. Tuy vậy, không còn nếp mình trong khuôn khổ tri thức Trình, Chu, Phan đã âm thầm tìm đọc các tác phẩm của các danh sĩ đương thời như Nguyễn Lộ Trạch, Nguyễn Trường Tộ... lý khai với nếp sống miệt mài thời khao lới thơ giọng phú, Phan đã chuyển hướng cảm nghĩ của mình thành những lời kêu gọi thực tiễn đồng bào về nhiệm vụ diệt thù cứu nước. Nghiên ngẫm ngày đêm, các trang sách Thiên Hạ Đại Thế Luận, Trung Đông Chiến Kỳ, Phổ Pháp Chiến Kỳ, Phan đã tìm ở đó những kiến thức cần thiết cho đường tiến thủ của mình. Nhất là sau ngày thất bại trong tổ chức Đội Sĩ Từ Cán Vương (1885), Phan càng gia tâm nghiên cứu sách lược của người xưa qua các binh thư. Tôn Tử Thập Tam Thiên, Võ Hảo tâm thư, Hồ Trường Xu Cơ của Đào Duy Từ và các loại sách của danh nhân khác. Trong hoài vọng mở rộng kiến văn, Phan cũng tìm đọc các tác phẩm của các tư tưởng gia tiên phong Trung quốc trong cuộc vận động Tân Văn hóa, và cách mệnh Tân hợi như Khang Hưu Vi (1858-1927) và Lương Khất Siêu (1873-1929).

Cho đến khi ra hải ngoại,

có dịp tiếp xúc với các danh sĩ, chí sĩ Trung Quốc và Nhật Bản, trong một bối cảnh mà các mối tương quan quốc tế ngày càng mở rộng và chặt chẽ hơn. Phan càng hấp thụ được thêm nhiều các tư tưởng tiến bộ. Đặc biệt trận Nhật thắng Nga năm 1904-1905 càng như là những bằng chứng hùng hồn vừa có tính cách báo đảm, vừa khích lệ Phan và các thân sĩ đương thời về sự cần thiết chuyển hướng tư tưởng: từ khuôn khổ một nền giáo dục tư chương hư văn sang một nền giáo dục thực nghiệm, từ một ý thức hệ cố chấp nhân tuần sang một tinh thần khai phóng tiến hóa, từ một tư tưởng quốc gia chật hẹp cực đoan sang một tư tưởng quốc tế cần thiết cho sự sinh tồn của quốc gia dù muốn dù không đang nằm trong tương quan xã hội mới. Phải chăng cũng trong khuôn khổ quan niệm đó mà cho đến khi bị Long Tế Quang bắt bỏ tù, kiểm điểm lại đoạn đường đã qua, hồi tưởng lại nền học vấn mà mình đã hấp thụ buổi ban đầu tại quê nhà, Phan đã thành thực nhìn nhận với nhiều hối tiếc: "Than ôi! đến giữa thế kỷ 19, gió Mỹ mưa Âu đã lam ón ao vu trụ, vậy mà ngo lại nước mình vẫn còn đang ở trong cơn mộng ngủ say... Ngay đến hạng người trôi đầu khét tiếng như tôi mà cũng nhưếch năm dầy giếng, kiến ở trong hang, có hiểu biết chuyện đời là gì đâu".(1)

Cho đến năm 1923, lúc

bảy giờ con ở Hang Châu, Phan lại chấp nhận để tổ chức Việt Nam Quốc Dân Đảng do Phan tổ chức sắp sửa ra đời, thành "Ả phi nhược tiểu bị áp bức dân tộc, Ả đông bộ, Việt Nam phân bộ, ta càng thấy rõ khu vực quanh đặc biệt quan trọng của tư tưởng Phan tư tưởng thần bản vị quốc gia sang tinh thần liên đới quốc tế. Cuối cùng Phan đã quan niệm đến, và viết cả một cuốn sách bàn về chủ nghĩa xã hội, với nhan đề là "Chủ nghĩa xã hội Phan Bội Châu" (2).

Nhìn chung, quá trình hình thành và tiến hóa về tri thức của Phan, ta có thể ghi nhận được những yếu tố tinh đặc biệt như sau: a) Là một hệ thống tri thức Nho học. Và đó là một việc dĩ nhiên đối với một vị giải nguyên Nho học. Tuy vậy, xét về Dụng, và ở thế Động, hệ thống tri thức Nho học đó qua con người Phan không còn giữ nguyên yếu tố tinh (essence) tinh tại và hướng nội, trên cơ sở một tinh thần đạo đức, tuy thật lý tưởng mà không khỏi có tính chất chết tẻ. Phan không thừa nhận tính chất tinh tại và chết tẻ đó. Với Phan, điều quan yếu đối với một tri thức là Dụng chứ không phải Thế. Và chết tẻ cố nhiên không được tán thành, mà tinh tại và hướng nội cũng chỉ được chấp nhận trong khuôn khổ tri hành hợp nhất, và được coi như là sự suy tư cần thiết để hành động, chứ không phải chỉ là một tri thức thuần lý.

b) Trên nền tảng tri thức nho gia đó, Phan lại tự trang bị cho mình thêm những tri thức mới được tâm đắc qua nỗ lực tiếp xúc với văn hóa Tây phương, khác nào những ánh sáng soi tỏ thêm cho vốn liếng nho học cơ hữu của mình. Nhờ đó, qua công trình lập công (làm cách mệnh) đến lập ngôn (soạn sách), Phan đã chứng tỏ cho hậu thế cái nhân sinh quan "tự cường bất tước" và khai phóng của mình.

c) Có lẽ cũng nhờ những ánh sáng đó, về phương diện tinh thần ái quốc, có thể nói trong hàng ngũ chí sĩ cách mệnh Việt Nam, Phan là một trong số ít người có cái tinh thần tích cực ngoan cường và cái nhìn thấu đáo mình chết. Qua sự phân tích tỷ số thành phần tham gia cách mệnh trong cuộc tiếp xúc giữa Phan và Lương Khất Siêu (3) dù chúng ta không thể hoàn toàn tin vào các số liệu do Phan ước lượng về thành phần nhân dân tham gia đợt cuộc kháng Pháp, ta thấy ở Phan một tinh thần "phân tích" khoa học thể hiện rõ rệt một khuynh hướng thực tiễn, ít thấy ở hàng ngũ nho gia vốn có khuynh hướng nhìn sự vật chỉ thuần qua trực giác và tổng hợp, nhiều khi trừu tượng.

Với một hệ thống tri thức như vậy, Phan là một con người hành động tích cực, và luôn luôn với tinh thần khai phóng thực nghi. Điều này, ông Nguyễn Thượng Huyền, một người có dịp sống cạnh Phan ở Hang châu (khoảng 1923-1924) đã viết như sau: "không câu nệ lễ phép lật vật, cũng không

làm bộ giả đạo đức. Thậm chí chuyện đàn bà con gái Cụ cũng thường nói một cách tự nhiên. Nhưng khi bàn về chính trị hay là vấn đề quốc gia thì thái độ Cụ rất nghiêm. Về chính trị và cách mệnh, Cụ chủ trương chỉ cần đạt tới mục đích, không cần chọn lựa thủ đoạn..." (4)

Đúng như vậy, với nho gia, làm chính trị thì phải "vì chính dĩ đức, thì như Bắc thần, cư kỳ sở nhi chung tình cùng chí" (5). (Luận ngữ - Vi chính). Vậy mà với Phan, qua thực nghiệm đấu tranh, Phan đã thẳng thắn nói: "các chính trị học thuyết ở đời gần đây, trừ bốn chữ phủ quốc cường binh ra ngoài, e không gì là thù đoạn... Đã nói chính trị tất phải bỏ nhân nghĩa ra ngoài, mà nhân nghĩa chỉ là câu nói suông của nhà học giả. Nào là nhân đạo chủ nghĩa, nào là công lý triết học, nào là bác ái, bình đẳng, tự do, chẳng bao giờ nhét vào trong khuôn chính trị được. Bởi vì đã nói nhân tất phải bác ái, đã nói nghĩa tất phải cho bình đẳng tự do; nếu cứ nhân nghĩa như thế hoặc thì nhưng nhà xam lược thực dân làm thế nào mà mua tay lên một được. Vậy cho nên nhân nghĩa với chính trị phải có hai đường" (6)

Qua đoạn văn trên, Phan chỉ phát biểu một nhận thức thực tiễn, chứ không phát biểu chủ trương của riêng mình. Nhưng qua sự phát biểu nhận thức này, Phan đã chịu nhìn nhận một thực tại mà không lên án, coi đó như một thực tại hiển nhiên trong đời sống chính trị. Nhìn nhận hiện

xem tiếp trang 23



XÂY NHÀ,
NHÀ HÀNG,
PHÒNG MẠCH BẮC SÌ,
NHÀ SỈ,
VĂN PHÒNG,
REMODEL
VÀ CỘNG THÊM PHÒNG

...

HUY LE
Lic. # 877698
714.209.8180



xem tiếp trang 17



LỐI VỀ CHÂN TÂM

Tôi ngồi soi lấy chân tâm
Thấy tâm bay mất thấy sắc hạn con
Tôi ngồi đếm nhưng vòng tròn
Đếm lên Đếm xuống Thấy môn đầu tâm

LƯU VỰC SÔNG HÀNG

Sông Hàng ngày xưa tôi tắm mát
Lưu vực nghìn năm vọng ánh vàng
Động tâm coi hồn nghe chung nhỏ
Người về trên một bông chàm như

SUỐI TỊNH

Trong tôi đang có nỗi sầu
Lang thang xuống dưới chân cầu hươu
chấp tay như một môn đồ
chờ con suối tịnh Cam Lộ ban cho

TIẾNG MỒ TRANG KINH

Nửa đời sám hối em ơi
mồ trang kinh tụng hồn trời dạt về
Đêm dài tiếng mo buồn ghê
Hồn thao thức nhớ lời thề ngày xưa.

**TÂM NGHĨA
NGÔ VĂN QUY**

Kếp theo trang 6

THỀ DUNG

Trong thế nhân gian còn có những thế chùng loét, dân, quốc gia... Nói về dân tộc thì đây cũng là một thế trừu tượng trong đó con dân của nó giống là những dụng. Nhưng dụng ấy hiện ra ở những tướng như vua, quan lại... sĩ, nông, công, thương... như tổng thống, thủ tướng, tổng trưởng... như lãnh đạo các đoàn thể tôn giáo, cách mệnh, chính trị v.v... nghĩa là những địa vị, nhưng chức vụ vô thường, nhất thời hoặc ngắn dài. Khi chức vụ ngưng, địa vị hết, con người trở về ở trong thế chung dân tộc với những công năng khác.

Nhưng bậc thánh hiền không ở lâu trong những địa vị, chức vụ. Khổng Tử đã bỏ ngôi khanh nước Lô ra đi. Lao Tử nói "công thánh nhi phát cư. Phù duy phát cư thị dĩ bất khứ" (công thánh mà chẳng ở. Ồi, duy chẳng ở mà không bỏ. Ý nói đừng ôm lấy công mà bám lấy địa vị. Có bám sẽ mất, chẳng thiết thì còn). Phật Thích Ca đã bỏ ngôi tôn quý vô thường để đi tìm đạo thường còn.

Lao Tử còn nói: "hậu kỳ thân nhi thân tiên, ngoại kỳ thân nhi thân tôn".
a) Sau mình mình đi thì mình mình lên trước - Con người thường tự kiêu, tự đại, cho mình là hơn ai hết và lúc nào cũng như "vô ngực" khoe khoang, tranh giành để cho người phải phục mà đặt địa vị mình lên trước. Quan niệm và hành vi thô thiển ấy chỉ làm cho người không ghét

cung kính, cho nên địa vị mình muốn đặt lên trước no sẽ lui lại sau.

Trái lại, dù giời mưa nước, dù biết khắp bốn bề mà cũng không biết "mình bạch tu đặt nắng và tri hồ", không khoe khoang, không tranh giành với người để hơn người thì người sẽ quý trọng mà đặt địa vị mình lên trước. Không tranh giành, cho nên không ai tranh giành với mình "Phù duy bất tranh, có thiên hạ mạc năng giữ chi tranh". Không tranh giành cho nên không lo "phù duy bất tranh có vô ưu". Không lo vì chính mình không mưu toan để hơn người mà người cũng không mưu toan để đối lại mình. Người có quan niệm và hành vi ấy thường ở nơi mà mọi người đều ghét, ở chỗ thấp kém. Cùng như nước, tuy làm lợi cho vạn vật mà chẳng tranh giành gì, chỉ chảy xuống ở chỗ trung.

Nhưng ở chỗ trung, ở nơi thấp mà là cao, ở sau mà là trước. Trước là vì mình đã biết đặt mình ở sau "hậu kỳ thân nhi thân tiên".

b) Ngoài mình mình đi thì mình mình còn - Đã nói Khổng Tử bỏ cái dụng ở ngôi khanh tướng trở về với đạo, Lao Tử, lúc nào cũng đặt mình trong đạo thế, Đức Thích Ca đã thoát ra ngoài mình mà đi lập đạo. Lại cũng đã nói các bậc cao minh sáng lập các đạo khác để cứu độ con người ra khỏi nơi đau khổ, đi tìm chốn hạnh phúc: Jesus Christ,

Mahomed v.v... Các bậc thánh hiền cổ kim đều thế: Mạnh Tử, Trang Tử, Đường Tam Tạng, Gandhi v.v...

Lịch sử nước nhà có những gương Vạn Hạnh, Lý Công Uẩn, Trần Nhân Tông. Nhưng vị tu hành hay vua chúa ấy không nhưng đã hòa mình vào thế dân tộc còn hòa mình vào thế lớn của đạo.

Vậy thì:
Các đạo còn, nhưng vị khai đạo còn.

Nước Việt Nam còn, các vị khai quốc còn, Vạn Hạnh, Công Uẩn, Nhân Tông còn.

Con là vị đã biết thoát mình ra khỏi mình "ngoại kỳ thân nhi thân tôn"

Bao nhiêu gương, gần đây thôi, đã cho thấy con người ôm lấy công, bám vào địa vị, náo tổng thống, thủ tướng, tổng trưởng v.v... đều đã không còn. Trang tử nói: "Chỉ nhân vô kỳ, hiển nhân vô công, thánh nhân vô danh" (người đạt đạo không mình, bậc hiền nhân không công, bậc thánh nhân không tên)

NGUYỄN XUÂN CHỦ

Tách tập chỉ
phát hành văn hóa Phật giáo
và Dân tộc,
Vạn Hạnh số 22
năm thứ hai, tháng 4, 1967



Kếp theo trang 3

TUỆ KIỂM: PHƯƠNG PHÁP TRANH ĐẤU CỦA PHẬT GIÁO

Thiết tưởng không thể dễ mai như thế được nữa. Khi kiểm của dân tộc không có mục đích và tự hủy mình, như ở ngoài Bắc cứ vùng lên rồi điên cuồng tự đánh mình, đánh bạn, giết quân thù. Khi kiểm của dân tộc cũng không thể dễ tàn mà qua hóa ra suy yếu như tại miền Nam. Khi kiểm của dân tộc phải được tập trung và đúc lại bằng ánh sáng giác ngộ của Tuệ kiểm, khiến người Việt thoát khỏi vô minh, đã ham ta và cánh nhận kẻ xâm lăng truyền kiếp là bạn rồi để tự hủy hoại mình mai cho đến khi bị tiêu diệt hẳn!

Thiết tưởng không thể dễ rồi ren như vậy được. Ánh sáng của Tuệ kiểm, từ của Phật, từ đây long, đây hồn dân tộc sẽ phản chiếu lên cho người Việt tìm thấy chân lý tự mình và hi sinh đúng chỗ.

Nơi giống Việt đã có cả ngàn năm kinh nghiệm lịch sử tất không mai vô minh như thế được. Đã đến lúc người Việt phải tập trung Khi kiểm để phụng sự chính nghĩa dân tộc.

Phụng sự bằng cách nào?

Bao năm tranh đấu đã dạy ta rằng: phải phụng sự bằng sự giác ngộ ở tự mình tức là vận dụng Khi

kiểm vào bộ óc để phát minh chiến lược mới, thực hiện bằng chiến thuật mới như tổ tiên Việt chúng ta đã từng làm. Trong "Bình Thu Yếu Lược" khi Trần Hưng Đạo đánh quân Nguyên. Trong "Bình Ngô Đại Cáo" khi Lê Lợi làm khiếp đảm quân địch, vì "Khi kiểm" trên hành động, đã là tinh thần bất khuất của dân tộc... "Thà chết hơn chịu nhục" thì trên kế hoạch tranh đấu, Khi kiểm phải là tất cả mọi thủ đoạn đấu tranh bằng sáng tác ra mọi thủ vụ khi tinh thần và vật chất. Có thể mới khỏi phi sự dân một cách oan uổng. Sức mạnh của sự hi sinh của thế xác chỉ có hạn. Sức mạnh của tinh thần phát minh cùng nghệ thuật đều khiến Khi kiểm mới thực là vô tận và quan trọng. Người biết vận dụng cả hai sức mạnh đó tất sẽ nắm phần thắng công chắc chắn trong tay.

C. BẢO KIỂM:

Sự tích thanh gươm thần của vua Lê Lợi bắt được, dùng trong việc tiêu trừ giặc Minh và trả lại cho thần Kim Quy ở Hồ Hoàn Kiếm Hà Nội chúng tổ thành thần kiểm tượng trưng ấy chỉ có mục đích để cao giá trị của tất cả mọi thủ vụ khi vật chất khác, như sung gươm, đao mác, của toàn dân

trong khi chống kẻ xâm lăng mà thôi. Dân Việt lấy đầu Liễu Thăng đuổi Mộc Thạnh về nước, buộc Vương Thông bỏ giao qui hàng, đầu phải bằng thanh gươm đó, nhưng đích là bằng sức mạnh tinh thần của thanh gươm đó mà đích ra là không bằng tinh thần chiến đấu của toàn dân.

Lược về giá trị của Bảo kiểm trong việc trừ giặc, tuy không hợp với giáo lý nhà Phật, vì phạm luật "giết sát", nhưng "giết sát" không có nghĩa là ngăn cấm hẳn không cho người Phật tử chống kẻ ngoại xâm để bảo vệ quyền tự do sống còn của dân tộc mình. Không cần bàn chuyện xa xôi, chỉ nhìn thẳng vào cửa chưa chiến tất sẽ thấy "ÔNG THIÊN" lẫn "ÔNG ẤC" đều được đặt ngang nhau. Như thế đủ rõ: Ông Ấc cũng có công việc phải làm như Ông Thiên. Ông Ấc cấm bảo kiểm để làm gì? Để răn đe ác quỷ về néo thiện. Nhưng cũng có thể Ông Ấc sẽ diệt kẻ làm điều ác để cứu người thiện, như người làm vườn bắt sâu bọ đi, hay cắt cành hoa hồng tàn úa, để cho mầm hồng non nảy nở. Điều khó nhất trong việc làm của Ông Ấc là phải sáng suốt đừng diệt lầm người Thiện và pho lầm kẻ Ấc. Như thế mới là làm đúng nhiệm vụ của mình.

Đọc lịch sử Việt ta thấy thời Lý, thời Trần biết bao nhà sư cầm gươm, lên ngựa, chống ngoại xâm,

bảo vệ bờ cõi, biết bao các vị cao tăng như Thập Vạn Hạnh giúp nhà Lý xây dựng lại xã hội điêu tàn Việt trở thành quốc gia hùng mạnh.

Như vậy, trực tiếp hay gián tiếp, các nhà Sư đó đã có tâm can "Bảo kiểm" làm nghĩa vụ công dân Việt, bảo vệ nơi giống Việt. Chứ không phải cứ đi tu là bỏ hết việc xã hội hoặc làm ngo pho mặc cho kẻ ác giết người Thiện, kẻ xâm lược dấy xéo đất nước mình, cứ đi là phải tự tiêu hủy sức mạnh của bản thân đi, không cần học vô như các tăng ni chùa Thiệu lâm bên Tàu xưa.

Người Phật tử chúng ta cần phân biệt Le Đạo của thời bình và Le Đạo trong khi biến, như vị giáo chủ Phật giáo Hoa Hảo đã nói:
"Đến xong nợ nước thu nhà,
Thiên môn trở gót, Phật đà nam mô."

Và như nhà chính trị đạo đức X.Y. Lý Đông A có ghi:
"Làm tròn giấc mộng tiền sinh ấy,
Trở lại hàng sáu nhập Niết Bàn."

Tuy nhiên người chiến sĩ Phật giáo cũng cần phải luôn luôn nhớ lời răn của Phật là "giết sát", đừng như những kẻ khát máu điên cuồng giết người không một chút tình thương dân tộc, giết người không vì chính nghĩa để rồi hối hận về sau. Và luôn luôn tâm niệm:

Hay giác ngộ đối phương bằng Tuệ kiểm để hóa địch thành bạn.

Hay tâm phục đối phương bằng Khi kiểm của dân tộc để xua đuổi chung khỏi đất nước này, như ông cha ta đã làm.

Hay chống trả đối phương bằng Bảo kiểm nếu cả hai kiểm pháp trên không còn hiệu nghiệm nữa.

Người chiến sĩ Phật giáo nên nhớ thêm rằng: "Cầm sung gươm ra trận và kháng địch là một việc làm bất đắc dĩ." Vì giết người bằng Bảo kiểm chỉ là hạ sách. Các vị Thánh Hiền, cũng như chính trị gia thường nói: "Nhưng thắng lợi trên chiến thuật và chiến đấu ngoài chiến trường không thể giải quyết nổi chiến tranh, nếu không có sự thắng lợi của Tuệ kiểm và Khi kiểm."

Người chiến sĩ Phật giáo phải thông suốt cả "TAM KIỂM PHÁP" mới xứng đáng là chiến sĩ của thời đại, mới đủ tư cách của một chiến sĩ tranh đấu có lý tưởng.

Chiến tranh này là chiến tranh xâm lược, diệt lột tư tưởng, nên không thắng lợi về tư tưởng, và không động viên nổi tinh thần dân tộc tất không thắng nổi đối phương.

THAI ĐẠO THÀNH

(Còn tiếp)

(tiếp "Xây Dựng Nhân Sinh Quan PG" Vạn Hạnh số 1969)

SỐNG VỚI NGƯỜI VIỆT

cư ở nhưng nơi đông đúc người Việt trên một xứ sở không phải là Việt Nam. Cụ thể hơn nữa, hãy nói về đời sống của người Việt sống ở vùng Little Saigon, quận Cam, miền Nam California để qua đó, hiểu được tâm trạng và hướng đi chung của người Việt ngoài nước, hay của cộng đồng người Việt ly hương.

Có thực vậy không? Chẳng hạn nói về lối sống và cảm nghĩ của mình mà có thể phản ánh phần nào tâm thức của cộng đồng? hoặc ngược lại, nói về cộng đồng tức là đã nói phần nào đó về cá nhân mình? Vậy cái tâm thức cộng đồng (community consciousness) của người Việt ở đây là gì? Kho ai trả lời được một cách thỏa đáng câu hỏi trên. Bởi vì cái gì cũng tương đối thôi. Trong quan hệ hỗ tương giữa cá nhân và cộng đồng, vẫn có các giới hạn và biệt lệ. Nhưng trên đại thể thì hoặc là cá nhân phải tự tách mình ra khỏi ảnh hưởng của cộng đồng (nếu vì lý do nào đó, không muốn bị đóng hoa với cảm xúc và định hướng của cộng đồng ấy), hoặc là tự nguyện hòa nhập vào cộng đồng và cố gắng xây dựng, phát triển cộng đồng bằng các đóng góp sáng tạo và đặc thù cá nhân, để cùng với tập thể khẳng định cái căn cước của cộng đồng (community identity) cùng như tâm nhìn chung và

mục tiêu tối hậu của cộng đồng ấy (collective vision, community goals).

Nhưng cộng đồng là gì, ở đâu? Cộng đồng chỉ là một tên gọi. Cá nhân mới là các thực hữu. Giống như rừng và cây: rừng chỉ là tên gọi, cây mới là thực hữu, là những cá nhân có thật.[1] Vậy, một cánh rừng xum xuê và đẹp là do từng cái cây lớn nhỏ, kết hợp, đứng bên nhau, cùng sống con và vươn lên. Nói một cách văn chương thì "nhìn cây nhớ rừng." Thấy một người Việt Nam bỗng nhớ cả một trời quê hương. Hoặc nói một cách lạc quan và tự tin thì "nhìn cây thấy rừng." [2] Nói chuyện, phỏng vấn một số người Việt đến hình chọn lọc nào đó ở trong và ngoài nước, sẽ hiểu được cái nhìn và hoàn cảnh chung của dân tộc và đất nước. Nhưng qua đặt nặng đến cây thì không sao thấy được rừng. Thành ngữ Anh-Mỹ lại có câu như vậy. Cannot see the forest for the trees. Chấm chui vào những tiểu tiết sẽ không nắm được đại thể. Tốt nhất là phải nhìn ra sự hỗ tương liên hệ thật chặt chẽ giữa chi tiết và tổng quát, giữa cá thể và tập thể, giữa cá nhân và cộng đồng. Rừng tuy không thực, chỉ là tên gọi, nhưng rõ ràng là với sự kết hợp của hàng nghìn hàng vạn loại thảo mộc, đã có những cánh rừng

bạt ngàn phong nhiều xanh ngắt.

Vậy thì, trở lại với câu hỏi "cộng đồng là gì, cộng đồng ở đâu?" chúng ta có thể nói, là chúng tôi, là ở đây, nơi chúng tôi hội tụ quần cư.

Nhưng tại sao phải là cộng đồng? Tại sao có những cộng đồng được thành hình? Có cần thiết phải có những cộng đồng hay không? Tại sao người Việt thích sống với người Việt? Tại sao nhiều người Việt rủ rê nhau kéo về tiểu bang California là nơi bị cảnh báo là thương cơ động đất? Tạm gạt qua một bên những lý thuyết xây dựng và phát triển cộng đồng hay tổ chức của các chuyên gia văn hóa, giáo dục, nhân văn, chính trị, xã hội, kinh tế, thương mại, ngân hàng, v.v... (như Richard Barrett [3] chẳng hạn), mà hãy nói bằng cảm tính, với những gì gần gũi, có thể sờ, ngửi, nếm, thấy, nghe và nghĩ tới được. Vậy, những câu trả lời thông thường và dễ hiểu nhất là: thích gần chợ Việt, thích thức ăn Việt, thích nhìn thấy người Việt, thích nghe tiếng Việt. Có thể nói thêm: thích nghe nhạc Việt, thích đọc báo Việt hàng ngày (chứ không phải hàng tuần hay hàng tháng như ở các tiểu bang khác); và có thể nói thêm: thích buôn bán, làm ăn, giao dịch với người Việt (và tiếng Anh không giỏi, hoặc giỏi nhưng lại thấy thoải mái hơn khi sử dụng tiếng Việt với đồng hương của mình), v.v... Nói cách

đơn giản, các sở thích trên là do tác động của tình cảm. Sinh từ đất Việt, hoặc được một người mẹ Việt sinh ra nơi xứ người, trong máu và trong tâm thức đã sẵn hạt giống Việt. Hạt giống đó không sớm thì chết, cũng vậy nó triển khai nhân cách Việt, bản sắc Việt. Thế là, người Việt yêu người Việt, yêu những gì thuộc về người Việt, chẳng gì lạ.

Thích gần chợ Việt. Đây phải chăng là ý thích của những người nội trợ, nấu ăn, quen ghé chợ công gia chánh? Không đâu. Là ý thích chung của cả phái đàn ông nữa. Nhất là những người đàn ông thất nghiệp, về hưu sớm, nhưng ông ngoại ông nội giữ nhà trông cháu cho con đi làm, nhưng người đàn ông sành nấu nướng (hoặc siêng nấu nướng vì tưởng mình nấu ngon), và những người đàn ông thường xuyên nhậu nhẹt. Và lại, chợ Việt đâu phải chỉ bán rau trái, cá thịt và những thứ thuộc nhà bếp! Đây là những siêu thị có hầu hết những thức ăn tươi, khô, đồ gia dụng, và tất nhiên là không thiếu trà các loại, cũng như cà-phê bột, cà-phê gói, cà-phê sữa (3 in 1) rất tiện lợi cho những người đàn ông đứng tuổi ghé mua. Nhưng điều đáng nói ở đây là sự xuất hiện của những siêu thị Việt Nam, không phải chỉ một mà là nhiều cái, càng lúc càng to lớn, rộng rãi, hầu như không thiếu món gì để có những món ăn thuần túy Việt Nam. Thích gần chợ Việt vì tiện

ích cũng là dấu hiệu cho thấy sự ổn định trong niềm tin và đời sống của người Việt nơi xứ người. Một cộng đồng phát triển không thể nào thiếu chợ vì chợ không những biểu hiện các nhu cầu đời sống thực tiễn của cộng đồng ấy mà còn cho thấy một phần mật độ dân cư của cộng đồng trong vùng.

Thích thức ăn Việt. Cái thích này song hành với thích gần chợ Việt. Ở Little Saigon có hàng trăm nhà hàng Việt Nam. Thức ăn Bắc, Trung, Nam, miền nào cũng có. Nhưng các món gọi là thuần túy Việt thì phải kể đến phở, bún riêu, bánh xèo, bánh hời, bánh ịch. Con nòi là món (hay hương liệu/đồ gia vị) "quốc hồn, quốc túy" thì phải kể đến nước mắm và mắm ruốc, mắm nêm... Nhiều người dân bản xứ nhắc đến món ăn Việt Nam thì nói đến phở, chả giò và bánh xèo. Dĩ nhiên những người này phải biết dùng nước mắm, hương vị đặc sản Việt Nam. Người nước ngoài muốn thưởng thức món phở chính hiệu Việt Nam cũng không cần phải đi một chuyến xa xôi đến tận quốc gia cộng sản ở châu Á. Đến Little Saigon cũng có đủ, mà đảm bảo phở ở đây con ngon, vệ sinh và bảo đảm cho sức khỏe hơn là phở tại Việt Nam! Có những con đường và khu thương mại nhà hàng Việt Nam nằm san sát bên nhau không gì trở ngại. Bánh mì thịt nguội theo kiểu Việt Nam cũng

Kiếp tiếp trang 21



GREAT TIME FOR SELLING AND BUYING I CAN HELP!



BRANDON LUU
Real Estate Specialist
Lic #0151771

Just sold in your neighborhood for 97% of listing price. Homes are in high demand. Thinking of Selling and Buying. I can help! If you want the most money for your home call me, Brandon at **714.585.2268**
lbrandonluu@gmail.com

SỐNG VỚI NGƯỜI VIỆT

dần dần đi vào thị trường bản xứ. Không phải chỉ tập trung nơi vùng Little Saigon, các nhà hàng còn mọc rải rác ở các thành phố khác thuộc quận Cam. Một số nhà hàng có tên tiếng Anh, chứ không phải tiếng Việt, nhưng bước vào trong thì thấy chủ nhân và hầu bàn cũng là người Việt cả. Hầu như sống ở đâu tại Nam California đều có thể ăn phở và bánh mì thịt nguội được, chẳng xa xôi hazy kho khăn gì. Hàng quán Việt xa nhất cũng chỉ ba mươi phút lái xe. Tiện lợi như thế, bảo sao người Việt chẳng rủ nhau kéo về Little Saigon, California!

- Thích nhìn thấy người Việt. Người Việt có gì đặc biệt mà lại thích nhìn, thích thấy? - Là giống người da vàng, mũi tẹt như người mình tự khiêm (hay tự ti) "khaki báo" như vậy. Nhưng nhìn cho kỹ thì người Việt thật đáng yêu. Da vàng đầu phải vàng rơm, vàng nghệ, vàng đầu gan. Nước da ấy mịn láng, và có khá nhiều người Việt trắng trẻo chứ không "vàng" chut nào. Da trắng của người Việt ăn đứt nước da trắng mà đầy đốm môi của người Âu-Mỹ. Nhưng người gọi là da trắng "ngà" thường tự hào về xuất xứ, chủng tộc của họ, nhưng xét về thẩm mỹ thì họ đâu có hơi long về nước da ấy. Nếu hơi long thì đâu cần phải đi phớt nắng cho rơm, cho sạm đi, cũng đâu cần phải trét phấn dư vậy! Nước da phụ nữ Việt, nếu lo không kịp thời gian thoa phấn trước khi ra đường, vẫn cứ đẹp như thường, chứ người Âu-Mỹ mà không thoa phấn thì giống như giấy trắng nhàu, có gì mà hạnh diện! Con mũi tẹt ư? Để m cho kỹ lại trong gia đình, lối xóm, cộng đồng xem, con số mũi tẹt chiếm

bao nhiêu phần trăm? Mũi tẹt là mũi thế nào? - Sống mũi không có, hoặc có nhưng thấp, trệt lợt, mắt trái mắt phải có thể liếc nhìn thấy nhau không bị cản trở. Theo mô tả "phong đại" này thì người Việt ngày nay cũng chẳng còn bao nhiêu người mũi tẹt. Mà cũng không hẳn mũi cao là đẹp đâu nhà. Cái gì cũng vừa vừa thôi. Ở người Việt, thứ gì cũng trung bình. Nước da trung bình, không trắng quá, cũng không đen quá. Mũi trung bình, không cao quá, cũng không thấp quá. Vậy thì qua tốt rồi. Ở cái khoảng trung bình ấy, hai phía tả hữu đều mong được như vậy. Nhưng nói chung thì nhân dân Việt, cứ cho là giống người da vàng mũi tẹt, có cái nét gì duyên dáng, thu hút. Họ trăm trăm ít nói, nếu nói thì nhỏ nhẹ. Ra ngoài đường không vận nhạc ầm ỉ trên xe. Cuối tuần cũng không vận nhạc ồn ào ngoài vườn lam phiền lối xóm. Chung qui họ là những người lễ phép, lịch sự (hoặc học phép lịch sự rất nhanh), biết kính trên nhường dưới. Không hẳn họ đều là những người hiền, nhưng đa số thì rất lành: nếu không làm lợi được cho người thì thôi chứ không có ý hại người. Cái nhân dân quen thuộc ấy, xa lâu cũng thấy nhớ, sống gần thì đáng yêu. Bởi vậy nhà văn Đoàn Quốc Sĩ mới có cả tác phẩm khảo luận mang tựa đề "Người Việt đáng yêu." Cũng bởi vì vậy, muốn nhìn thấy người Việt thường xuyên hơn thì người ta kéo nhau về Little Saigon.

- Thích nghe và đọc tiếng Việt. Ở nhà nghe và nói tiếng Việt, ra đường cũng nghe và nói tiếng Việt. Đa số người Việt sống ở Little Saigon là như thế. Nhật báo thì có

Người Việt, Việt Báo, Viên Đông (và có thể còn vài tờ khác mà người viết không biết). Tuần báo, nguyệt báo, tạp chí Việt ngữ thì không sao kể hết. Phát thanh và truyền hình thì có hàng chục đài, bảy ngày một tuần, hai mươi bốn giờ một ngày. Nhưng người lướt đọc, hoặc ít có thời gian để đọc, có thể nghe tiếng Việt qua các đài phát thanh Việt ngữ. Tân nhạc, cổ nhạc, cải lương, tân cổ giao duyên... qua các CDs, DVDs và các đài truyền thanh, truyền hình cũng góp phần không nhỏ trong việc duy trì ngôn ngữ Việt trong cộng đồng. Trẻ Việt du sinh ra hoặc lớn lên ở đây đều có cơ hội và môi trường thuận lợi để học tiếng Việt, qua các trung tâm dạy Việt ngữ miễn phí của cộng đồng, của các cơ sở tôn giáo. Lái xe vào khu vực Little Saigon là thấy rợp cả "tiếng Việt mến yêu" [4] của chúng ta trên những bảng hiệu của hàng quán, siêu thị, phòng mạch bác sĩ, văn phòng luật sư, nhà thờ, chùa, thánh thất, v.v... nằm rải rác hoặc tập trung nơi các thương xá. Không nhưng thế, nhiều công sở hành pháp, tư pháp, bệnh viện, được phong, v.v... thuộc thành phố Garden Grove, Westminster, Santa Ana, cũng có tiếng Việt hướng dân. Ở toà án Westminster (trên đường 13th) chẳng hạn, nơi của thoát khẩn cấp (emergency exit), đi kèm với bảng "stop", còn có một chữ bằng tiếng Tây Ban Nha "cesar", và cạnh đó nữa, bông thây chữ "Dung lại" của "tiếng Việt mến yêu"! Tiếng Việt được sử dụng phổ thông như thế, người Việt phương xa nào mà chẳng động lòng muốn về California!

Một cộng đồng người Việt, sử dụng song ngữ Anh-Việt, tự tồn và phát triển với một tốc độ đáng tự

tiếp theo trang 25

NGỦ ĐI EM VÀ CÙNG THỨC DẬY VỚI NON SÔNG

ĐÌNH NGUYỄN

Em đừng chớ nắng chiếu
trái trên mặt con sông lưng lưng chảy
Đừng đưa tay giữ cho màn nước yên lặng
trên mặt ao làng soi bóng dừa xanh
Chăm chậm thôi đừng gọi hàng cau xạc xạc
bằng tiếng hát bay cao vút trên ngo về tuổi
muội
Đừng đưa tôi về cánh đồng mùa gặt vàng
lúa chín rợp hương quê
Tôi đã chìm vào những con sông
ao làng mái xưa đình cổ
Tôi miền man trước bình minh dậy nắng
hơn thật sâu đất biển quê mình
Tôi hưng tung giọt nắng chảy tràn qua đôi tay
trần
trên đỉnh đèo núi cao hùng vĩ
Tôi tắm giữa dòng suối hiền hoa
thơm tràn rừng núi mạch quê cha

Nguồn ngọn chia xa ngày trên đất Nam quan
niều bước
Chưa đi rồi con về nuôi chi lập thân Lam sơn
thuở trước
Em đưa tôi về làng nơi sinh ra người con có
dòng họ truyền
từ người đi chuyện quốc gia xưa
Phu sa bãi bờ đắp bồi nuôi ta lớn lên
ăn hạt gạo thơm nhờ vun tưng tích đất
Sao nỡ bán đi bao đất tiên tổ giữ gìn!
Hồn vọng phu nông chờ người chính chiến
núi còn đây...
Sông cùng con đây
112 của sông Việt đổ về phía biển
Kỷ Cung ơi, Sesan ơi, Serepôk ơi vẫn chảy
ngược dòng!
Người cùng con đây...

Lung liêng ngày lung liêng môi xinh
màu nắng long lanh trong mắt em
giữ tôi yên lành trong mạch sống nguồn con
nóng nồm trái ngọt
Khe khe gọi lời tình ru nhau
đêm sông tràn ngập nửa hồn đau cát
Mỗi một bước đi là một nhát chém sâu
từng vết thương ngày trên thịt da mình
là máu thịt quê hương

Ngày rạng ánh hồng có đây qua hết cơn giông
Mưa bão tới mắt người rướm lệ
Se se nát tôi bằng lời nguyện thề
Nước nhà ơi tình yêu ơi chảy cả lòng nhau
Ngủ đi em, ngủ đi em...
nghe anh hát bài ru tình trên đầu ngọn sông...
Để dành nước mắt cho ngày sau
non sông cuối rồi lệ khóc non sông...

i4coffee
BOBA | TEA HOUSE

BUY 8 GET 1 FREE

10212 Westminster Ave., #117
Garden Grove, CA 92843
(714) 534-8444
www.i4coffeeshouse.com
Facebook.com/i4coffeeshouse



VÔ THƯỜNG QUẢNG PHÁP

Xuân - Hạ - Thu - Đông đến đi, liên hoàn tiếp nối. Vui buồn biến hiện, trôi xoay như mưa nắng, nắng mưa. Tự tan mất chốc lát tan rồi tụ.

Trong lẽ biến dịch vô thường của mọi Pháp mới rõ trình tự chuỗi Sinh-Trụ-Hoại-Diệt có thể khởi đi bất cứ thứ tự nào. Nghĩa là có thể hết Diệt-Hoại-Trụ rồi lại Sinh. Thế nên trong đời thường, cuộc gặp gỡ đang là kỳ duyên mai này chia xa có gì lạ lạ. Cảnh báo tan mây giạt rồi lại hội ngộ tạo phùng có gì đáng ngạc nhiên.

Nhưng học và hiểu lẽ vô thường, nhìn ra điều bất trụ, rồi tọa thị điểm nhiên, có đúng chăng? Tu và hành có phải để vượt qua lẽ vô thường đó mà tìm đến chân an trụ thường hằng, điều an nhiên tự tại, không phải chỉ riêng cho bản tâm mà còn cho mọi sự, mọi chuyện, mọi người chung quanh! Tu và hành có phải để tìm ra trong từng mức kích biến dịch nguồn cơn của nhân duyên nào là thuận hợp để có được quả lành.

Đa ro trong tan, trong hoại hẳn có nhân duyên. Lấy Thiện Tâm, lấy Chánh Hành mà hành hoạt thì khi tan: Tan thật đẹp, khi hoại: hoại thật hay. Bảy giờ đang hoại-diệt, mai đây sinh-trụ tất yếu hiển bày, nhưng với Thiện Tâm, với Chánh Hành thì khi sinh: Sinh như Đản sinh mẫu nhiệm, khi trụ: trụ như thường trụ kiết tường.

Cư hành hoạt với tâm Bi dung nhiếp, với tuệ Tri sáng suốt, với trí Dung bất thối, chuyện lành nào mà không tới, pháp lành nào mà không đạt!

**LUỘC SỬ
GIA ĐÌNH PHẬT TỬ
VIỆT NAM**

Bối xuất bản - Tập 3 in lần thứ nhất, Paris, 1985 (trang 108) cũng đã nói lên được công đức của Bác đã hiến tặng cho Phật giáo trước kia, còn ảnh hưởng đến ngày nay như thế nào.

Cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Tham sinh năm 1897 tại Quảng Nam, là con của một vị Thượng Thư Bộ Binh, triều Tự Đức - Cụ Lê Đình. Từ nhỏ Bác Tham đã được học chữ Nho, đã làm được văn bài cùng thi phú cổ điển. Lớn lên, với tư chất cực kỳ thông minh, Bác theo học tân học, Quốc ngữ và Pháp ngữ. Bác tốt nghiệp thủ khoa Đồng Dương Y Sĩ khoa 1916, và Y Khoa Bác Sĩ khoa 1930.

Nhân một dịp viếng chùa Tam Thai (năm 1926) Bác được đọc bài kệ "Bồ Đề Bán Vô Thọ" của Lục Tổ Huệ Năng viết trên vách chùa; bài kệ này đã gây một ấn tượng sâu trong tâm não của Bác, khi Bác mới bắt đầu tiếp xúc với văn học Phật giáo. Chính

nhờ đây, đến năm 1928 khi Bác gặp được Thiền sư Giác Tiên, người đã giải thích bài kệ trên, một cách thỏa đáng, Bác đã phát tâm quy y Tam Bảo với Thiền Sư, thọ pháp danh Tâm Minh, nguyện tu tại gia với pháp tự là Châu Hải, ăn trường chay.

Dưới sự chỉ đạo của Thiền sư Giác Tiên và Thiền sư Phước Huệ, một cao tăng nổi tiếng uyên bác, thông hiểu Kinh - Luận vào bậc thời ấy, Bác đã tập trung, ngoài thời gian phải hành nghề y sĩ, suốt 3 năm (1929 - 1932) chuyên chú học và nghiên cứu Phật Pháp.

Có thể nói, Bác Lê Đình Tham là vị cư sĩ đầu tiên của thế kỷ 20, tại Việt Nam, đã được các bậc tôn túc công nhận là người thâm uyên Phật Pháp, đã được dự phần vào việc đào tạo tăng tài, được mời giảng dạy trong các Phật học đường Trúc Lâm, Vạn Phước và Tường Vân.



Cư Sĩ Tâm Minh - Lê Đình Tham
NGƯỜI SÁNG LẬP GIA ĐÌNH PHẬT TỬ VIỆT NAM

Với đức tánh khiêm nhường, Bác là "một chất keo," quy tụ được một số đông các cư sĩ Phật tử để vận động thành lập hội An Nam Phật Học, nối liền được các phần tử khác biệt về tuổi tác, trẻ và già, về nhận thức chính trị, xã hội, văn hóa, về nhân sinh quan, thế giới quan, để thành lập và cho xuất bản tạp chí Viên Âm, để hướng phổ biến Đạo Phật đến với lớp trẻ, lớp Ban Đồng Ấu, lập đoàn Thanh Niên Phật Học Đức Dục, lập Gia Đình Phật Hóa Phổ, tiến

thần của Gia Đình Phật Tử Việt Nam ngày nay (từ 1932 đến 1945.)
Bác Tâm Minh Lê Đình Tham mất vào ngày 23.04.1969 tại Hà Nội, thọ 73 tuổi (tức là ngày mồng 7 tháng 3 năm Kỷ Dậu - PL. 2512.)

(Tất cả gia đình của Bác, bác gái và mấy người con của Bác đều chịu ảnh hưởng đạo tâm của Bác, thường vào chùa làm công quả, tham gia làm hội viên hội Phật học hay là đoàn sinh, huynh

trưởng Gia Đình Phật Hóa Phổ, Gia Đình Phật Tử, người con lớn của Bác, người con giữ được "gia sản văn học Phật giáo," các tác phẩm quý giá của Bác là anh Lê Đình Duyên.)

Tại liệu sơ khảo của **TÂM LẠC NGUYỄN VĂN HƯC** nguyên Ủy Viên Nội Vụ Ban Hướng Dẫn Trung Ương GĐPT Việt Nam.

Còn tiếp

NHỮNG CÔNG ÁN THIỀN

**CÁI NÀO KHÔNG
PHẢI PHẬT**

CÔNG ÁN:

Có người hỏi Ma Tổ:
Tâm tức Phật, vậy tâm nào là Phật?

Ma tổ bảo:
Ông nghĩ cái nào không phải Phật chỉ xem?
Người kia không đáp được.

LỜI BÀN:

Người hỏi căn cứ vào câu: "Tâm tức Phật, Phật tức tâm." Nên hỏi tâm nào là Phật.

Tổ bảo: "Ông nghĩ nào không phải Phật chỉ xem?"

Người hỏi vì mê nên khởi lên tâm phân biệt nên có ngăn cách; vì có sự ngăn cách nên có sự nghi ngờ. Ở đây, để phá tâm phân biệt, Ma Tổ không trả lời đúng dài lời thoại, mà chỉ hỏi ngược lại để chặn họng kẻ hỏi, tư đo đã thông cho họ.

LỜI TỤNG:

Tâm tức Phật là một
Càng ngăn cách đôi đường
Phật tức tâm là khác
Trường dưỡng u mê thường
Không một cung không khác
Ứng dụng bước quang xiêng
Không vướng cung không mắc
Cửa Tổ rộng thênh thang.

ĐẠI LÃN

DR. D. DENTAL
DANIEL DZUNG TRAN, D.D.S.
COSMETIC & GENERAL DENTISTRY



10451 Bolsa Ave., Ste. 110. Westminster, CA 92683
(Trong khu Nhà Hàng Đồng Khánh)
714.839.3636 714.839.3837

BA ĐIỂM TRONG YẾU TRONG TU TẬP PHẬT ĐẠO (LAM GTSO RNAM GSUM)

NGUYỄN TIỀN YÊN dịch

Bản Việt dịch dưới đây là nội dung là thư của ngài Tông-khách-ba 宗喀巴 (tib. Tsong kha pa Blo bzang grags pa, 1357~1419) - một hành giả học giả và đại trong Phật giáo Tây Tạng, khai tổ của phái Cách-lô 格鲁派 (tib. dge lugs pa) - gửi cho đệ tử của ngài. Trong thư, ngài Tông-khách-ba đã thuyết minh tóm tắt 3 điểm trọng yếu mà người muốn tu học Phật đạo cần phải chú ý, hay nói cách khác, ngài đưa ra 3 nhân tố căn bản của con đường hướng đến giác ngộ. Đó là:

- tâm xuất lý mong muốn thoát khỏi luân hồi
- bỏ-đề tâm nguyện mong bản thân nỗ lực thành Phật để cứu độ nhất thiết chúng sinh
- lý giải Không tính như là hình thức chính xác của sự vật

Cho nên, có thể nói đây là bản văn rất quen thuộc được tụng đọc hàng ngày đối với phái Cách-lô. Ba điểm trọng yếu này cũng trở thành yếu chỉ của Lam rim chen mo (菩提道次第大論 Bô-đề đạo thứ đệ đại luận) một tác phẩm lớn của ngài Tông-khách-ba.

đã giải thuyết tường tận phương pháp tu hành Phật đạo. Có nghĩa là, trong 3 loại người tu hành Phật đạo gồm thượng phẩm, trung phẩm, hạ phẩm thì Lam rim chen mo chủ yếu thuyết về phương pháp tu hành của 2 loại người tu tập trung phẩm và thượng phẩm. Trong đó nói rằng người tu tập trung phẩm cần lấy tâm xuất lý làm chủ, còn người tu tập thượng phẩm thì cần tu tập chủ yếu bỏ-đề tâm và chính kiến lý giải Không tính.

Là thư này cực kỳ giản khiết cho nên về sau có rất nhiều bản chú giải ra đời, và để có thể lý giải một số chỗ ý nghĩa khó hiểu chỉ bằng dịch văn không thôi, chúng tôi mạn phép thêm vào trong khả năng nhưng giải thích (一) và nhưng bổ sung (二). Mục đích đưa ra bản Việt dịch này để qua đó giới thiệu 3 điểm trọng yếu trong tu tập Phật đạo mà ngài Tông-khách-ba chú trọng.

Phản Việt dịch

Tông-khách-ba

xem tiếp trang 24



tiếp theo trang 18

Tsongkhapa

PHAN BỘI CHÂU VỚI BÀI HỌC CÁCH MẠNG DÂN TỘC

tượng đã không lên án mà còn giải thích cả cái sô dĩ nhiên lẫn cái sô đương nhiên, chính là một thái độ chấp nhận, tuy không tự phát. Đối chiếu với đời hoạt động của Phan, sự phát biểu trên đây về chính trị càng có ý nghĩa là một tri thức mà sự tâm đắc đã phải trải qua kinh nghiệm sống đất giá bằng chính cuộc đời hoạt động tranh đấu của mình.

Trình bày một Phan Bội Châu như vậy, chúng tôi chỉ muốn tuân tự đối chiếu và kiểm nghiệm về sự ứng dụng một hệ ý thức xuyên qua cuộc đời tranh đấu cách mệnh của Phan.

Thật vậy, ngược dòng lịch sử cách mệnh Việt Nam, ta thấy:

- Từ 1862 đến 1895, năm Phan Đình Phùng mất, là giai đoạn Cần Vương.
- Từ năm 1895 đến 1904, năm Phan Sào Nam xuất dương, là giai đoạn Văn Thân. Ý niệm Cần vương tuy còn, đã dần dần phai nhạt. Việc đưa Kỳ Ngoại Hầu Cường Để sang Nhật trong phong trào Đông du là do nhu cầu chiến thuật vận động cách mệnh hơn là mục tiêu cách mệnh.

Đối chiếu với đời hoạt động của Phan Sào Nam:

- 1885, thất thủ kinh đô: Phan 18 tuổi
- 1888, vua Hàm Nghi bị bắt: Phan 24 tuổi
- 1895, Phan Đình Phùng mất: Phan 28 tuổi

- 1904, mở màn phong trào Đông du, và Phan xuất dương lần đầu: Phan 37 tuổi.

Như vậy, dần dần vào đường cách mệnh với Sĩ Tử Cần Vương đội từ lúc 17 tuổi, Phan Sào Nam đã hoạt động tại quốc nội 20 năm rồi mới ra nước ngoài. Thời kỳ này cũng chính là thời kỳ mà cách mệnh Việt Nam đang hoàn toàn nằm trong khuôn khổ nội địa quốc gia, với đặc tính thuần vô trang bạo động. Trong khi thế ngoạn cường liên tục, phong trào này chưa tắt hẳn, phong trào kế tiếp đã hình thành. Có khi sự thất bại của phong trào trước lại là nguyên động lực của phong trào sau khởi mạnh hơn, và có qui mô hơn, vì đã được nuôi dưỡng bằng kinh nghiệm gần gũi, và xương máu thiết thân của lớp người đi trước vừa ngã gục.

Cứ thế, cho đến khi nhận thấy các phong trào tranh đấu bạo động tại quốc nội ngày càng gặp khó khăn, thì một mặt trận thứ hai đã được các anh hùng chí sĩ tuyên phong phát khởi tại hải ngoại. Và chính mặt trận thứ hai này, kể từ năm 1930 cho đến khi chung cuộc vào năm 1945, đã là nguyên động lực hướng đạo cho cuộc cách mệnh giải phóng dân tộc đến thành công về vãng.

Tuy nhiên, nơi tới mặt trận thứ hai (hải ngoại, ta cũng không thể không nhận rõ khúc ngoặt quan trọng đánh dấu sự chuyển biến mặt trận này thành hai thời kỳ, mà cái mốc thời gian lại chính là năm 1923, năm mà Phan Sào Nam căn cứ vào trào lưu cách mệnh thế giới đã chấp thuận để cho tổ chức Quốc dân đảng do Phan thành lập đi theo và gia nhập vào THẾ GIỚI BỊ ÁP BỨC DẪN TỘC LIÊN HIỆP HỘI và biến thành một Phan bộ của tổ chức này.

Như vậy, ngoại trừ việc thành lập Đội Sĩ Tử Cần Vương năm 17 tuổi, đời cách mệnh của Phan gắn liền với mặt trận đấu tranh hải ngoại ngay từ đầu 1905 cho tới năm 1925, tức là trong khoảng trên 20 năm.

Điều đáng ghi nhận hơn là ở chỗ, nếu nơi cuộc đời gắn liền với cách mệnh, thì sự gắn liền của Phan lại là một sự gắn liền chủ động. Nói cách khác, cách mệnh hải ngoại của Việt Nam trong giai đoạn này, vai trò chủ động các phong trào chính là Phan. Sự phát khởi và quá trình diễn tiến của các phong trào chính, nổi bật nhất là Đông Du 1904-1908, và Quang Phục 1912-1923, nhất là cuộc vô trang kháng Pháp, chính do Phan chủ trương vào cuối Đề nghị thế chiến đã xác nhận điều đó.

Hơn nữa, với Phan không có sự phân chia ranh giới giữa mặt trận quốc nội và mặt trận hải ngoại, về thời gian cũng như về không gian. Trái lại cả hai mặt trận đều được tiến hành song song, đồng thời trong cùng một phong trào, và trong cái thế hỗ tương yểm trợ:

- Đông Du được phát động mạnh mẽ với sự ủng hộ của chính phủ Nhật ở hải ngoại, thì ở quốc nội công cuộc vận động du học sinh và cuộc vận động tái chánh cũng được tiến hành rầm rộ khắp Trung, Nam, Bắc với sự hưởng ứng nồng nhiệt của mọi tầng lớp đông đảo...

- Quang Phục hình thành và phát triển với sự yểm trợ của chính phủ cách mệnh Trung Quốc ở hải ngoại, với sự thành lập Quang Phục quân thì ở quốc nội, uy danh tổ chức cũng lung lay qua các trận tấn công của quân hành chánh và quân sự của Pháp và nguy quyền tại nhiều tỉnh vùng biên giới Hoa Việt.

Bỏ rằng với Phan, vận động hải ngoại chỉ là phương thế đấu tranh cách mệnh khi tại cư địa quốc nội không có, hoặc thiếu yếu kiện thuận lợi. Và với Phan, vượt dương không có nghĩa là thoát lý khỏi cư địa; vì bất cứ phong trào nào ta cũng thấy sự hiện diện của Phan ở cả hai mặt trận quốc nội và hải ngoại, hoặc bằng thân xác, hoặc bằng tài liệu do chính

Phan sáng tác ra và được mang về phổ biến trong nước. Có khi lại bằng kế hoạch hành động như vụ "Hà Thanh đầu độc" năm 1908, hoặc như vụ thành toán Tuần phủ Thái bình Nguyễn Duy Han năm 1913 trong khuôn khổ hoạt động của Việt Nam Quang Phục.(7)

Và đường lối cách mạng này đã được Phan theo đuổi cho tới ngày bị bắt, kết thúc giai đoạn vận động cách mệnh bằng phong trào, bằng tổ chức riêng lẻ của từng lớp Văn thân, chuẩn bị mở màn cho thời kỳ vận động cách mạng bằng đảng phái.

Trong khuôn khổ nhận thức đó, chúng ta càng có lý do vững chắc để nói rằng, với vị trí của Phan trong cuộc cách mệnh dân tộc, cuộc đời hoạt động tuy thực sự không đưa lại kết quả trực tiếp nào, nhưng thay vì làm suy giảm vị trí tinh thần, lại có giá trị như là những trận bão táp phong ba làm cho vai trò trụ đá giữa dòng của người trở thành bất tử.

Hiền triết Đông Phương xưa có nói: Không phải là bậc thánh nhân như Nghiêu, Thuấn, thì làm sao mọi việc có thể hoàn toàn thiện hảo được (Nhân Phi Nghiêu, Thuấn, Yên năng mĩ sự tận thiện - Mạnh Kha, Sách Mạnh tử). Cùng tâm đồng nguyện lý nhân sinh tương đối đó, một nhà

xem tiếp trang 24

**BA ĐIỂM TRONG YẾU
TRONG TU TẬP PHẬT ĐẠO
(LAM GTSO RNAM GSUM)**

Tong-khách-ba

Ba điểm trọng yếu trong tu tập Phật đạo là trước tác của Pháp vương chỉ tôn Đại sư Tông-khách-ba. Xin kính lễ bậc chỉ tôn Bồ-tát Văn-thu (và các vị tôn sư).

Lời dẫn

Trong giới hạn năng lực của mình, tôi sẽ thuyết minh [về ba điểm trọng yếu trong tu tập Phật đạo đóng vai trò] là chân từ của hết thảy thành ngôn mà Thánh giá (= Phật) đã thuyết, là Đạo mà các chân đệ tử của Thánh giá (= Bồ-tát) tâm thường, là cửa vào [hướng đến giác ngộ] cho những người có hạnh vận nguyện mong đắc giải thoát.

Hãy lắng nghe bằng tâm thanh tịnh, này những người được an hạnh vận như vậy, không chấp trước vào bất kỳ một an lạc nào của luân hồi, tinh tấn nỗ lực để làm cho việc được sinh ra ở cảnh ngộ có may mắn về thời gian và hạnh vận [tu hành Phật đạo] trở nên có ý nghĩa, khỏi long tin vào Đạo mà có thể làm cho Thánh giá hoan hỉ.

Khởi tâm xuất ly

Nếu không [khởi] tâm thanh tịnh muốn xuất ly khỏi luân hồi, sẽ không có phương pháp trấn áp dục vọng mong mỏi khoái lạc thực tại [nhất thời] của biến lớn [gọi là] luân hồi. Việc chấp trước vào luân hồi cũng sẽ trôi buộc bọn sở hữu thân thể (= chúng sinh) trong mọi giới hạn [của luân hồi]. Cho nên, điều trọng yếu trước tiên, là hãy truy cầu tâm xuất ly [quyết thoát ra] khỏi luân hồi.

Việc được sinh vào cảnh ngộ [có thể tu học Phật đạo] là khó khăn, và [cho dù đã được sinh vào cảnh ngộ như vậy đi nữa] luôn khác ghi trong tâm rằng một đời [thi ngắn] không dư dả [thời gian vô ích], bởi như vậy mới có thể tránh khỏi dục vọng trước mắt đối với thế gian này. Hãy luôn nghĩ đi nghĩ lại trong tâm rằng, [bất cứ] hành vi nào cũng như quả báo của nó là không thể đối gạt, và [quả báo như thế trong] luân hồi tất thấy đều khổ. Nếu làm vậy, thì có thể dứt bỏ được dục vọng trước mắt mong đợi ở đời sau.

Chinh nhờ lập đi lập lại

khắc ghi trong tâm như vậy đó, mà tâm khao khát hạnh phúc trong thế giới luân hồi sẽ không khởi lên dù chỉ trong chốc lát, ngay cũng như đêm, nếu lúc nào lòng cầu đắc giải thoát cũng sinh ra, thì chính lúc đó là lúc tâm xuất ly khỏi luân hồi được sinh ra.

Khởi bỏ-để tâm

Tuy nhiên, tâm muốn xuất ly khỏi luân hồi đó, nếu không được chống đỡ bằng việc khởi bỏ-để tâm thanh tịnh, thì sẽ không thể trở thành nguyên nhân mang lại an lạc hoàn toàn của giác ngộ vô thượng, cho nên, các vị có trí tuệ, hãy khởi bỏ-để tâm tối cao.

[Con người] bị cuốn đi bởi dòng chảy của bốn cơn sóng hung bạo [gọi là] chấp trước (dục 欲 kāmā), sinh tồn (hữu 有 bhava), vô minh (無明 avidyā), và kiến giải sai lầm (kiến 見 dṛṣṭi) bị trôi buộc bằng dây thừng cứng chặt của Nghiệp (= hành vi) khó kháng cự được, bị tóm bắt vào trong lòng thép Ngạ chấp, bị bao phủ khắp nơi bởi sự tối tăm dày đặc Vô minh

Trong luân hồi vô tận cứ sinh rồi lại sinh, ở đó [con người] bị hành hạ không thôi bởi ba loại khổ đau [1].

Tưởng tượng tâm cảnh

của những người mẹ [2] [của mình] rơi vào trạng huống như vậy, hãy khởi bỏ-để tâm tối cao [để cứu họ khỏi khổ đau đó].

Lý giải chính xác Không tinh

Nếu không tập đắc được trí tuệ ưu việt lý giải trạng huống chân thực của sự vật (= Không tinh) thì cho dầu đã thành thực với tâm xuất ly khỏi luân hồi và bỏ-để tâm cũng không thể cắt đứt luân hồi tận gốc rễ. Cho nên, hãy nỗ lực để có thể lý giải Duyên khởi.

Người mà thấy rằng chuỗi nhân quả của tất cả mọi tồn tại gì đi nữa trong khoảng từ luân hồi cho đến niết-bàn, tuyệt không thể nào đối gạt (tức lý giải chính xác Duyên khởi) và đối tượng mà ý thức hướng đến [được nắm bắt sai lầm là nó thực tại như một thực thể] tất cả đều bị tiêu diệt (tức lý giải chính xác Không tinh), chính người như thế đó đã bước vào con đường mà khiến cho Phật hoan hỉ [3].

[Lý giải rằng mọi tồn tại không có thực thể đơn giản chỉ là] hiện tượng và là thứ duyên khởi, đó là sự việc không có đối trả, và [lý giải rằng] Không thì là khởi [tất cả] phân đoạn chủ trương, cả hai cách lý giải này, khi vấn con xuất hiện như là từng thứ riêng biệt [trong tâm]

thì [anh] vẫn chưa lý giải được tu tưởng của Thích-ca mâu-ni. Khi nào đó, [hạt lý giải này] không thấy thế như [hiển hiện] mà [hiển hiện] đồng thời, và hiểu rằng Duyên khởi là tuyệt đối xác thực, nếu như thái độ nhận thức đối với đối tượng khách quan mà trước này vẫn cho rằng là xác thực, bị tiêu diệt hoàn toàn, chính lúc đó, có thể nói rằng phân tích về kiến giải [chính xác Không tinh = Duyên khởi] được hoàn thành.

Hơn nữa, dựa vào việc [lý giải rằng] 'Hiện tượng' [tức là Duyên khởi thành lập do bởi Không] mà có chấp Thực tại luận (= suy nghĩ cực đoan cho rằng 'sự vật là tồn tại') bị loại bỏ, dựa vào việc [lý giải rằng] 'Không' [là bản chất của thứ Duyên khởi] mà có chấp Hư vô luận (= suy nghĩ cực đoan cho rằng 'sự vật là không tồn tại') bị bác trừ, nếu hiểu luận lý rằng ngay chính 'Không' xuất hiện như là Nhân Quả (= thứ Duyên khởi), thì chuyện [anh] bị tóm lấy bởi kiến giải mang tính triết học có chấp thiên một phía [Thực tại luận hay Hư vô luận] tuyệt không xảy ra.

Như những gì trình bày, khi bản thân đã lý giải trọn vẹn bản chất của ba điểm trọng yếu trong tu

xem tiếp trang 26

**PHAN BỘI CHÂU
VỚI BÀI HỌC CÁCH MẠNG DÂN TỘC**

lãnh tụ cách mạng Trung hoa hiện đại cũng phát biểu: Con người ở đời, trừ những kẻ không chịu và không dám làm gì cả mới không có cái sai; con những người dám nghĩ dám làm thì không ai tránh được sai lầm. Người làm nhiều sai nhiều, kẻ làm ít sai ít.

Sao Nam Phan Bội Châu là một con người, dù là con người cách mạng chân chính, suốt đời không phân lại lý tưởng, tất nhiên cũng nằm trong thông lệ nhân sinh tương đối đó. Tuy nhiên, nếu như nhà lãnh tụ Trung Hoa bảo rằng "làm nhiều sai nhiều, làm ít sai ít", thì qua chứng liệu lịch sử, Phan đã là rất nhiều - làm suốt cuộc đời - mà cả đương thời lẫn hậu thế, có lẽ chưa một ai dám bảo rằng Phan đã "sai rất nhiều" được.

Điểm nổi bật nhất của cuộc đời Phan là ở chỗ đó, mà bài học lịch sử Phan đã để lại với giá trị ưu việt nhất cho hậu thế chúng ta cũng là ở chỗ đó.

Là người chúng ta học được những gì ở Phan về một nhân sinh quan toàn diện? Là công dân đất Việt đã, đang và mai mai phát triển đấu tự tôn chúng ta học được những gì ở Phan về mặt chiến đấu quan thiết thực và hữu hiệu?

Phan Bội Châu là một nhân vật đối đạo tinh thần tự chủ, không bị động chịu ảnh hưởng của bối cảnh bất lợi.

Thật vậy, Phan đã xuất hiện trong bối cảnh mà thực dân Pháp đã hoàn

toàn kiện toàn nền thống trị trên đất nước Việt Nam. Các nhà khoa bảng, thân sĩ tinh nhà như Tiến sĩ Đinh Văn Chất, Tiến sĩ Nguyễn Xuân Ôn, Hoàng Giáp Nguyễn Văn Chính, Hoàng Giáp Nguyễn Đức Tui... đã kế tiếp hiến mình cho tổ quốc trong phong trào Cần Vương. Nhất là đại cuộc kháng chiến chống Pháp do Phan Đình Phùng chủ trương ở Nghệ Tĩnh, cũng đã tới thời tàn tạ. Ngọn lửa cách mạng bao lâu ngùn ngụt dâng cao khắp Trung, Nam, Bắc giờ đã lần lượt tàn lụi.

Ngoài một số chí sĩ cương quyết tiếp tục con đường cách mạng, giữ vững lập trường bất cộng đái thiên với cựu nhân, một số khác cáo quan từ chức lui về vui cảnh điền viên; số đông còn lại, lạt dưng chủ "tùy thời", tiếp tục vui đùa đùa chen vào vòng danh lợi, thờ phụng kẻ thù. Vậy mà Phan, một bạch diện thư sinh mới 18 tuổi đầu, đã dám tự đứng lên tổ chức Sĩ tử Cần Vương đội, nói chí Phan Đình Phùng tiếp tục sự nghiệp đang Tây cừ nước. Dù thất bại, sự kiện đó đã chứng minh Phan là một nhân vật chẳng những không chịu nẹp mình vào trong khuôn khổ thế tục dung thường, mà còn có can bản tư tưởng tích cực cách mạng tư tưởng thức u trang.

Cho tới đoạn chốt của cuộc đời sau bao cuộc thăng trầm trên đường hoạt động, Phan giữ vững trong tinh thần tự chủ, không bị động trước mọi lời cuốn của bối cảnh: Năm 1925, Phan bị bắt về nước giam lỏng. Lúc bấy giờ cách mạng Việt Nam đang lâm thoái trào thảm

bại. Nhất là một số đồng chí của Phan trước đây tại hải ngoại đã ra làm quan với Pháp.

Trong một bối cảnh lịch sử tư nội tinh đến ngoại thế bị đặt như vậy, nếu Phan không phải là nhân vật kiên trì trung dung phi thường, tự đặt mình ra ngoài và lên trên những ảnh hưởng của thế tục, thời danh, thì khi được Thực dân Pháp và Nam triều tìm đủ mọi manh khỏe để ép Phan nhận một trong ba chức vụ: Thượng thư Bộ học, Cố vấn tối cao chính phủ Nam triều, Nghị trưởng Viện Dân biểu Trung kỳ, chắc Phan kho tránh khỏi sa ngã.

Xét cho cùng, số đi Phan có được tinh thần tự chủ cao độ không bị ngoại cảnh bắt lợi chỉ phối như vậy, căn bản là ở tinh thần chí sĩ và trượng phu quân tử vốn cũng rất phong phú và mạnh liệt trong tâm hồn.

Kể ra ở thời đại chúng ta hai tiếng Chí sĩ vẫn thường rất hay bị lạm dụng. Bởi vậy ở đây chúng tôi xin được phép xác định lại danh xưng đó. Sách Thuyết Uyển viết: Chí sĩ là kẻ sĩ có chí hướng nhất định, chỉ một chí hướng thôi, và suốt đời chỉ phụng sự cho chí hướng đó, cho tới già không quên, tới chết không biến đổi: Sĩ hà sự? Viết thượng chí, sở thượng nhưt chí, chí lao bất vong, chí tử bất biến, viết chí sĩ. Hiểu như vậy, và trở lại trường hợp Phan Sao Nam, chúng ta không còn e ngại khẳng định Phan đúng là một Chí sĩ. Mặt khác, cũng qua con người chí sĩ bất

biến đó, Phan quả con là một trượng phu quân tử Đông phương với tất cả 3 yếu tinh sảng chói: phù qui bất năng dâm, bán tiện bất năng di, uy vu bất năng khuất vậy. Nhứt là ở Phan chúng ta lại thấy được cái tinh thần Tư Vô (1 - Vô ý: không có ý riêng theo cá nhân chủ quan mình; 2 - vô tất: không vì ý riêng mà chủ quan tin chắc ở kết quả; 3 - vô cố: không cố chấp, không chịu nhận đối thay khi cần; 4 - vô ngại: không có, không vì cái Ta chủ quan của mình) cao cả của một vị chân Nho. Trên bình diện Tri thức, Tư Vô là một chuỗi dài ý tưởng có liên quan hệ nhân quả với nhau: Do ý riêng nên chủ quan tin chắc, tin chắc nên cố chấp không chịu đối thay, không chỉ đối thay ý riêng nên kết cục là chỉ vì riêng mình và cho mình, chủ không phải vì chân lý, công ích. Nói chung tinh thần Tư Vô chính là tinh thần đá phá cá nhân chủ quan và cố chấp vậy.

Đối chiếu với đời hoạt động cũng như với phương lược đấu tranh cách mệnh, Phan quả đã áp dụng được khá trọn vẹn tinh thần Tư Vô đó trong việc lập thân xử thế, chẳng những không cố chấp, mà trong lãnh vực đấu tranh cách mạng Phan cũng lại thực hành đúng tinh thần chuyển biến đó.

Trước hết Phan định nói chí Phan Đình Phùng theo đường lối Cần Vương kháng chiến chống Pháp. Khi thấy Nhật bán Duy tân thành công lung lắt, Phan hướng cách mạng Việt Nam theo Tam dân chủ nghĩa, làm cơ sở hoạt động cho Việt Nam Quang Phục hội, do Phan đứng tổ chức.

Trong đại chiến thứ nhất, chúng kiến sự bành trướng xâm lược của Nhật bản, cộng thêm kinh nghiệm qua lần Đông du thất bại, Phan đã không ngần ngại dứt bỏ tư tưởng đồng chủng đồng văn, lên tiếng gọi Pháp Việt để huê để chống lại Nhật bản mà đã tâm thực dâm đã ro. Sau đại chiến thứ nhứt, cách mệnh Việt Nam lâm thoái trào. Phan đang ở Trung hoa cũng được chúng kiến nhưng bước thăng trầm của chủ nghĩa Tam Dân. Trong hoàn cảnh đó Phan đã không ngần ngại chấp nhận để cho tổ chức cách mệnh của mình đi theo một đường lối đấu tranh trong khuôn khổ tinh thần liên đới quốc tế.

Nhận định về tinh chất chuyển biến trong đường hướng cách mạng của Phan, đã có một số người viết rằng: "Thấy nước yếu, mất quyền độc lập, và dân ngu bị áp bức bóc lột thảm thương, Cụ nông này bốn chón rồi ai mách bảo chủ nghĩa nào cũng theo, miễn là cứu được nước. Thế là Cụ không có chủ nghĩa vững vàng để lãnh đạo quần chúng, cho nên sự nghiệp suốt đời không thành tựu được" hoặc: "Về chính trị và cách mạng, Cụ Phan chủ trương chỉ cần đạt tới mục đích, không cần chọn lựa thủ đoạn. Vì vậy khi Cụ quân chủ, khi Cụ dân chủ, khi Cụ bạo động, khi Cụ bất đề kháng (như trong cuốn Du Cừu niên Lai Sở tri Chí Chủ nghĩa), khi Cụ muốn Pháp Việt để huê, khi Cụ thích Chủ nghĩa Mác, khi Cụ bất chước Tam Dân chủ nghĩa của Tôn Dật Tiên. Có thể nói rằng Cụ không có chủ

xem tiếp trang 25

SỐNG VỚI NGƯỜI VIỆT

hạo như thế là một thực tại không thể phủ nhận tại Little Saigon. Dân Đại-hàn cũng muốn tạo một khu Little Korea tại quận Cam nhưng chưa được, và trong tương lai có được đi nữa thì sự thành công và nỗ lực của họ cũng không sánh được cộng đồng Việt. Bởi vì, ai cũng biết rằng người Đại-hàn ở đây là những di dân hoặc khách trú bỏ tiền ra để qua Mỹ làm ăn, sinh sống, cho con đi học, chứ không phải là những người tị nạn tỵ trắng như thuyền nhân Việt Nam.

Trong niềm tự hào của những người tỵ trắng lập nghiệp trên đất Mỹ, những người làm văn hóa trong cộng đồng cũng có chung một mối lo, đó là: liệu hai mươi, ba mươi năm sau, khi thế hệ di dân (immigrant) tị nạn thứ nhất [5] không còn, và bốn-mười năm sau thế hệ một rưỡi cũng về hưu hoặc qua đời, văn hóa Việt có được bảo lưu ở thế hệ thứ hai và các thế hệ kế tiếp không.

Trước mắt chúng ta thấy, ngoại trừ một số trường hợp đặc biệt, thế hệ một rưỡi (1.5 generation) đã kém và quên dần tiếng Việt (đọc và viết), nơi chỉ thế hệ hai (second gen-

eration). Vậy thì hai-ba mươi năm sau, tương lai của Việt ngữ hẳn là không sáng sủa như hiện nay. Lúc đó các công sở ở quận Cam không cần phải chưa thêm phần Việt ngữ. Con sách báo, đài truyền hình và truyền thanh của người Việt, nếu còn thì có thể lại sử dụng hoàn toàn Anh ngữ (dù là ở quận Cam). Trong viễn tượng đó, cái gì còn sót lại của cộng đồng Việt, văn hóa Việt nơi xứ người?

Nhưng văn hóa là gì? Đừng nói theo định nghĩa của bách khoa tự điển hay của các nhà văn hóa, xã hội học. Hãy nói nôm na đơn giản nhất là văn hóa bao gồm đời sống của con người cả về mặt tinh thần lẫn vật chất. Mặt tinh thần biểu hiện qua tri thức và đời sống tâm linh tín ngưỡng; mặt vật chất biểu hiện qua ẩm thực, trang phục, kiến trúc (nhà ở, đình thờ). Ngôn ngữ, văn học nghệ thuật cũng là một phần của văn hóa, vừa là trung gian để biểu đạt toàn bộ nếp sống văn hóa của một dân tộc, một cộng đồng.

Theo cách hiểu tổng quát như thế, văn hóa Việt năm mươi năm sau tại Little Saigon (có thể lúc đó là một khu di tích lịch sử của

người Việt tị nạn cộng sản) còn để lại gì? Ngôn ngữ chẳng? (đại nôi rồi, thế hệ một rưỡi đã quên dần tiếng Việt). Kiến trúc chẳng? (có một số ngôi chùa, thánh thất và công trường xây theo kiến trúc Việt Nam, không biết lúc đó còn ai bảo trì?). Trang phục chẳng? (có ai cộng đồng nào còn tổ chức các cuộc thi hoa hậu áo dài Việt Nam nữa không? Ngoài các cuộc thi áo dài, châu chấu Việt năm mươi năm sau có mặc áo dài đi lễ nhà thờ và chùa vào dịp Tết nữa không?). Âm nhạc chẳng? (thế hệ sau năm 1975 ở trong nước hiện nay còn yêu thích nhạc Mỹ, sáng tác nhạc theo điệu Rock, Pop, Hip Hop, thì liệu cái lương hát bội và cổ nhạc Việt Nam năm mươi năm sau tại hải ngoại có ai muốn nghe không?). - Không dám mạnh miệng trả lời đối với các điểm trên. Chỉ dám tin hai điều: 1) các thế hệ người Việt ở nước ngoài nếu còn yêu văn hóa Việt, sẽ dùng ngôn ngữ của quốc gia sở tại cùng với các phương tiện nghệ thuật để giới thiệu văn hóa của mình cho người ngoại quốc, và văn hóa Việt lúc đó là để tham khảo, trao đổi, tìm hiểu, chứ không phải văn hóa sống. 2) Khi tất cả những thứ trên (ngôn ngữ, âm nhạc, trang phục, kiến trúc) bị quên lãng dần cho đến khi mất hết, thì phố,

chùa, phố ẩm thực và một số món ăn Việt sẽ còn ở lại nơi xứ người.

Trong các phương diện của đời sống, ẩm thực là cái ít đối thay, ít tốn thời gian để ăn/học, và thường thì cũng không cần phải sử dụng đến ngôn ngữ để diễn tả. Khi thức ăn đưa đến miệng thấy thích, thấy đói, thì ăn thôi. Món phở và chả giò Việt Nam đã trở thành món ăn nổi tiếng mà người có kiến thức tối thiểu về văn hóa (ẩm thực) nhận loại không thể không biết. Chắc chắn năm mươi năm sau (dù Little Saigon chỉ là khu di tích lịch sử), món phở và chả giò vẫn sẽ còn ở California này, có thể còn lan sang nước láng giềng Mê Tây Co (vì một số đầu bếp chính, đầu bếp phụ trong một vài tiệm phở Việt hiện nay là người Mê, thừa quy

định nên nhưng ai có ý hướng bảo tồn văn hóa Việt nơi xứ người, đừng nghĩ rằng chỉ có những nhà thờ, nhà chùa, nhà văn, nhà thơ, nhà soạn nhạc, nhà báo, nhà giáo, nhà tri thức, nhà văn hóa, nhà kiến trúc, nhà tranh đấu, v.v... mới là những người làm văn hóa, duy trì và giới thiệu văn hóa Việt nơi xứ người. Con phải nghĩ đến công lao to lớn mà lặng lẽ của những "nhà bếp", "nhà nấu nướng" (chef) nơi các

nhà hàng Việt. Chưa chắc nhưng gì chúng ta làm hôm nay (bằng chữ nghĩa, âm nhạc, nghệ thuật, văn học, truyền thông) còn ảnh hưởng đến người Việt và người bản xứ đến hai mươi năm sau, nhưng phở và chả giò thì rõ ràng đã đi vào văn hóa thế giới.

Trở về chuyện "sống với người Việt." Trong giai đoạn hiện nay, nếu người Việt không thích sống với người Việt, không thích gần cộng đồng Việt thì một là người Việt đó có vấn đề, hai là cộng đồng cũng có vấn đề. Vấn đề của cá nhân thì khó nói được vì có rất nhiều biệt lệ. Vấn đề của cộng đồng thì dễ thấy hơn. Nhìn chung, nếu cộng đồng lành mạnh, có nề nếp văn hóa đẹp, có tự do, dân chủ, nhân quyền (là những thứ mà người Việt tị nạn kiên trì đấu tranh để đòi hỏi cho dân tộc và đất nước Việt Nam) thì người Việt thích sống với cộng đồng, thích lẫn vào vào các sinh hoạt chung. Con ngược lại thì người Việt sẽ tránh né cộng đồng Việt (để được yên thân, để khỏi bị phiền lụy về những chuyện nhức đầu không ra chi). Trong khi nhiều người ở các tiểu bang xa đã tìm về California thì cũng không ít người Việt khác đã tránh né cộng đồng Việt, rời xa vùng Little Saigon và họ chỉ đến

xem tiếp trang 26

PHAN BỘI CHÂU VỚI BÀI HỌC CÁCH MẠNG DÂN TỘC

nguyên nhất định" (Nguyễn Thượng Huyền "100 năm sinh nhật Phan Bội Châu", nhà xuất bản Trinh Bay, Saigon 1967.

Di nhien chung toi không thể đồng ý với người đã cho Phan thất bại là vì không có chủ nghĩa vùng chức. Và điều này tưởng đã có thực tại đương thời về cách mạng Việt Nam giải thích. Hơn nữa theo thiên kiến chúng tôi, sự chuyển biến trong tư tưởng của Phan không phải là vì "vô định kiến" hay là vì một tinh thần hoàn toàn bị động và ngoại cảnh. Trái lại, như chúng tôi đã trình bày, Phan vốn là con người khai phóng, không bao giờ chịu nếp mình trong những tri thức và ước lệ cố định. Đa thế, trên bình diện chính trị tranh đấu cách mạng, nung nấu bởi nhu cầu diệt thù cứu nước thì sự chuyển biến thích thời đấu tranh tưởng là lẽ tất nhiên. Hơn nữa, con chúng tôi ở Phan một tinh thần thực tiễn "hoàn cảnh khách quan để ra phương hướng và kế hoạch đấu tranh". Mà xét cho cùng, nếu tinh chất chuyển biến đó thể hiện một tinh thần khai phóng thì đi sâu hơn, ta vẫn thấy động cơ xuất phát vẫn là tinh thần tích cực, cái tích cực của một đứa con chỉ hiếu đối với bà mẹ đang lâm trọng bệnh: trong việc chưa hề thấy phương thuốc nào không hiệu nghiệm là vội đi tìm thứ khác ngay. Đọc lịch sử nước nhà, ngay từ nhưn ngày đầu gót chân xam lược của đế quốc Tây phương đặt lên đất nước này, chúng ta không thể không tự hào về sự thể hiện tinh tự ái quốc

của một số không ít con dân đất Việt.

Một Nguyễn Đình Chiểu dứt khoát trong tinh thần chiến đấu "thà thác mà đáng cầu địch khai, về theo tổ phụ cùng vinh hơn là còn mà chịu chửi đầy Tây, ở với mai đi rất khổ", chỉ vì không thể quên được "tấc đất ngọn rau ơn chưa, tại bởi cho nước nhà ta". (Nguyễn Đình Chiểu: Văn tế Nghĩa sĩ Cần Giuộc).

Một Thủ Khoa Huân quát mắt trước guom đạo của giặc: Nói xung mắt vĩa quán hồ lô Quyết thác không hàng rặng núi sông (trích thơ tuyệt mạng của Thủ Khoa Huân trước phút ông lâm hình)

Một Nguyễn Cao nghĩ n rằng phôi gan trái mặt: Thệ tâm thiên địa phi trường bạch Khuyết xỉ giang sơn thổ thiết hồng (trích bài thơ của Nguyễn Gia Chân, cháu 4 đời của Ôn Như Hầu Nguyễn Gia Thiệu, ai điếu u chi sĩ Nguyễn Cao sau ông tự tử - Theo Lang Nhàn, giải thoại láng Nho, NXB Nam chi tùng thư, Saigon 1960).

Một Phan Đình Phùng với câu nói bi hùng bất hủ: "Tôi có một ngôi mộ rất to là tổ quốc Việt Nam mà chưa trung tu lại được. Tôi có những người anh em rất thân là đồng bào Việt Nam mà chưa cứu vớt được" (Lời Phan Đình Phùng nói với nghĩa quân Cần Vương khi nhận được thơ dụ hàng của Hoàng Cao Khải, trong đó họ

Hoàng giả vô phản nân mô mà tổ tiên Phan bị hư hao; anh em bị liên lụy... (Đào Trinh Nhất, Phan Đình Phủ, nhà XB Tân Việt Saigon 1957).... Và còn biết bao nhiêu những trường hợp tương tự, làm sao kể hết.

Tuy nhiên với Phan Sao Nam, trước khi bàn tới cái tinh thần tích cực ngoan cường đó, chúng tôi muốn xin lưu ý quí vị về những tiếng khóc, những dòng nước mắt thấm tã mà chính Âm dương thất chủ nhân Lương Khải Siêu đã phải khuyên "xin khách rào lệ..." Khi ông kể lại cuộc tiếp xúc lần đầu với Phan tại Hoành tâm (Nhật bản). Cùng một tiếng khóc đó, Phan đã cho ra đời Lưu cầu huyết lệ tâm thư, Hải ngoại huyết thư, ngay đến Việt Nam Vong Quốc Sử Phan cũng vừa lau nước mắt vừa chép.

Trong cuộc đời bốn ba hải ngoại, quả thật đã có khi Phan khóc. Và điều này qua Ngục Trung Thư Phan cũng đã nói ra. Nhưng xét cho cùng đó chỉ là tiếng khóc bi hùng của một nhân vật đang ở trong cái thế "thần hệ bang gia", sống ưu tư cho nhà cho nước hơn là cho bản thân mình. Nói cách khác, tiếng khóc của Phan lúc này là của một con người tự cảm thấy lực bất tòng tâm trước cơn nguy nan của đất Mẹ, như là khi cảm thấy niềm tin: Vết gan lầy máu làm canh Vết cao đã có trời xanh thấu tình Mui tên dón hết tinh thánh Váng kia đã nọ tan tành như chơi (Lược trích Hải ngoại

huyết thư, "Lịch can huyết di diếu canh, để thiên khả giám; chu tinh thanh ư nhứt tiến kim thạch năng khai". Nguyễn Quang Tộ dịch Việt văn.

Kho đem lại một kết quả mong chờ!

Dù thế mặc lòng, Phan vẫn giữ vẹn niềm tin son sắt và cương đất trọn niềm tin vào tinh tự dân tộc mà Phan quan niệm như là động lực chiến thắng cuối cùng. Với những Ái chúng ca, Ái quốc ca... Phan đã không bỏ sót một cái trong mọi thành phần dân tộc, kể cả những người làm đường lạc lối theo giặc: Việc đầu nặng chia mang cùng nổi Xum tay vào kéo lại non sông; Lam cho sang tổ tổ tông, Tôi xin kể hết cách dùng như sau: Nao là kẻ phụ hao trong nước, Nao là người quan tước thế gia Nao ai si tịch trở gia Nao là linh tập, nao là gia nô Nao là những kẻ còn đồ nghịch từ Nao nhưng người nhu như anh si, Bép bói thông kỳ chi chi... Cứu gia từ đệ nao thì nhưng ai? Ấy kể bậc số người trong nước Con người đi du học mọi nơi Người trong cho đến kẻ ngoại Chư tâm cốt phát ai ai cùng đồng. (Toà soạn tự ý bỏ 3 dòng)

Tìm hiểu nguyên do, một phần nào do sự sai lầm nội bộ của chúng ta, nhưng phần quan trọng vẫn là do âm mưu chia rẽ, một sách lược gian manh truyền kiếp vô cùng thâm độc của bọn đế quốc thực dân, chẳng những dùng trong mọi cuộc xâm lược thuộc địa, mà còn nhằm

phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc thuộc quốc để dễ thống trị. Nhận rõ mối nguy hại đó, ngay từ đầu Phan đã không ngớt kêu gọi:

Chư rằng đồng loại tương thân Giao dân cùng với lương dân khác gi

Vô vẻ kêu gọi đủ mọi thành phần dân tộc, Phan cũng lên án mọi thái độ cơ tình cứu thù chia rẽ:

Đừng cậy thế, chờ khoe tại Bỏ đầu riêng nhỏ, tình bại lợi chung Chớ giành khi chớ khoe công Dứt tình ghen ghét, bỏ lòng xai nghi

Cuối cùng, Phan phác họa một chương trình hành động chung trong tinh thần hiệp hòa dân tộc, đoàn kết chiến đấu, về chính trị: Cốt trong nước người ta một bụng Nghìn muôn người cùng giống một người Phong khí suu thuế đến nơi Bảo nhau không đong no đôi được chẳng! Gọi đến linh không thắng nào chịu Bất một người ta kéo muôn người Bấy giờ có lẽ giết ai, Hân thời no cùng chịu lui giống mình (Thái bạch, Thi văn quốc cầm, nhà XB Khai tri, Saigon)

Cung như về vô trang: ... Người Việt Nam chúng ta đông 50 triệu, nếu thật lòng đồng tâm hiệp lực góp sức chung tay, kể như lừa người gạt cùi, cùng tiến bước, đấu tranh với quân Pháp, thì vạn người Việt cũng trị được 100 tên giặc, ngàn người Việt cũng trị được 10 tên giặc, và 100 người Việt cũng trị được một tên. Bốn

xem tiếp trang 27

LÃNH ĐẠO NGAY THĂNG

TRẦN QUANG ĐỨC's facebook



Long vua Gia Long. Ảnh: LÊ TÂN LỘC

Vua Gia Long nói: Đức của quân vương chẳng gì lớn bằng việc yêu dân, nên chính trị trước tiên là giảm nhẹ thuế phú. Từ xưa đế vương ngự trị thiên hạ chưa từng có ai không coi việc vỗ vè là điều cần kíp. 阮朝嘉隆皇帝曰：君德莫大於愛民，王政當先於薄賦。自古帝王臨御天下，未嘗不以撫綏為急（《大南實錄》）Phạm Nguyên Du nói: Kẻ làm chính trị phải dốc sức vào mấy chữ Lãnh Đạo Ngay Thăng, ngoài sự ngay thẳng ra thì chẳng có gì gọi là chính trị. Mấu chốt của sự lãnh đạo là ở mình chứ không phải ở người. Biết cách làm lãnh đạo thì trước tiên phải khiến bản thân mình ngay thẳng, rồi người khác sẽ tự ngay thẳng. Không biết cách làm lãnh đạo thì chỉ chăm chăm muốn người khác ngay thẳng mà người ta thì chẳng thế nào ngay thẳng được. 范阮攸曰：為政者當著力在帥以正三字，正之外別無所謂政也。帥者其機在我而不在人也。知所以帥則先務正己而人自正，不知所以帥則專欲正人而人亦不可正（《論語愚按》）

tiếp theo trang 24

BÁ ĐIỂM TRỌNG YẾU TRONG TƯ TẬP PHẬT ĐẠO (LAM GTSO RNAM GSUM)

tập Phật đạo, này con trai, hãy đi đến nơi nhàn tĩnh và phát sinh sức mạnh quyết tâm tấn tu hành minh tướng, hãy nhanh chóng thành tựu chỉ nguyện tối hậu.

[Nội dung] trên đây đó là lời dạy của nhân vật vĩ đại gọi là ti-kheo đa văn Lobsang Drakpa (= Tông-khách-ba) giảng thuyết cho Ngawang Drakpa hành giả ẩn dật xứ Tsaklo.

[1] - khổ khổ 苦苦 cái khổ của cảm giác đau khổ, không vui

- hoặc khổ 覺苦 cái khổ của cảm giác thụ yếu thích bị phật hoặc, hiểu hoặc

- hành khổ 行苦 cái khổ eo trọng tất cả mọi thứ thuộc quan hệ nhân quả

[2] Chúng ta cư sinh rồi lại sinh tư vô hạn quả khứ, cho nên hết thảy chúng sinh trong



Tenzin Gyatso, the 14th Dalai Lama

một đời nào đó chắc chắn đó là cha mẹ của mình. Vì vậy, hãy nghĩ rằng chúng sinh là cha mẹ của mình mà khởi bố để tâm cư xử, cha mẹ ăn nghĩa sâu nặng, chính ý nghĩa đó nên ở đây mới nói 'nhưng

người mẹ' là vậy.

[3] Phật đã giảng thuyết Đạo để chỉ dẫn cho chúng sinh. Để tu tập giác và tư tập Đạo theo lời dạy đó sẽ làm vị giác sư là Phật hoàn bị vui vẻ.

tiếp theo trang 7

ĐÀN CHIM DI CƯ

bạch nói bất hạnh của đàn chim vì muốn tìm về nơi an lành mà phải phớt lờ giữa lộ trình? Theo nhiều nhà khảo cứu, giống chim này rất khôn ngoan, có lý trí suy đoán, không phải thuộc loại chỉ sống theo bản năng như nhưng con thiêu thân bé nhỏ hề trông thấy ánh sáng là lao mình vào, ung tìm cái chết bên ánh đèn ngọn lửa. Thế mới thật thương hại cho một quyết định lầm lẫn.

Nếu lời này gây ra do chim đầu đàn thì thật là một bài học vô cùng quý báu cho nhưng nhà lãnh đạo. Lãnh đạo thế giới, quốc gia hay trong phạm vi bé nhỏ của một Tổ chức mà chẳng phân biệt được Chân Vọng, Thực Hư, Đùng Sai là cả tập thể đều gánh chịu một hậu quả thảm khốc. Nhưng nếu lời ấy do sự xé lẻ, bất

chấp kỷ cương của đoàn thể, do lòng ích kỷ, cống cao, ngạo mạn thì người viết lại càng đau đớn bội phần.

Xin hãy ý thức cương vị và sứ mệnh của mình để làm tròn, chỉ cần làm tròn thôi cũng đã đủ lắm rồi, để một ngày mai nào đó, một mình ngồi đối diện với cảnh trời đất bao la, nhớ lại những gì đã gánh vác trong quá khứ, không phải hối hận thờ ơ dãi dấp nuốt và ngậm ngùi ngậm câu thơ cổ:

Nhất thất túc thành thiên cổ hận
Tái hồi đầu thị bạch niên thân!

Xin tạm dịch:
Một bước lo lầm ngàn năm ăn hận
Quay đầu nghĩ lại thân trăm tuổi rồi!

CHỈ PHÁP

CON CHIM VỪA GỌI TIẾNG BUỒN TRONG MÂY

Không có chuyện gì để kể nhau nghe, mình hỏi thăm nhau trời mưa hay nắng... Em trả lời anh bên nư trời lạnh, mưa hoặc mưa hoặc buồn lắm, thưa anh... Anh nói bên anh thì trời nắng hanh, lá còn xanh mượt, mưa Thu còn xa....

Một ngày trời qua, từng ngày hanh hắt, trời cao vút vút, nư cách sống ngán! Không gian mông mênh, thời gian theo lịch, sống thất thất Trích, buồn nhiều hơn vui... Nơi em mưa hoặc, nơi anh nắng mai, hỏi đi hỏi lại, cung chuyện nắng mưa!

Tương tượng lòng ô, tóc em mưa tạt...
Tương tượng gió mát về đây bông dưng...

Em ơi mình từng nắng mưa trần trờ, bây giờ bơ ngo bên nắng bên mưa! Mưa từng câu thơ anh gửi em đọc... Anh biết em khóc nên mưa hạt lấm... Có phải thế không, nắng ơi hơi nắng?

Trời anh xé lạng, mái ngói đỏ ngời... Ôi miệng em cười mà chưa trong nắng, mình không xa lắm, phải không em yêu? Anh hỏi tới chiều, chiều xa thăm thẳm. Em bàn tay nắm giọt mưa vung đi... Mình biết nói gì lẽ nào không nói? Con chim vừa gọi tiếng buồn trong mây...

TRẦN VĂN LÊ

tiếp theo trang 25

SỐNG VỚI NGƯỜI VIỆT

vùng này để đi chợ và vào nhà hàng để kiếm phở, chả giò, bánh xèo... Qua đó, cũng đủ thấy điều hấp dẫn một người Việt gần với người Việt nhất vẫn là ẩm thực, cái chuyện hết sức "tâm thương" đó, thưa quý vị.

Tương lai văn hóa Việt Nam như thế nào? Nhưng người Việt Nam các thế hệ sau có thích gần chợ Việt, thích thức ăn Việt, thích nhìn thấy người Việt, thích đọc và nghe tiếng Việt hay không? - Điều này tùy thuộc vào cộng đồng hiện nay. Làm người ta thích thì người ta đến, người ta ở, làm người ta sợ, người ta không tin, thì người ta đi.

Đưa ra bao nhiêu thứ lý thuyết cao vời về văn hóa Việt, bảo tồn bản sắc Việt, nhưng trong bếp nhà của



Ảnh: UYEN NGUYEN/HOAI DAM

mình không có chai nước mắm, nói chuyện với con cái chỉ dùng toàn tiếng Anh, đọc sách báo thì tiếng Anh cũng lướt (hoặc không đọc nổi) mà sách báo tiếng Việt cũng lo là (và không bao giờ chịu mua) thì thử hỏi văn hóa Việt bảo tồn được bao năm?

Văn hóa là toàn bộ sự

sống của một dân tộc, một cộng đồng. Mỗi người tùy theo khả năng và vị trí của mình mà tự đảm nhiệm lấy phần bảo tồn và xây dựng. Nhưng trước hết, hãy tự hỏi, mình có thích sống với người Việt hay không?

Quận Cam, California, ngày 13 tháng 7, 2009
VINH HẢO

PHAN BỘI CHÂU VỚI BÀI HỌC CÁCH MẠNG DÂN TỘC

năm ngàn tên giặc, chỉ 4, 5 vạn người Việt chúng ta là có thể trị xong" (VN-VQS, sđd, trang 75).

Tên nền tảng tinh tự hiệp hoa dân tộc đó, thái độ của Phan càng dứt khoát hơn đối với thực dân, sau ngày về ở Bến Ngự. Chúng tôi xin mời quý vị theo dõi đoạn văn sau đây: "Hằng ngày lúc mặt trời, Cù Phan lụng thụng trong bộ quần áo nâu, tay chống gậy dạo qua dạo lại ngoài sân là quát: Có Tây đây, nhớ cho tận gốc! Tục thì mấy cậu bé con trong nhà xum lại bắt mồi "có Tây", thư cô Cù tự đặt tên, chứ thật là "có Cù". Chẳng qua trong lòng chất chứa mối căm thù thực dân không cảm nổi, đến phát ra như thế, và cũng để nhắc nhở cho bọn bên con biết đâu là thù cần diệt tận gốc" (Theo Anh Minh, Cù Sao Nam 15 năm bị giam lỏng ở Huế, xuất bản Anh Minh, Huế 1956).

Thật là mối thù bất cộng đái thiên không người, chỉ vì trong lòng Phan lúc này đã thực sự dứt khoát: Vàng khè trắng toát khác đôi bên

nên dù cho:

Sông núi lo làng máu lịch
sử vẫn giữ trọn tấm lòng
son sắt, tìm ý sống trong

cảnh:
Ba chén xong rồi ai đấy
bạn
Một pho kinh Phật, một
cây đèn

ngày đêm chỉ ước mong:
Bao giờ duyên mới thay
duyên cũ
Cùng nhau ra sức tát bể
Đông

Ấy hạt thay, cái "duyên mới" mà Phan Sai Nam mộng ước mãi cho tới bây giờ đã trên 30 năm, vẫn chưa được.

Phan Bội Châu là một chiến sĩ cách mệnh hoàn toàn thất bại trong hoạt động đánh đuổi đế quốc thực dân, giành lại độc lập cho đất nước. Điều đó thật hiển nhiên.

Để giải đáp nguyên nhân thất bại của mình, vào những ngày chót của cuộc đời, Phan đã tự kiểm thảo là "hưu chi vô tài", và xin đón bao tha lỗi "tội thậm khất thư" (trích nguyên văn câu Phan tự đề vào di ảnh của mình trước ngày hạ đài: "Cửu quốc tôn chúng hưu chi vô tài, kim cảnh dư quốc dân trưởng tử, tội thậm khất thư") Phan có chí, vô tài? Phan có tội?

Lịch sử Việt Nam, và chính cả cuộc đời Phan là một bản nhận định lớn lao. Ở đây một lần nữa, chúng tôi chỉ muốn nhắc lại, theo

quan điểm của chúng tôi, là không những chỉ sự thành công của Phan về danh tiết, mà cả sự thất bại về kết quả của Phan về đấu tranh cách mệnh cũng vẫn là một bài học rất thiết thực và có giá trị rất cao qui đối với hậu thế chúng ta. Nói rõ hơn, từ trong thất bại của Phan, ta có thể rút ra thêm những gì về kinh nghiệm đấu tranh để tự tồn.

Trước hết là tương quan lợi quyền giữa các đế quốc với nhau, dù là Nhật, Pháp hay bất cứ một đế quốc nào. Trong khuôn khổ tham vọng xâm lược thuộc địa, giành giật hoặc chia sẻ thị trường, họ có thể mâu thuẫn nhau, gây chiến lẫn nhau nhưng không bao giờ vì thế mà thành thực đứng về phía tiểu nhược quốc trong đấu tranh tự vệ hoặc giải phóng chống lại một đế quốc. Vấn đề "đồng chủng đồng văn" sự thực chỉ là ảo vọng đối với các nhà cách mệnh Việt Nam khi đặt niềm tin vào Nhật bản sau ngày Duy Tân và đang bước vào địa vị đế quốc, lần lượt xâm chiếm hoặc dự phần chia sẻ quyền lợi về các tiểu nhược quốc. Đó là bài học về phong trào Đông du. Cũng do tư bài học thiết thân này, trong Quang Phục hội (1912) khi đề cập đến vấn đề ngoại viện trong một bức thư gửi

HỘP THU HOA ĐÀM

Hoa Đàm chân thành cảm tạ sự yêu mến và khích lệ của nhiều độc giả cũng như sự đóng góp nhiệt tình của nhiều tác giả cho nội dung tờ báo ngày thêm tươi nhuận. Báo Xuân phát hành ngày 15 tháng 1, 2014 do họa sĩ Nguyễn Đồng-Nguyễn Hợp vẽ bìa vẫn tiếp tục đón nhận bài vở từ bốn phương.

Mọi liên lạc, xin gởi về địa chỉ:
hoadamnewsletter@yahoo.com

cho ông Hồ Hán Dân một nhân sĩ cách mệnh Trung Hoa, Đốc đốc Quảng đông, Phan đã tỏ ra nghi ngờ tất cả khi viết: "Anh gia, Ý gia, Mỹ gia, Đức gia? Hỡi thị Đông Á tức Nhật bản tham tâm hung ư tề chủ?". Chúng tôi tạm dịch: Trông cậy vào Anh chẳng, Ý chẳng, Mỹ chẳng, Đức chẳng? Nhìn về vùng Á Đông thì Nhật bản đã ro là quá tham tâm hơn lang sói!

Thứ hai, là tương quan lợi quyền giữa quân phiệt bản địa với đế quốc ngoại lai. yếu tính của quân phiệt là độc tài, là phản cách mệnh. Để cùng cố uy quyền độc tài và quyền lợi phe nhóm, bọn quân phiệt sẵn sàng liên kết với đế quốc ngoại lai

trong âm mưu chống lại các lực lượng cách mệnh có khuynh hướng chống quân phiệt và đế quốc, bất cứ lực lượng cách mệnh đó ở trong nước hay tại một nước khác. Ngược lại bọn đế quốc thực dân cũng khai thác mọi cơ hội, liên lạc với quân phiệt để phá hoại cơ sở cách mệnh của thuộc quốc tại quốc gia mà nhóm quân phiệt đó đang giữ chính quyền. Đó là trường hợp ngộ nạn của cách mệnh Việt Nam và cá nhân Phan trước sự liên kết giữa nhóm quân phiệt Long Tế Quang ở Trung Hoa và thực dân Pháp ở Đông dương.

Thứ ba là yếu tính của đế quốc là ngoan cố. Trong

xem tiếp trang 28



tiếp theo trang 11

Biên: Long Hải

GIỌT NƯỚC NÀO XÓT MẮT TÔI

và anh. Nhưng mây trắng
thong dong từ đây trên
quê hương còn mặt mũi
tâm tôi.

Từ Los Angeles đến Frankfurt rồi từ Frankfurt đến Hannover, tôi đọc xong tập Hồi Ký của Nhà Ca. Nhiều hình ảnh ngày nào rực rỡ và xot xa bây giờ. Ôn Tri Thủ, thầy Thiện Minh, anh Hiếu Chấn... Thầy Đức Nhuận với cái hình mặt nhận được hôm nào, chống gậy, com người xuống đất. Luôn cả hình dáng chị hiếu Chấn, chơi trai út và người con gái của chị. Cả hình ảnh buổi lễ tổng tang anh có thầy Tri Quang và quý thầy Ân Quang... Tôi

còn có giọt nước mắt này
đưa tiễn anh.

Buồn vui một đời, nói sao cho hết. Buồn vui trong tâm cảm lịch sử lại càng khó nói được hết. "Tôi gọi tên tôi cho đỡ nhớ..." Tôi đã đọc câu thơ này của Thanh Tâm Tuyền trong một ngày 1963, giữa lúc Phật giáo quê nhà bị khổ nạn và vào khi một mình đi trên bãi cảng Yokohama lạnh lẽ. Tôi cũng đã "gọi tên tôi cho đỡ nhớ", lúc này, trên chuyến bay về Hannover để nhớ đến mình trong hình ảnh chụp chôn của nhiều người thân thương khác.

Rồi mây bay đáp xuống

phi trường Hannover. Do sự sắp xếp của Ban Tổ Chức, một nhóm Phật tử Đức đơn và đưa tôi về Trung Tâm Thiền của bà Annemary Bushbeum và tôi đã ở lại đây hai hôm. Tối ngày 10/4/1991, tôi nói chuyện với gần 20 người Phật tử Đức này. Trước khi nói chuyện, họ đã dẫn tôi đi Thiền Hành qua một cánh rừng, rồi đến ngắm một hồ nước trong veo. Đến ngày 12/4/91, thầy Như Điển lại đưa về Hotel Parkhaus và nơi đây tôi thấy một tấm bảng ghi ngoài Hotel: vào ngày 9 tháng 12 năm 1777 thì hào kiêu văn hào nổi tiếng của Đức là Volfgan Von Goethe đã ở lại nơi đây. Bây giờ, hơn 200 năm sau lại là nơi tôi được trú ngụ trong gần hai tuần lễ. Diên phúc nào đây nhỉ?

Đức cũng như Âu Châu và Mỹ Châu, đến tháng April là xuân về hoa nở. Nhưng April năm này tuyết rơi trắng xóa cả bầu trời, tuyết rơi quanh cả Hotel tôi đang tạm trú. Người Đức có câu thành ngữ tháng April là mặc cho ông Trời muốn làm gì thì làm: xuân hạ thu đông có thể thay đổi trong một ngày.

Sau các bài diễn văn diễn từ, sau các lời chúc tụng và sau các phiên họp ban Phật sự sôi nổi, Ban Tổ Chức đã đưa tất cả phái đoàn đi viếng bức thành ố nhục Ba Linh (Berlin). Berlin Wall khất sự dựng lên vào ngày 13/8/1961 và bị đập phá để hai bên thông thương từ ngày 9 tháng 11 năm 1989. sau gần 30 năm chia cách, sự khổ

đau của con người trần ngập khắp đó đây. Chiều hôm nay, 17 tháng 4 năm 1991, một chiều lạnh có tuyết rơi. Chúng tôi đã đến đứng trước nhưng tấm ván có ghi tên nhưng người vượt thành tìm tự do bị cảnh sát Đông Đức bắn chết. Chúng tôi đứng cúi đầu trước tên nhưng người chết để tưởng niệm. Tuyết rơi dính ở mắt tôi nhằm lúc tôi đang khóc cho số phận nhưng người bị bắn bỏ mình.

Giờ này, Đông và Tây là đâu? Bên này và bên kia là đâu? Nhưng bức tường Berlin của Việt Nam, quê hương tôi, còn đó kia mà!

Los Angeles,
Mùa Phật Đản 2535
HUYỀN KHÔNG

NỀN TẢNG PHẬT GIÁO CỦA KINH TẾ HỌC

"Kinh tế học Phật giáo, nếu có, chỉ có thể thực hiện được với điều kiện, mục đích trong đời sống này của một cá nhân phải được xác lập, và việc làm của nó phải được hướng dẫn bởi đạo đức, bất kể lý thuyết về vị kỷ hay động cơ lợi nhuận có thành vấn đề hay không."

kinh tế trên thế giới ngày nay đã nâng cao tiêu chuẩn sống của nhân loại lên một mức đáng kể. Tuy nhiên, sản xuất quá độ và tiêu thụ quá độ dạt dào trong việc phân phối của cải trên cơ sở cạnh tranh. Về mặt tâm lý, chúng ta nên tham khảo lời dạy Phật dạy liên quan đến vấn đề thất bại này.

Trong một bản kinh, Đức Phật đã hướng dẫn một gia chủ trẻ sử dụng hợp lý lợi tức kiếm được bằng cách phân ra thành 4 phần: một phần dành cho các nhu cầu bản thân, 2 phần dành chỉ cho việc kinh doanh. Phần thứ tư để dành phòng ngừa lúc cần đến. Bản dịch tương đương trong bộ A-ham tạng Hán kể nhiều chi tiết hơn, nó thêm hai phần phụ nữa: một để xây đền

miếu, và phần sau để xây chùa chiền. Thật thu vị khi chú ý đến bản Hán dịch bộ A-ham trong đó vai trò đến miếu thờ thần và chùa chiền ở Ấn độ cổ được đặt ngang tầm với các viện kinh tế và xã hội ngày nay. Vào thời Đức Phật, hầu hết chưa chiến nguyên là những khu đất đai hoặc công viên do các ông vua, hoàng hậu, nhưng giới quý tộc hoặc giới có sở hữu chuyển sang. Về sau, người ta cũng cho các đoàn thể tôn giáo hoặc giáo phái để họ tu tập và giảng đạo. Việc hiến cúng một phần thu nhập của mình cho các mục đích tôn giáo như Đức Phật dạy cho vị gia chủ phải được xem là một đóng góp cho các hoạt động văn hóa và giáo dục, một loại đầu tư vào vốn con người.

VI. Kết luận

Nhiều tác giả viết về kinh tế học Phật giáo phê bình Adam Smith về định lý "bàn tay vô hình" của ông, theo đó nếu một cá nhân hành xử trên cơ sở lợi ích riêng của mình thì lợi ích xã hội sẽ được nâng cao.

Sự thật không thể chối cãi là tình hình kinh tế đang là động cơ thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế mà hầu hết các nước ngoài Âu châu và chủ yếu của nó thêm muốn. Như Smith đã xác quyết, lợi ích bản thân của cá nhân không được thúc đẩy, không một phát triển kinh tế nào có thể thực hiện được. Để có một cái nhìn sát hơn vào bức tranh, chúng ta hãy đặt hoàn cảnh này vào câu nói của Keynes: "Nếu không tính chi phí của tranh chấp, mà chỉ nhìn vào các lợi ích của kết quả cuối cùng được giá đình là vĩnh cửu. Lấy thu hoạch hết là cây trên cánh đến độ cao nhất có thể được để làm mục đích cuộc sống, thì cách thức khả dĩ nhất có thể đạt đến mục đích này là làm chết đói nhưng con vật ngăn cản cho nhưng con hươu cao cổ sống còn."

Như vậy, các nguyên nhân gốc rễ cho tăng trưởng kinh tế, tốt hơn hoặc xấu hơn như ngày nay nhìn

thấy, được bện chặt với lòng tham lam, thù ghét và ảo tưởng. Xóa bỏ 3 độc tố này là mục đích tối hậu của đời sống người Phật tử. Tuy nhiên tình hình kinh tế được tạo ra bởi các nguyên nhân gốc rễ tội lỗi, 4 loại thức ăn vẫn còn cần thiết cho đến khi bậc thành nhập vào niết bàn, vì cơ thể được cấu thành bởi 5 hợp thể đi đến chỗ tan rã hoàn toàn.

Trong phối cảnh này, một hệ thống kinh tế nào đó vẫn còn tồn tại để cung ứng các nhu cầu cho vị kỷ. Đối với những ai chọn đi theo con đường dẫn đến giải thoát tối hậu, đến thành tựu Niết bàn, Đức Phật dạy cách xả bỏ tuyệt đối các dục lạc thế gian. Đối với những ai còn bị ràng buộc trong ngũ dục, Ngài thuyết cho họ giáo lý về cuộc sống bình thường để họ có thể sống bình yên và hạnh phúc ngay trong đời hiện tại cũng như trong tương lai. Giáo lý cho đời sống sau thật đơn giản: bao dung và đạo đức. Để có thể tu tập tinh bao dung, anh

ta phải có một số của cải nào đó.

Như vậy, hành xử kinh tế của một Phật tử tại gia là một hành động có mục đích nhằm đến việc thu thập của cải cụ thể để tiêu dùng vật chất và tích lũy phước đức cho đời sống mai sau. Liên quan đến hành động có mục đích này, nền tảng cho sự gia tăng của cải của một Phật tử tại gia được dạy là phải bao gồm mười hạn mục: đất đai, vốn liếng, con cái, tài sản, gia súc, niềm tin, đạo đức, học tập, bố thí, và trí tuệ. Vì vậy, các điều kiện tăng trưởng kinh tế phải là một sự cân bằng giữa tiêu thụ vật chất và phát triển tinh thần.

Tuy nhiên, kinh tế học Phật giáo, nếu có, chỉ có thể thực hiện được với điều kiện, mục đích trong đời sống này của một cá nhân phải được xác lập, và việc làm của nó phải được hướng dẫn bởi đạo đức, bất kể lý thuyết về vị kỷ hay động cơ lợi nhuận có thành vấn đề hay không. Trong phương diện này, lời dạy Phật dạy về chánh mạng hy vọng đóng góp nhiều nguyên tắc chỉ đạo cho các nguyên cứu kinh tế.

NGUYỄN GIÁC

(dịch từ nguyên bản tiếng Anh toàn tập)

PHAN BỘI CHÂU VỚI BÀI HỌC CÁCH MẠNG DÂN TỘC



Phạm Sao Nam

mọi cuộc tranh chấp, bao gồm để quốc cung cấp vào sức mạnh vật chất, và cho đến phút cuối cùng vẫn tự tin vào sự chiến thắng bằng sức mạnh vật chất đó. Bởi vậy, đối với đế quốc mọi thái độ thương thuyết hòa dịu khi mình chưa có sức mạnh vật chất trội hơn hẳn đều chỉ là vô ích. Cũng không thể kêu gọi ở họ một cảm tình thân thiết hay một lẽ phải nào khi sức mạnh vật chất của mình còn non yếu hơn. Sự lâm lẩn và thất bại của Phan trong chủ trương Pháp Việt để huê chinh là một chứng liệu.

Sau hết, qua các nhận định trên, bài học bất tử mà Phan muốn dành cho chúng ta là: Xưa nay độc lập tự do phải giành mà lấy ai cho không mình (Phan Sao Nam, Ái đoàn ca)

Mà muốn vậy thì chỉ có một con đường duy nhất là đấu tranh trong tinh thần hòa hiệp dân tộc.

Một nhân vật mà đời hoạt động thành công cũng như thất bại vấn đề lại cho hậu thế một bài học quý báu như vậy, tưởng trong lịch sử đấu

tranh của dân tộc chúng ta không phải là nhiều. Và từ ngữ này, chúng tôi xin mượn để làm kết luận, câu đối sau đây của cụ Hoàng Giáp Nguyễn Đức Lý, người phủ Hưng nguyên tỉnh Nghệ An làm điệu Phan khi Phan từ trần: "Vì nước vì dân, long đến lúc già càng thấy sắt; Toàn danh toàn tiết, tượng sau khi chết đang nên đồng"

NGUYỄN QUANG TỎ

- (1) Ngục Trung Thư (bản dịch của Đào Trinh Nhất) Tân Việt Saigon 1950.
- (2) Nhà xuất bản Sinh minh, Vinh (Nghệ An) ấn hành năm 1946, tác phẩm này Phạm viết vào khoảng năm 1937 tại Yên Ngưu, Huế.
- (3) Xin xem thêm ở "Việt Nam vong quốc sử", nguyên tác chữ Hán của Phạm, Nguyễn Quang Tỏ dịch, nhà xb Tao đàn Saigon 1969.
- (4) Nguyễn Thường Huyên, tạp chí Bách khoa Saigon, số 73 ngày 15-1-1960
- (5) Lâm chính trị mới đang được thi hành như ngôi sao Bắc đẩu tự ở một chỗ đó, mà các ngôi sao khác đều theo chân về (ý nói qui phụ vào)
- (6) Phan Bội Châu, Khổng Học Đông, nhà xuất bản Ánh Minh, Huế 1957
- (7) Nhận xét này hoàn toàn trái ngược với nhận thức với lời tuyên bố của cụ Phan trước Hội đồng đế hình ngày 23-11-1925. Chúng tôi đồng nguyên văn và đánh quyền phê phán cho độc giả

(Trích nguyệt san Tư Tưởng năm thứ VI, số 8 - tháng 11-12 năm 1973. Chủ đề: Phan Bội Châu, của Viện Đại Học Vạn Hạnh

\$50,000 CREDIT CHO DOANH NGHIỆP CỦA BẠN

Giúp doanh nghiệp có vốn để khởi nghiệp hoặc mở rộng kinh doanh một cách nhanh chóng và dễ dàng. Tuyệt đối không cần phải dùng credit của cá nhân.

Chúng tôi sẽ giúp bạn nhận được hàng chục ngàn credit cho doanh nghiệp. Khoản tín dụng này được cấp cho công ty của bạn và KHÔNG dựa vào credit cá nhân của bạn.

Bạn có thể bắt đầu được phê duyệt trong vòng mười ngày kể từ khi tham gia chương trình! Bạn sẽ có bảo cáo credit doanh nghiệp đẹp mắt và trên \$50,000 credit doanh nghiệp chỉ trong thời gian thật ngắn.

BẢO ĐẢM \$50,000 CREDIT CHO MỌI TRƯỜNG HỢP

- | | |
|---|----|
| ☒ Công ty mới mở | OK |
| ☒ Công ty chưa có lợi | OK |
| ☒ Không có Credit | OK |
| ☒ Credit thật xấu | OK |
| ☒ Từng Khai Phá Sản | OK |
| ☒ Từng bị nhiều ngân hàng từ chối cho vay | OK |

(888) 895.8188



LOTUS
FINANCIAL CENTER

9741 BOLSA AVE. #217 | WESTMINSTER, CA 92683 | www.lotusfinancialcenter.com